

NĂM THỨ 6 - NGÀY 15-6-62

BACH KHOA

trong số này

HOÀNG MINH TUYNH Pháp quốc với chủ nghĩa
thực dân • NGUYỄN HIỂN LÊ cải tổ nền giáo
dục Việt Nam • BỬU KẾ tòa khâm sứ • CÔ
LIÊU thử bom trên thượng tầng không khí •
BÙI HỮU SÙNG chương trình Triết ở bậc Trung
học • TRẦN HƯƠNG TỬ G. Marcel, và huyền
nhiệm • PHONG GIAO kinh nghiệm đời văn •
LINH BẢO lá thư luân đôn • HOÀNG TRINH
tiếng kêu hoan hỉ • NGUYỄN HỮU PHIẾM đờ
đề đêm • ĐOÀN THÉM hòa âm số 7 • TƯỜNG
LINH nẻo cào • ĐỖNH HOÀNG SA nét buồn •
TRẦN VĂN KHÊ đỉnh chính về một bài thơ phò
nhạc • MỘNG TRUNG chỉ có một lần thôi •
VIÊN LINH phiên buồn • LÊ TẮT ĐIỀU quang
đường lợi • TẠ TỶ — DUY THANH — TỬ
DUYÊN trả lời cuộc phỏng vấn về quan niệm
hội họa • VÕ HỒNG đọc Le domaine maudit
của Cung Giũ Nguyễn • THU THỦY giải thưởng
Formentor • N. M. H. người
vũ trụ thứ hai của Mỹ •
NGUYỄN NGU Í Phật giáo
và nền văn hóa Việt Nam •



131

Một sự may mắn!!!

Nếu « **VERIGOUD** »

được quảng-cáo rộng-rãi hơn, ai cũng sẽ nhận thấy rằng đó là thứ si-rô ngon nhất tại Việt-Nam và Quý vị sẽ khó - khăn lắm mới tìm mua được.

✧
« **VERIGOUD** »

nước trái cây nguyên chất chế-tạo hầu
Quý vị bởi Hãng :

**SOCIÉTÉ FRANÇAISE DES DISTILLERIES
DE L'INDOCHINE**



CÁC HIỆU BUÔN ĐỪNG ĐẢN ĐỀU CÓ BÁN
VỚI GIÁ 65 \$ MỘT CHAI

BÁCH KHOA trong số này

Số 131 ngày 15.6.62

OÀNG-MINH-TUYNH	<i>Pháp quốc với chủ nghĩa thực dân.</i>	3
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	<i>phải mạnh bạo cải tổ nền giáo dục Việt Nam</i>	11
TU KẾ	<i>tòa khâm sứ</i>	19
JO-LIÊU	<i>tại sao cần thử bom trên thượng tầng không khí ?</i>	27
DÙI-HỮU-SÙNG	<i>nên bỏ hay nên sửa chương trình Triết ở bậc Trung học.</i>	31
TRẦN-HƯƠNG-TỬ	<i>G Marcel, và huyền nhiệm</i>	43
HONG-GIAO	<i>(dịch Erskine Caldwell) kinh nghiệm đời văn</i>	51
LIÊN-BẢO	<i>lá thư luân đôn</i>	59
HOÀNG-TRINH	<i>tiếng kêu hoan hỉ</i>	64
NGUYỄN-HỮU-PHIẾM	<i>đờ đề đêm</i>	65
ĐOÀN-THÊM	<i>hòa âm số 7</i>	73
TRƯỜNG-LINH	<i>nẻo cao</i>	74
TRẦN-HOÀNG-SA	<i>nét buồn</i>	75
TRẦN-VĂN-KHÊ	<i>đính chính về 1 bài thơ phổ nhạc</i>	76
TRẦN-TRUNG	<i>chỉ có một lần thôi</i>	77
TRẦN-LINH	<i>phiên buồn</i>	78
LÊ-TẮT-ĐIỀU	<i>quãng đường lội</i>	79
TẠ-TY — DUY-THANH — TÚ-DUYÊN	<i>trả lời cuộc phỏng vấn quan niệm hội họa</i>	86
VÕ-HỒNG	<i>đọc Le Domaine maudit của Cung Giũ Nguyên</i>	101
THU-THỦY	<i>2 giải thưởng văn chương ở Formentor</i>	104
NGUYỄN-NGU-Í	<i>Phật giáo và nền văn hóa Việt Nam</i>	106
N. M. H.	<i>người vũ trụ thứ hai của Mỹ : Scott Carpenter</i>	110

BÁCH-KHOA

trong những số tới

- Tại sao Trung-Hoa Cộng-sản từ bỏ « bước
nhảy vọt » và hòa giải với Liên-xô ? HOÀNG-MINH-TUYNH
- Quá trình tiến hóa của ca-trù và ảnh
hưởng của ca-trù đối với văn-hóa dân tộc ĐỖ-BĂNG-DOÀN
- Vấn đề tư-thực NGUYỄN-HIỂN-LÊ
- Sartre hay là thuyết Hiện-sinh phi-lý TRẦN-HƯƠNG-TỬ
- Mánh lới điều tra (4) : Trá ngục TRẦN-THỨC-LINH
- Tìm hiểu Nhật-bản qua thi-ca ĐOÀN-VĂN-AN
- Góp ý về cú pháp ĐỖ-HỒNG-VŨ
- Bên lề nghệ thuật : Đồ đạc ĐOÀN-THÊM
- Viếng thăm báo Figaro MINH-ĐỨC
- Về đầu (truyện dài) VÕ-PHIẾN
- Teddy (dịch Salinger) NGUYỄN-MINH-HOÀNG
- Con Tư điếm VŨ-HẠNH

Chủ-nghĩa thực-dân « chấm dứt nhiệm-kỳ » ?

3

Pháp quốc với chủ nghĩa thực dân

HOÀNG-MINH-TUYNH

Tính từ năm 1962, các « lãnh địa thuộc Pháp còn lại » kể cũng còn được khá nhiều, nhưng ở rải rác nhiều nơi và đa số là những hải đảo nhỏ, dân cư không được đông đúc lắm. Tổ chức hành chính ở những khu vực này thường là tổ chức hàng quận, theo kiểu département. Có hai loại chính :

— Các quận hải ngoại, trên lý thuyết, theo qui chế của quận hành chính Pháp, điều hành dưới quyền của một viên quận trưởng, préfet, có hội đồng hàng quận phụ tá :

Martinique : 1.100 km², dân cư chừng 300.000 ;

Guadeloupe : 1.780 km², dân cư chừng 280.000 ;

Guyane : 90.000 km², dân cư chừng 40.000 ;

Réunion : 2.510 km², dân cư chừng 320.000.

— Các lãnh địa hải ngoại, trước đây là thuộc địa, nhưng từ sau cuộc trưng cầu dân ý năm 1958, đã chấp nhận qui chế bán tự trị giống như qui chế ban hành cho Hắc Phi theo đạo loi-cadre năm 1956. Định chế tại các « lãnh địa hải ngoại » là một định chế có tính chất hỗn hợp gồm một nghị viện địa phương, một hội đồng chính phủ bản xứ do một viên toàn quyền hay cao ủy làm chủ tịch, và một viên phó chủ tịch bản xứ phụ tá :

CHỦ NGHĨA THỰC DÂN « CHẴM DỨT NHIỆM KỲ ? » ...

- Quần đảo Comores : 2.236 km², dân cư 180.000 ;
- Duyên hải Somalis : 23.000 km², dân cư 70.000 ;
- Nouvelle-Calédonie : 19.000 km², dân cư 80.000 ;
- Polynésie thuộc Pháp : 4.000 km², dân cư 75.000 ;
- Hải đảo Wallis và Futuna : 90 km², dân cư 10.000.

Ngoài hai loại chính trên, có một loại thứ ba nữa, gồm một số đảo cũng thường được mệnh danh là « lãnh địa », song qui chế hành chính có ít điểm dị biệt :

Saint-Pierre và Miquelon : 242 km², dân cư 5.000 (qui chế gần giống qui chế quận : có hội đồng quận nhưng chủ tịch là viên toàn quyền, chứ không phải quận trưởng) ;

Nouvelles-Hébrides : 18.000 km², dân cư 50.000 (Condominium hôn hợp Anh-Pháp, do hai ủy viên trú sứ (commissaires-résidents) một Anh, một Pháp, quản trị ;

Nam Cực Địa (Les Terres Australes) (Kerguelen, Crozet, Saint-Paul, Nouvelle-Amsterdam, Terre-Adélie) : tổng số diện tích : 75.000 km², dân cư chừng 100 trên các đảo. Terre-Adélie diện tích 1.100.000 km², dân cư lời 10. (Khu hành chính đặc biệt, do một viên « quản lý cao cấp » điều khiển, có một « hội đồng tư vấn » phụ tá, trụ sở đặt tại Ba-Lê)

Tại các phần đất cuối cùng còn lại của Pháp này, người ta thấy có đặc điểm là « vấn đề chính trị » ít khi được nêu ra trên một tầm mức quan trọng, do đây về mặt chính trị, người Pháp ít phải quan tâm đến. Nhờ tính cách địa lý hay nhân số ít ỏi của hải đảo, các lãnh địa trên không từng biết đến những cuộc xung đột vũ bão như ở Algérie hoặc Đông Dương. Và các lãnh tụ địa phương phần nhiều vì hoàn cảnh không thuận lợi, thường cũng ít khi nghĩ đến sự quật khởi theo kiểu các nhà quốc gia có tinh thần cách mệnh tại những phần đất có ưu thế hơn như ở Cuba hoặc Chypre. Sau nữa, kể về đại quan, nhân dân trên các hải đảo thường tỏ vẻ thành thực mến chuộng người Pháp. Tuy nhiên, sự mến chuộng ấy không ngăn cản họ vận dụng nhiều phương thế để đi tới chỗ tự quản trị lấy công việc riêng của mình và để kết hợp với những dân tộc khác hầu qui về một mối thông nhất trên căn bản địa lý và nhân chủng giống nhau, như các hải đảo miền Antilles muốn sáp nhập lại với nhau thành một khối lớn, gọi là khối đảo Caraïbes...

Các quận Pháp tại Mỹ Châu

Trong vịnh Caraibes, nước Pháp có hai đảo chính Guadeloupe và Martinique, phụ thêm một số đảo nhỏ Saint-Martin, Sainte-Barthélémy, Marie-Galante; và ở biên cương phía bắc Brésil, có phần đất thắp vào lục địa gọi là Guyane. Tất cả lãnh địa này đều là những « quận của Pháp quốc tại Mỹ châu ».

Các đảo Mỹ châu thuộc Pháp xưa nay vẫn được tiếng là những cảnh thiên nhiên hùng vĩ, dân sống trên đảo, phần nhiều da đen hay da trắng bản địa, vẫn bị coi là lười biếng, ươn hèn. Sự thực thì cảnh cũng không lầy gì làm đẹp lắm, mà người cũng không lầy gì nhớn nhác lắm, duy cả ba lãnh địa hiện nay cũng đang lâm họa nhân mãn và nạn khủng hoảng kinh tế trầm trọng.

Tổng số dân cư trên hai đảo Guadeloupe và Martinique lên tới trên dưới 600.000. Năm 1970, con số sẽ lên 700.000 và năm 1980, sẽ vượt quá một triệu. Làm sao có thể nuôi nấng, kiếm việc và bảo đảm mức sống phải chăng cho lớp thanh niên của thế hệ mới, trong khuôn khổ một nền kinh tế ngày càng bị đe dọa nặng nề?

Sản xuất trong đảo vấp phải những khó khăn ngày một gia tăng trong việc tiêu thụ: rượu Rhum bị ế, bán lỗ; mía phải cạnh tranh với củ cải của chính quốc sản xuất dư thừa; chuối và dứa (thơm) xuất cảng bị hạn chế bởi hiệp ước ký kết giữa Pháp và các tân quốc gia Phi châu

buộc Pháp phải tiêu thụ trên thị trường một phần số sản xuất của Côte d'Ivoire và Cameroun. — Từ trước, nhờ « hiệp ước thuộc địa, *pacte colonial* » điều hành, bảo đảm tiêu thụ số sản xuất nông nghiệp tại chính quốc và chính quốc, đổi lại, phải cung cấp thỏa mãn nhu cầu của các thuộc quốc, sự quân bình kinh tế tại các hải đảo được luôn luôn tốt đẹp, khiến cho nhân dân không phải sống trong phập phồng, lo sợ. Ngày nay, tình thế đã đổi thay nhiều, « hiệp ước thuộc địa » hình như không được tôn trọng lắm nữa, dân hải đảo chẳng ai chịu nỗ lực tìm kiếm thị trường mới, hoặc khai trương những ngành canh tác mới có thể xuất cảng, hoặc phát triển công cuộc kỹ nghệ hóa thay thế cho phương thức tiêu công nghệ còn nặng tính chất gia đình của một phần lớn người da trắng. Cuộc khủng hoảng gây ra tai hại cho sản xuất tại Antilles, đồng thời ảnh hưởng khá nặng nề đến công ăn việc làm của người bản địa. Số thất nghiệp ngày càng gia tăng một cách đáng ngại. Vì nạn nhân mãn, vì người dân thiếu ý chí kỹ nghệ hóa, vì chế độ điện địa lạc hậu không để nhà trồng trọt tiền lên hàng tiêu điện chủ, vì « sở công vụ » quá bận rộn với việc tìm chỗ làm cho hàng mấy trăm cựu công chức bị thải hồi từ Hắc Phi hay Bắc Phi tới.

Được ít lâu nay, chính phủ Pháp đã khởi sự nghĩ tới việc phát khởi một kế hoạch kinh tế và xã hội cho

CHÚ NGHĨA THỰC DÂN « CHÂM DỨT NHIỆM KỲ ? » ...

người Antilles. Giai đoạn đầu trong kế hoạch nhằm :

— nâng cao lương tời thiếu có bảo đảm và phụ cấp gia đình ;

— thiết lập một nhóm nghiên cứu kinh tế có nhiệm vụ chủ yếu phác họa một kế hoạch phát triển ;

— thi hành những biện pháp đặc biệt giúp đỡ các nhà sản xuất địa phương và đem vào những phương thức canh tác mới về trà và thuốc hút ;

— thu hồi những khoảng đất bỏ hoang chưa trồng trọt hết và cấp không cho người dân nghèo làm chủ sở hữu ;

— cấp tiền thưởng cho những xí nghiệp mới tới lập nghiệp tại Antilles.

— khởi xướng một chương trình trang bị khách sạn để tán trợ việc chiêu đãi du khách.

Tuy nhiên, điểm quan thiết nhất trong chương trình dự liệu chính là việc tạo dựng một thứ « quân dịch thích ứng », « *service militaire adapté* » có mục đích để cho quân đội được tham gia vào các đại công tác có tính chất công ích tại Martinique và Guadeloupe và việc phát động một kế hoạch khai thác xứ Guyane thực lớn lao. Người ta hy vọng khi người thanh niên thi hành xong quân dịch, một số lớn sẽ lợi dụng điều kiện canh tác để dài buổi đầu và sẽ lập nghiệp tại Guyane. Đó cũng là một cách giải quyết nạn nhân mãn buổi đầu.

Tất cả những kế hoạch dự trù trên, người Pháp đem ra thi hành có hơi quá chậm trễ, nên đã không chặn trước được phong trào đòi tự lập (autonomie) và tự trị (autogestion) chớm nở trong đầu óc nhiều người dân Antilles.

Nhà « thi-nghị sĩ » *Aimé Césaire*, thị trưởng Fort-de-France, văn gia Pháp ngữ nổi tiếng, từng lên tiếng tuyên bố : « Vấn đề các quận hải ngoại Pháp căn bản là vấn đề chính trị, vì trong một thế giới đang tiến tới chỗ giải trừ thực dân, Antilles thuộc Pháp vẫn còn là một khoảng đất thực dân rất hiểm hoai rớt lại ». Ông đưa ra chủ trương « tự trị », « autogestion », đòi áp dụng cho xứ ông một chế độ căn cứ trên nguyên tắc đó, và ông cho rằng chế độ này « không nhất thiết sẽ cáo tố sự liên kết được coi là rất khẩn yếu với nước Pháp. »

Một tổ chức khác tỏ vẻ yêu sách gắt gao hơn, đó là « Mặt trận tranh đấu tự trị cho Antilles-Guyane » (1). Tổ chức chính trị này chủ trương Liên Hiệp tự lập, có thể đi tới độc lập. Chủ trương của nó chưa được nhiều người hưởng ứng vì nhân dân trong xứ đa số còn giữ cảm tình với nước Pháp. Tuy nhiên, người ta đã khởi sự thấy phát hiện một tiền triển chính trị khá rõ rệt trong các đảo Antilles thuộc Anh, vì các đảo nay đang đi tới chế độ « self government »

(1) Lãnh tụ của « Mặt trận » nay là ông Manville trạng sư tại Ba Lé và nhà văn hào Edouard Glissant, được giải thưởng Renaudot 1958.

và cũng có những đảo khác đang đi tới « độc lập » trong Commonwealth như Jamaïque, Trinité. Sự kiện này không khỏi ảnh hưởng tới các thuộc địa Pháp. Chính phủ Pháp đã ra lệnh cấm chỉ hoạt động của « Mặt trận » và trừng trị các tay lãnh tụ chính yếu.

Hải đảo nhỏ *Saint-Pierre-et-Miquelon*, ở ngoài khơi miền duyên hải Bắc Mỹ, có số dân cư toàn thể da trắng cùng một nguồn gốc với người Gia-Nã-Đại nói tiếng Pháp. Kỹ nghệ chài lưới nuôi sòng hai đảo, tỉnh lỵ là Saint-Pierre. Trên miền đất cũ kỹ này của nước Pháp, từ lâu không hề thấy xảy ra những « biến cố » chính trị quan trọng, ngoài việc « Tổng Hội Đồng » mới rồi lên tiếng đòi chính quốc phải gia tăng viện trợ về mặt kinh tế và xã hội. Hiện đang có một số dự án phát triển khách sạn (chiêu đãi du khách Mỹ và Gia-Nã-Đại), kỹ nghệ (chế tạo đồ hộp và hiện đại hóa hải cảng) và văn hóa (thiết lập đài vô tuyến phát thanh sang Mỹ Châu). Tuy nhiên, từ lâu, đó vẫn chỉ là những dự án mà thôi.

Các lãnh địa tại Ấn Độ Dương

Tại Ấn Độ Dương, nước Pháp còn giữ được địa vị khá quan trọng, mặc dù đã trả độc lập cho Madagascar.

Ở phía Đông Phi - Châu, có Đảo *Réunion* — ngày xưa gọi là Đảo Bourbon — hưởng qui chế một quận của Pháp và những vấn đề đặt ra ở đây cũng gần giống với những vấn đề đặt ra tại các đảo Antilles : độc

canh, xuất cảng khoáng sản, nhân mãn trầm trọng và thiếu kỹ nghệ hóa. Madagascar thu hồi độc lập khiến cho Réunion bị mất một thị trường quan trọng vì chính phủ tân lập Tananarive muốn dành quyền ưu tiên cho quốc dân của họ. Nước Pháp lại viện trợ cho Madagascar nhiều khoản, khiến Réunion nhiều khi phân bì, tự hỏi : « Giữ lòng trung thành với nước Pháp liệu có lợi lộc gì ? » Sau nữa, điều kiện khí hậu đặc biệt (những cơn đại phong dữ dội tàn phá mùa màng) làm hư hại một phần rất lớn những canh tác mới chưa hợp thủy thổ. Một đảng Cộng-sản có khá đông người gia nhập, hoạt động mãnh liệt khắp nơi, tuy gần đây bị chính quyền thẳng tay ngăn chặn, với sự ám trợ của giới tư sản ôn hòa đa số chuyên về kỹ nghệ làm đường.

Phía tây đảo Madagascar, có quần đảo *Comores* (gồm một số đảo chính Grande Comore, Aujouan, Mayotte, Mohéli) vừa được « tự lập nội bộ trong khuôn khổ chủ quyền Pháp ». Một hạ nghị viện và một hội đồng chính phủ do một nhân vật địa phương chủ tọa lo việc quản trị công việc nội bộ ; còn viên Cao-Ủy Pháp phụ trách kiểm sát các quan hệ ngoại giao, tiền tệ và quốc phòng. Tập đoàn lãnh đạo mới (có các ông Saïd Mohamed Cheikh, Mohamed Abdallah, Abdallah, Abderamane và hoàng thân Saïd Ibrahim) nhờ viện trợ Pháp, hiện đang nỗ lực kiểm kê hiện đại hóa một dãy hải đảo và một ủy ban quốc hội Pháp, hồi 1961, tới

thăm viếng đã diễn tả tình trạng sinh hoạt bi đát như sau : « Nhân dân trên các hải đảo phần lớn khổ cực và thiếu ăn vì chủ đất chỉ chăm lo đền lợi lộc cá nhân, không chịu trồng trọt những cây ăn được để cung cấp thực phẩm cần bản cần thiết cho nhân dân. Họ chỉ ưa những loại cây như sisal và những loại cây dùng để sản xuất nước hoa.

« Công xá rất ít ỏi, hàng tháng trung bình được 2.000 phật lạng, mãi lực do đây rất thấp kém. Sự cơ cực lan tràn khắp nơi và ngày càng gia tăng theo một nhịp rất đáng lo ngại. Cần phải cố gắng bảo đảm cho xứ này có đủ phương tiện cần thiết để sinh tồn và sau đó, để phát triển ».

Ở cửa vào Hồng Hải, có miền *Duyên hải Somalis thuộc Pháp* (thủ đô là Djibouti) cũng mới được hưởng qui chế tự lập nội bộ gần giống với qui chế quần đảo Comores. Miền này đất khô xầu, gần như đất sa mạc, không có chương trình dự trù mở mang, khai thác. Duy có hải cảng Djibouti, một căn cứ tiếp liệu khá quan trọng, vì phải cạnh tranh với hải cảng Aden, gần đây mới được người Pháp nghĩ đến việc đóng cho một bên tàu nổi để tiếp liệu và sửa chữa các tàu bè qua lại. Đường xá cốt yếu trong xứ là đường hỏa xa Pháp — Ethiopie, nối liền thủ đô Adiss — Abéba với Djibouti. Trước đây, miền Somalis thuộc Pháp này vẫn được coi là miền chiến lược quan trọng, nhưng lúc này,

với những phát minh võ khí mới, giá trị chiến lược của nó đã bị giảm nhiều.

Djibouti và phần đất phía sau hiện nay nằm trong phạm vi một khu vực mà một số chính khách địa phương có sáng kiến đề nghị sáp nhập với hai miền Somalie thuộc Ý và Somalie thuộc Anh và một vài miền nữa để lập, thành một *Đại Somalie*. Đó chỉ mới là một đề nghị, nhưng nhân dân các miền liên hệ đã khởi sự bắt tay nhau qua biên cương để chuẩn bị một cuộc liên kết mới đầy hứa hẹn.

Các thuộc địa Pháp tại Thái Bình Dương

Vang hừng của những biên cô đen tối tại Algérie và tại chính quốc Pháp đã vọng tới các đảo của Pháp tại Thái Bình Dương. Mới tháng trước đây, các khẩu hiệu của Tổ chức Quân đội Bí mật (O.A.S.) đã thày xuất hiện tại Nouméa, thủ đô xứ Nouvelle-Calédonie, và một mối « plastic » đã nổ tại Nghị viện địa phương.

Đó là vì « tâm trạng » chính trị của địa phương trên đã phản ánh rõ rệt hai mối xung đột mới xảy ra được mấy tháng nay :

1) — Xung đột giữa viên Cao Ủy Cộng Hòa Pháp và Hội Đồng Chính Phủ. Đảng chiếm đa số, là đảng Liên Hiệp Calédonie của nghị sĩ Lenormand, cho rằng quyền hành của viên Cao Ủy được giải thích theo một chiều quá rộng rãi, nên khi áp dụng đã phương hại không ít đến thẳm

quyền của các « bộ trưởng » địa phương. Viên Đại diện chính quyền trung ương, theo họ, có khuynh hướng muốn giới hạn tối đa chế độ tư lập của địa phương đã được luật pháp công nhận.

2) — Xung đột giữa Hội Đồng Chính Phủ và Công ty Le Nickel là Công ty rất có thế lực, chi phối toàn thể nền kinh tế Nouvelle-Calédonie. Công ty này, từ lâu, vẫn được hưởng rất nhiều biện pháp nâng đỡ của chính quốc (mà dư luận cho là không thực cần thiết) tới nay lại đưa đơn ra Nghị viện địa phương để xin trợ cấp nữa. Đơn trước được chấp thuận, sau bị khước từ.

Hai cuộc xung đột đều có tính chất chính trị vì Hội Đồng Chính Phủ dựa vào sự tán trợ của các đoàn thể người địa phương (36.000 đôi với 30.000 người da trắng), và của đảng *Liên Hiệp Cộng Hòa*, có khuynh hướng thiên tả, ủng hộ Đảng của ông Lenormand trong cuộc đấu tranh này.

Viên Cao Ủy bèn giải tán Nghị viện và Nghị viện mới sẽ được bầu ra trong một ngày gần đây.

Tahiti và các đảo phụ thuộc (quần đảo Toumontou, Gambier, Marquises) mới có tên gọi chính thức là « Polynésie thuộc Pháp », còn ở trong tình trạng bồi rỗi hơn nữa, nhất là từ 1958, viên « nghị sĩ bản xứ » là Pou-

vanna Acopa bị tố cáo chực đột tình lý, trong trường hợp hết sứ dī kỳ. Ông này bị câu lưu tại Marseille. Con trai ông được bầu lên thế ông, rồi chết. Tahiti hiện nay là diễn trường đấu tranh giữa các công ty quốc tế muốn chiếm đoạt quyền kiểm sát « kỹ nghệ » chiêu đãi du khách đang khuếch trương mạnh, nhiều phi trường hạng quốc tế đang hoàn thành, có thể sử dụng trong một thời gian ngắn. Các công ty Mỹ và Pháp tranh nhau từng miếng đất để xây cất; giấy phép xây cất phải « từ công phủ » mới giành giật được.

Quần đảo Wallis và Futuna, trở thành « lãnh địa hải ngoại » do cuộc trưng cầu dân ý ngày 27-12-1959. Nhân dân trên hai đảo này, nhờ sự giáo dục của các giáo sĩ thừa sai, được tiếng là nhã nhặn, dễ thương nhất hoàn cầu. Họ mới cử vị đại biểu duy nhất tham dự Quốc Hội Pháp...

Sau hết *Nam Cực Địa* là phần đất thực tế không có người ở, được nước Pháp dùng làm căn cứ nghiên cứu và thí nghiệm khoa học. Có nhiều phái bộ thường trực tới đặt cơ sở tại đó, nhân viên thay đổi từng định kỳ. Khả năng phát triển kinh tế tại phần đất này không phải không có, nhưng vấp phải vấn đề khó khăn nan giải là vấn đề nhân công.

HOÀNG-MINH-TUYNH

THỜI BÁO

tờ báo của mọi gia đình

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES :

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOWLOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

Phải mạnh bạo cải tổ nền giáo-dục Việt-nam

NGUYỄN-HIỀN-LÊ

(xin xem từ B. K. số 128)

Bậc Đại học và Cao đẳng.

Sau cùng, tôi xin bàn đến bậc học cao nhất của ta gồm các trường Đại học và các trường Cao Đẳng.

Bậc học đó mấy năm nay bị chỉ trích rất nhiều về những điểm này :

— Giáo sư thiếu tư cách, chẳng hạn giáo sư «Quốc văn ba lối»

— Không dùng Việt ngữ làm chuyển ngữ, điểm này đã tạm được giải quyết ở các trường Đại học, nhưng còn những trường Cao Đẳng, chẳng hạn trường Phú Thọ, trường Blao, thì đã được giải quyết chưa ?

— Giảng đường thiếu chỗ, sinh viên phải đứng hoặc ngồi ở cửa để nghe giảng.

Gần đây, trên báo *Tự Do* ngày 25-2-62, ông Vương Quân viết bài : *Vài ý nghĩ về vấn đề Đại học* để chỉ trích tinh thần của nền Đại học Việt Nam, đại ý bảo rằng tinh thần đó là một thứ tinh thần thiếu sáng kiến, thiếu tự tin, chỉ cóp đúng của Pháp, sợ rằng nếu không chép

đúng thì bị chê là « kém văn minh », « không tương đương », « mất giá trị của văn bằng ». Nhưng chỉ là cóp đúng cái chương trình, cái tên thôi, khi thực hiện, nghĩa là khi dạy học thì kém xa người ta.

Tác giả bài đó chỉ nhận xét như vậy chứ không đưa một giải pháp. Chúng tôi xin đặt lại vấn đề và đề nghị một giải pháp.

Chúng ta theo Âu, phân biệt các trường Đại học và các trường Cao đẳng. Các trường Đại học có mục đích đào tạo một hạng trí thức có tinh thần khảo cứu, sáng tạo, chứ tuyệt nhiên không sửa soạn địa vị cho họ ; vậy một văn bằng Đại học chỉ chứng tỏ một khả năng học hỏi thêm, chứ không bảo đảm một địa vị cho sinh viên. Vì vậy ở Đại học người ta dạy nhiều về lý thuyết.

Trái lại ở các trường Cao đẳng, người ta lo đào tạo những chuyên viên trong mọi hoạt động của Quốc gia (thương mại, công chánh, kỹ-nghệ, y

tế, giáo dục...), nên người ta dạy nhiều về thực hành hơn lý thuyết, mà sinh viên ra trường thường được bảo đảm ngay một địa vị.

Phân biệt như vậy cũng có lý vì trong xã hội nào cũng cần một hạng học giả có tinh thần tìm tòi, sáng tạo; nếu chỉ có toàn một hạng chuyên viên thì xã hội không làm sao tiến được, sẽ suy tàn dần đi. (Và khi đã phân biệt như vậy thì trường Đại học Sư phạm của ta phải đổi tên là Cao đẳng Sư phạm cho danh được chính).

Trên lý thuyết thì như vậy, nhưng trên thực tế thì ở các trường Đại học của ta có bao nhiêu môn, bao nhiêu giáo sư tập cho sinh viên quen với công việc khảo cứu? (Ông Vương Quân trên báo *Tự-Do* ngày 25-2-62 đã nói rằng có một số giáo sư chỉ « phát thanh một khóa bản không sửa đổi từ năm này qua năm khác và đòi hỏi sinh viên phải nhớ từng mục, từng giòng »). Và mỗi năm ta đào tạo hàng ngàn sinh viên Đại học, mà ra đời, bao nhiêu người đủ khả năng và phương tiện để khảo cứu?

Đã đành, như vậy lỗi chưa chắc đã do nền giáo dục, mà có thể do tinh thần tư cách của sinh viên, nhất là do hoàn cảnh: ở bậc Đại học số sinh viên tăng lên quá mau, chúng ta không đào tạo kịp giáo sư về những môn liên quan tới văn hóa Việt Nam, văn hóa phương Đông. Nhưng thi hành bất kỳ một chương trình nào thì cũng phải xét đến kết quả; kết quả mà không xứng thì phải xét lại chương trình. Kết quả có thể tại hoàn cảnh, nhưng dù vậy thì cũng là tại ta không biết thích ứng với hoàn

cảnh. Hoàn cảnh không có trách nhiệm, chính con người mới có trách nhiệm.

Mà kết quả của nền Đại học chúng ta ngày nay ra sao? Mỗi năm chúng ta đào tạo được mấy chục ông cử Luật, đa số không biết hoặc không muốn khảo cứu cái gì, cũng chẳng có công việc gì hợp với ngành chuyên môn của mình để mà làm, đành phải dạy Pháp văn, Việt văn, Toán... ở các trường tư; tình trạng các ngành khác có khá hơn, nhưng ngành nào thì chỉ ít năm nữa cũng sẽ có vô số người thất nghiệp, nếu ta không chịu thay đổi ngay chính sách..

Họ thất nghiệp mà không dám trách ai cả. Nền Đại học có mục đích tập cho họ tinh thần khảo cứu chứ có « bảo đảm cho họ địa vị » đâu, có liên quan gì tới vấn đề « sử dụng nhân công đâu ». Tạp chí Quê Hương bảo thế. Chẳng những không thương họ, tạp chí Quê Hương còn tuyên bố rằng sự thất nghiệp của họ không đáng chú ý bằng sự thất nghiệp của bọn vô học, vì ít gì họ cũng « biết phương pháp tự bênh vực », « có thể đề nghị thay đổi một vài tổ chức để tự tạo cho mình một địa vị » ! Hợp lý quá đi ! Mà cũng dễ dàng quá đi !

Nhưng rồi Tạp chí Quê Hương lại đứng về một phương diện khác, than rằng hạng trí thức thất nghiệp đó tổn cho xã hội quá đỗi (1). Rút cục Tạp chí Quê

(1) Tạp chí đó (số 31) đã tính phỏng mỗi sinh viên trong 20 năm học tập tiêu tốn của xã hội 480.000đ. nghĩa là phải có 48 người khác hy sinh cho sinh viên đó ăn học. Đó mới là tính tiền ăn học thôi, chưa kể những phí tổn về tổ chức học đường. Con số 480.000đ. tính không sát. Dân mình nghèo, trung bình trẻ em mình khi chưa lên Đại học, chỉ tốn cho gia đình khoảng 1.000đ., có trẻ chỉ tốn 500đ. thôi.

Hương chẳng biết giải quyết vấn đề ra sao, chỉ đề nghị rằng « giới trí thức đã được đặc ân trông xa biết rộng hơn mọi người khác trong xã hội, vậy không nên đòi hỏi xã hội phải đảm bảo phú quý vật chất cho mình » mà phải « tìm chân lý », phải « khước từ mọi tham vọng » ; nhưng *xã hội cũng nên* « đảm bảo cho họ đời sống vật chất để có thể tiếp tục làm việc và phụng sự » (Quan Điểm — Quê Hương số 31).

Thật tôi chẳng còn hiểu gì cả. Người ta thất nghiệp kia kia, chỉ cần có việc làm để nuôi thân, chứ có mong gì phú quý đâu ? Có nuôi một tham vọng nào đâu mà bảo người ta phải khước từ ? Nếu « xã hội đảm bảo cho người ta đời sống vật chất » thì còn phải bàn gì nữa ? Mà trên mới nói nền Đại học không nên buộc liền vào vấn đề sử dụng nhân công rồi đây lại bảo xã hội phải bảo đảm đời sống của hạng trí thức, thế là nghĩa làm sao ? Chúng tôi không thể hiểu nổi chỗ tế nhị đó. Một là nền Đại học, tức chính quyền, cứ đào tạo hạng trí thức học chỉ để biết, mà không bảo đảm công ăn việc làm, tức đời sống vật chất — cao hay thấp lại là vấn đề khác — cho họ ; hai là đào tạo họ thành những người ở trường ra có việc làm, không bị thất nghiệp mà đời sống được bảo đảm để họ giúp ích xã hội. Hai chủ trương đó cần phải dứt khoát lựa lấy một, chứ không thể vừa nhận cái bốn phần đảm bảo đời sống vật chất cho người ta mà khi đào tạo người ta xong, người ta thất nghiệp thì bảo : « Tôi dạy các anh là dạy các anh khảo cứu chứ có bảo đảm sự sử dụng các anh đâu ».

*
**

Tình trạng hỗn độn đó cần phải chấm dứt.

Theo thiên ý của chúng tôi thì nguyên tắc : « nền Đại học không nhằm mục đích sửa soạn địa vị cho một số thanh niên », không thể « buộc liền vấn đề Đại học vào vấn đề sử dụng nhân công » (Quan điểm — Quê hương số 31) có lẽ nên xét lại ở nước ta.

Chế độ Đại học hiện thời có thích hợp cho nước Pháp không, tôi không được biết, chỉ biết rằng nó không hợp với hiện tình Việt Nam. Nước ta nghèo, không thể phí tiền đào tạo một hạng người nói là có tinh thần tìm tòi, khảo cứu, sáng tạo mà thất nghiệp, không biết dùng cái sở học của mình vào việc gì để giúp ích cho nước ; nước ta lại thiếu nhân tài trong mọi ngành, cứ phải nhờ cậy ngoại quốc giúp thêm chuyên viên thì không thể phụng phí hạng thanh niên thông minh, cho họ học những ngành thừa người được. Ta phải đào tạo những con người có tinh thần và khả năng phục vụ xã hội.

Trên kia tôi đã nói Đại học và Cao đẳng chỉ khác nhau ở chỗ một bên trọng lý thuyết, một bên trọng thực hành và cả hai đều phải tập cho thanh niên có tinh thần tìm hiểu, tự học, có sáng kiến. Vậy thì chẳng cần phân biệt ra làm hai, nhưng đã phân biệt thì phải phân biệt cho rành rẽ. Đại học chuyên đào tạo hạng anh tuấn sau này thành những nhà bác học. Cao đẳng chuyên đào tạo hạng chuyên viên cao cấp, lãnh nhiệm vụ chỉ huy sau này. Cả hai đều phải chú trọng, đến sự đào luyện tinh thần trách nhiệm, phục vụ, vì nếu hữu tài mà vô hạnh thì có hại cho quốc gia ; tất nhiên vô

tài thì cũng không thể đảm nhiệm những việc lớn được.

Sự đào tạo phải tùy theo nhu cầu của quốc gia và khả năng của thanh niên, chứ không thể hỗn độn như ngày nay : thanh niên đổ xô vô Y và Dược, học một hai năm theo không nổi lại chạy qua Luật, Nông lâm. . .

Nhu cầu của quốc gia hiện nay là cần tạo một số ít thanh niên thực anh tuấn để thành những nhà bác học khảo cứu về mỗi ngành, nhất là về văn hóa Việt Nam (Văn chương, sử, địa, xã hội, luật. . .). Vậy ta sẽ lựa ở các trường Trung học A một số học sinh thật xuất sắc hướng dẫn họ vào những trường Đại học. Đã vô những trường này thì bất cứ về ngành gì cũng phải học ít nhất là năm, sáu năm, khi ra gọi là bác sĩ hay tiến sĩ.

Tôi lấy thí dụ ngành Văn khoa. Vô Đại học Văn khoa Việt Nam thì phải học sáu năm, ra trường phải hiểu qua loa về văn học Âu (chẳng hạn Pháp, Anh, Đức), hiểu khá khá về văn học Trung Hoa, hiểu kỹ về văn học Việt-Nam phải đã nghiên cứu về một mục nào trong văn học Việt Nam, và tất nhiên phải thông chữ Hán, chữ Nôm. Như vậy mới là có đủ tư cách. Tất nhiên đó chỉ mới là xét về ngành văn chương thôi ; còn ngành Ngôn ngữ học, ngành Sử học... nữa.

Về khoa học cũng vậy. Đã vô Đại học để sau thành những nhà khảo cứu, những vị bác học thì phải học ít nhất là sáu năm, tương đương với Văn bằng tiến sĩ bây giờ.

Y khoa, Dược khoa cũng có Đại học (khác với Cao đẳng Y khoa, Dược khoa)

Trình độ của sinh viên ra trường phải vào hạng Thạc sĩ Y khoa, Dược khoa thì mới có thể khảo cứu ngay được. Như vậy số sinh viên sẽ ít.

Đó tôi quan niệm Đại học như vậy, cho nên phải lựa những thanh niên thực anh tuấn mới cho vô Đại học.

Nền Cao đẳng thì khác, cần đào tạo những chuyên viên cao cấp, lãnh những địa vị chỉ huy sau này trong mọi ngành. Cũng phải tuyển người theo khả năng, và theo nhu cầu của mỗi ngành. Thí dụ ngành Sư phạm Văn khoa. Ta phải tính trong năm năm nữa, cần bao nhiêu giáo sư Trung học đệ nhất cấp và đệ nhị cấp về Việt văn chẳng hạn rồi định số sinh viên tuyển. Số sinh viên này tất phải đông hơn ở ban Đại học Văn khoa cũng ngành^m Việt văn, Chương trình học cũng khác, nhẹ hơn : không cần học chữ Nôm, nhưng cũng phải học vài ba ngàn chữ Hán, học khá kỹ về văn học Việt-Nam, không cần phải xuất trình một công việc khảo cứu, nhưng phải học về Sư phạm, phải có tư cách của ông Thầy,.... Chỉ cần học ba, bốn năm. Những cựu sinh viên ở Đại học Văn Khoa mà đã có thành tích khảo cứu, có thể bổ dụng làm giáo sư Cao đẳng Văn khoa.

Về Y khoa, Dược khoa, cũng có những trường Cao đẳng cốt đào tạo những y sĩ, dược sĩ, nhưng trình độ học của họ thấp hơn và có tính cách thực tế hơn những bạn của họ ở Đại học Y khoa và Dược khoa. Riêng về hai ngành này, chương trình hai ngành Đại học và Cao

đẳng có thể gần giống nhau ở cấp Cao đẳng, rồi hết cấp Cao-đẳng, những sinh viên xuất sắc sẽ được tuyển để học tiếp lên ngành Đại học, sau thành những nhà khảo cứu.

Các ngành kỹ nghệ cũng vậy, phải tùy nhu cầu kinh tế mà đào tạo chuyên viên. Chương trình du học cũng phải định trước để trong năm, mười năm nữa ta có đủ chuyên viên, giáo sư cho mọi ngành.

Sự tuyển lựa giáo sư ở bậc Cao đẳng không khó khăn lắm; ta có thể dùng một số chuyên viên cao cấp có nhiều khả năng về kỹ thuật, chẳng hạn một số kỹ sư, tấn sĩ ở ngoại quốc về có thể bỏ vào dạy các trường đó được.

Ở bậc Đại học, giáo sư hay giảng sư phải có thành tích khảo cứu trước hết. Dù có bằng cấp cao thì cũng phải có thêm thành tích khảo cứu. Dạy học luôn hai ba năm mà họ không khảo cứu thêm về một vấn đề nào đó thì cũng nên cho họ nghỉ để chỗ cho người khác. (1) Như vậy không khí trong Đại học mới được thay đổi thường, chúng ta mới tránh được tình trạng « phát thanh khóa bản » mà sinh viên mới tập được cái học phong của hạng bác học. Tất nhiên muốn cho giáo sư có thì giờ khảo cứu thì phải trả lương cho họ đủ sống và dạy ít giờ thôi, vài giờ một tuần chẳng hạn. Chứ theo chế độ hiện thời, mỗi giờ chỉ trả 300 — 400đ. thì họ đành phải « phát thanh một khóa bản không sửa đổi từ năm này qua năm khác » chứ không có cách nào hơn.

*
*
*

Tóm lại, chúng tôi phân biệt rõ ràng Đại học và Cao đẳng (danh từ Đại học của chúng tôi gần giống danh từ Cao học hiện nay) và chủ trương chỉ nên đào tạo số sinh viên hợp với nhu cầu của quốc gia (2) — nên dư một chút — nhu cầu trong công việc khảo cứu và trong mọi ngành kỹ thuật, như vậy để cho khỏi phí tiền, phí nhân tài, mà tránh được cái nạn trí thức thất nghiệp, không có phương tiện dùng cái sở học cho đúng chỗ. Khi nào chúng ta dư người dư tiền, sẽ đào tạo hạng trí thức học chỉ để biết và ngay bây giờ muốn thỏa mãn hạng trí thức đó chúng ta cũng có thể thu nhận những người có đủ sức học, không cần có Tú tài, mà cho họ theo học với tư cách bằng thính, rồi khi thi ra, đậu thì phát cho họ một chứng chỉ. Sự tuyển lựa lại phải hợp với khả năng của thanh niên, cho nên cần có sự hướng nghiệp cho họ. Số sinh viên Đại học của ta sẽ giảm đi, chúng ta không còn đưa ra được những con số khá lớn lao để khoe thành quả nhảy vọt của nền Đại học Việt Nam: 2154 sinh viên niên khóa 1954-55, 2907 sinh viên niên khóa 1955-56, 9007 sinh viên năm 1959-60... nhưng sinh viên sẽ có nhiều khả năng hơn, giúp nước được nhiều hơn mà cái tinh thần Đại học mới thật là được tôn trọng.

Có người sẽ bảo như vậy là hạn chế sự học của thanh niên, là không áp dụng quy tắc tự do, dân chủ... sao bằng cứ thu nhận hỗn độn như ngày nay rồi tự nhiên

(1) Chúng tôi nghe nói ở Mỹ, nhiều trường Đại học đã theo quy chế đó.

(2) Như vậy số sinh viên ở Đại học sẽ ít và ta không sợ thiếu nhiều giáo sư.

có sự đào thải, kẻ giỏi sẽ thành công, kẻ dốt sẽ bị loại, mà dù có bị loại thì họ cũng được học thêm một chút gì rồi, chẳng hơn là khép cửa Đại học không cho họ vô ư ?

Tôi xin nhắc lại: ở một nước nào giàu có như Mỹ, Pháp chẳng hạn, người ta có thể phí tiền, phí người như được vậy ở nước ta thì không nên. Và lại ở Pháp, Mỹ, các ông Cử chịu lái taxi, làm bồi khách sạn... (1), còn ở bên mình có cậu Tú nào chịu làm những việc đó không. Chưa biết chừng, họ còn bắt măn mà gây những náo động trong xã hội nữa là khác. Tạp chí Quê Hương đã báo trước rồi đây: hạng trí thức thất nghiệp « có thể đề nghị thay đổi một vài tổ chức để tự tạo cho mình một địa vị ». Khi nào có chừng vài vạn cựu sinh viên thất nghiệp thì « đề nghị » của họ sẽ không còn tính cách ôn hòa đâu.

Vậy những thanh niên nào không đủ tư cách thành những nhà bác học sau này thì nên hướng họ học một nghề nào đi để giúp ích quốc gia, còn hơn là nuôi họ học thêm ba bốn năm nữa, dạy cho họ tinh thần khảo cứu để rút cục họ chẳng biết làm gì, chỉ nhiệm cái tinh thần cạo giấy như Tổ chức Văn hóa Quốc tế của Liên-hiệp-quốc đã nhận định trong một bản phúc trình gần đây.

Kết luận.—

Tóm lại điểm chính trong chương trình của chúng tôi là dò xét tinh thần và khả năng của trẻ từ hồi nhỏ, chia làm ba trình độ tinh thần: trên mực

trung, ở mực trung và dưới mực trung mà cho chúng vào những lớp riêng hợp với mỗi trình độ. Lại theo dõi chúng để hết Tiểu học, có thể hướng dẫn chúng vào các trường Trung học A, B hay Chuyên nghiệp. Thường thường, trẻ vào khoảng 8, 9 tuổi, ta đã có thể biết được chúng sau này tiến xa được không trong sự học, em nào có khiếu về sinh ngữ hay khoa học, hay thực nghiệm. Thầy giáo mà để ý dò xét trẻ, lại có một ít hiểu biết về tâm lý thực hành, biết dùng một số trắc nghiệm đo tinh thần thì mười lần chỉ đoán lầm độ vài, ba. Mà có lầm là lầm những trẻ hạng B và hạng C với nhau, hoặc những trẻ hạng A và hạng B với nhau, chứ không thể lầm được những trẻ ở hạng A và hạng C với nhau. *Mỗi khi thấy lầm thì cho trẻ chuyển hạng* (B với C), hoặc (A với B) ở tiểu học; và *chuyển ban* (Trung học B với Chuyên nghiệp), hoặc Trung học A với Trung học B) ở cấp I. Trung học và Chuyên nghiệp. Trên lược đồ tôi đã vẽ những đường có hai mũi tên ở hai đầu để tỏ sự chuyển ban lẫn nhau đó.

Ở các trường Trung học A, vì Hán tự khó học nên phải mở ban Cổ điển ngay từ năm đầu. Trẻ nào không đủ tư cách thì có thể cho chuyển qua ban Phổ thông khi đương học ở cấp I, hoặc chuyển qua ban Sinh ngữ khi học hết cấp I, nhưng những trẻ ở ban Phổ thông (cấp I) và ban Sinh ngữ (cấp II) không được chuyển qua ban Cổ điển. Vì vậy trên Lược đồ, tôi đã vẽ những đường có một mũi tên chỉ một hướng độc nhất. Như vậy sự tổ chức có tính cách uyển chuyển, chương trình sẽ hợp với trình độ của mỗi hạng trẻ, chỉ có ích cho

(1) Điều đó cũng dễ hiểu; làm những nghề đó ở Ba, Lê, họ được lãnh « pourboire », có khi kiếm được nhiều tiền hơn là làm giáo viên, thư ký.

chúng chứ không có hại. Nếu các trẻ anh tuấn được đặc biệt chú trọng thì cũng là công bình, mà lại có lợi cho quốc gia.

Rút phần lý thuyết ở khắp các ban, đặc biệt là ở ban Trung học B và ban Chuyên nghiệp; tập cho trẻ vận dụng hai bàn tay ngay từ Tiểu học, tăng thêm những môn có ích lợi thiết thực trong đời sống hàng ngày, đào tạo một số thiếu niên anh tuấn để sau này giao cho những trách nhiệm chỉ huy (Cao đẳng) và những công việc khảo cứu (Đại học), nhưng đồng thời cũng chú trọng đến sự đào tạo những cán bộ trung cấp trong mọi ngành, những cán bộ nông thôn; những thợ chuyên môn trong nông nghiệp, tiểu công nghệ và kỹ nghệ, như vậy là để họ có đủ khả năng ra đời phục vụ xã hội, mà kiến thức của họ có chỗ dùng được, những nhu cầu căn bản của họ có thể thỏa mãn được. Chương trình của chúng tôi tuy chia làm 3 hạng trẻ tùy theo trình độ tinh thần của chúng, nhưng vẫn dành nhiều cơ hội trau dồi trí thức và nghề nghiệp cho những người có khả năng và chí khí. Một việc cần thiết là phải chấm dứt tình trạng hỗn độn hiện nay, không cho thanh niên vô bừa Đại học mà ra trường chẳng biết dùng sở học vào việc gì.

Vậy chương trình thỏa mãn được ba điều kiện :

- hợp với trình độ tinh thần trẻ em
- đào tạo những con người để phục vụ.
- hướng về nông nghiệp, tiểu công nghệ, kỹ nghệ mà vẫn chú trọng đến sự đào tạo những anh tài có kiến thức căn bản và có kiến thức chuyên môn khá cao.

Chỉ cần có một điều kiện nữa là nó phải hợp với phương tiện của chúng ta hiện nay. Đó thuộc về phạm vi chi tiết mà trong bài này chúng tôi chỉ xét những nét đại cương.

Tuy nhiên chúng tôi nghĩ, sau khi tước bớt những cái vô ích trong chương trình hiện hành, thì công việc thực hiện chương trình mới sẽ không có gì khó khăn nếu ta biết chuẩn bị ngay từ bây giờ trong một thời hạn là năm năm.

Việc tuyển lựa trẻ em cho vào ba hạng A, B, C, ở tiểu học có thể thí nghiệm lần lần ở các đô thị được. Trong chương trình tiểu học bỏ bớt những cái vô ích đi, thêm những giờ hoạt động chân tay, tập cho trẻ quen với những việc lật vật thường ngày, điều đó không phải là khó làm.

Và nếu ta lo đào tạo ngay một số giáo sư để dạy các lớp Cổ điển (ban Trung học A), dạy Anh ngữ trong các ban Trung học A và B (số người dạy được Pháp ngữ hiện nay chắc không thiếu), nhất là một số giáo sư dạy các trường Chuyên nghiệp, thì năm năm nữa chương trình có thể tiếp tục thực hiện ở Trung học được rồi. Ngay từ bây giờ chúng ta đã có thể sửa đổi chương trình Trung học và Đại học cho có tính cách thiết thực hơn.

Mở những trường Chuyên nghiệp đủ thỏa mãn nhu cầu của thanh niên là một việc tốn kém về máy móc, dụng cụ. Càng tốn thì lại càng phải tính ngay. Khi Chính phủ nhận đó là một nhu cầu của Quốc gia thì tất tìm ra được phương tiện. Còn như nếu cho là không quan trọng bằng cả chục công tác khác thì chẳng cần phải đặt vấn đề nữa. Tôi chỉ xin nhắc rằng trường không cần đẹp; miễn có chỗ cho

PHẢI MẠNH BẠO CÁI TỒ NÊN GIÁO DỤC VIỆT NAM

trẻ học tập là được. Mà cũng nên tập cho học sinh sống giản dị, bỏ thói xa hoa đi. Chúng ta là một nước nghèo thì sống theo lối nghèo và tôi nhận thấy rằng học sinh nghèo mới là học sinh có chí. (1)

Tất nhiên, lập nhiều trường Chuyên nghiệp thì phải lo khuếch trương kinh tế, mà chương trình Giáo dục phải nằm trong một kế hoạch rộng lớn bao gồm tất cả những vấn đề kinh tế, tài chánh, thanh niên...

(còn nữa)

NGUYỄN HIẾN-LÊ

(1) Trong cuốn *My several worlds* bà Pearl S. Buck cực lực khen những sinh viên nghèo ở Trung Hoa cách đây khoảng ba chục năm, Bà viết: « Những thanh niên ở Đại-học-đường Công giáo (...) là con nhà giàu. Ngược lại

những sinh vi tại Quốc gia Đại-học-đường phần nhiều đều là con nhà nghèo (...) Hầu hết họ ăn uống thiếu thốn và mặc quần áo bằng vải bông xanh mà sau này người ta gọi là đồng phục Tôn Dật Tiên. Vào mùa đông họ phải chịu rét (...) bởi vì trong trường không có lò sưởi và kính vỡ cũng không được thay; ngược lại tại Đại-học-đường Công giáo tất cả các thứ đều đàng hoàng nên chúng tôi có lò sưởi và nhiều tiện nghi. Tuy nhiên tôi thích làm việc (bà làm giáo sư Anh văn) tại Đại-học-đường hàng tinh (tức Quốc gia Đại học đường) hơn vì những sinh viên của tôi ham học, họ mong mỏi tôi tới, và đến khi tan học họ còn cố giữ tôi lại (...) Họ ham nói tiếng Anh vì vậy mà chúng tôi cùng cố gắng. Họ là những nam nữ thanh niên chịu suy nghĩ, thích học hỏi và hoạt động, chính nhờ họ mà tôi được biết nhiều điều hơn là nhờ những thanh niên ôn hòa và thụ động ở trường Đại-học Công giáo » Bản dịch của Lê-Bá-Kông và Vũ-Phượng-Minh (Ziên Hồng).

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TỪ NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS & CABAUD

BẢO-HIỂM

1-3-5, Bến Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại: 20.114 — 20.115 — 20.116 — 23.736

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nhánh: PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

tòa khâm sứ

BỮU - KẾ

VÀO khoảng vài mươi năm trước, tuy nước ta là một nước quân-chủ, ông vua là bậc chí-tôn, nhưng thật ra thì uy-quyền kém hẳn viên Khâm sứ.

Dưới ông Khâm còn có các ông công sứ, các ông cố vấn lại, hộ, binh hình, công. Các quan Thượng thư của ta muốn làm việc gì, nhất nhất đều phải gửi dạng bản đền để họ xem trước. Họ có chấp thuận mới được thi hành, bằng không thì phải gác lại. Cho đến những quyền hành nhỏ mọn như bổ một viên thừa phái hạng bét hay chỉ tiêu một món tiền còn con cũng phải qua tay người Pháp.

Cái uy quyền đó đã tiêu tan theo cuộc đảo chính Nhật bản ngày 9-3-1945. Còn tòa lâu đài mà viên Khâm sứ Pháp ngự trị thì phần lớn đã bị đổ nát theo bom đạn trong cuộc chiến tranh Việt-Pháp, những căn nhà còn lại thì mái trụt tường xiêu, cỏ

cây hoang dại ăn lan từ sân trước đền sân sau, diễn ra một cảnh thế lương sau 80 năm đô hộ.

Viên Khâm sứ Pháp xuất hiện trên đất Cố Đô này, do điều khoản 20 của Hiệp ước Giáp Tuất ký kết ngày 15-3-1874 giữa Hải quân Thiệu tướng Dupré và Lê-Tuần, Nguyễn-Văn-Tường. Ngoài ra khoản 13 lại định rằng: Nước Pháp được quyền đặt lãnh sự ở các cửa bể và các thành thị đã mở ra cho ngoại quốc vào buôn bán.

Theo hòa ước Giáp Tuất còn có một thương ước nữa ký vào ngày 30-8-1874. Các điều khoản: 2,6,7 của thương ước này cho viên Khâm sứ có quyền xuất cảng gỗ lim, gạo và tơ tằm. Thê là bao nhiêu sản phẩm quý giá của ta, người Pháp có

toàn quyền mua để đem về xứ hay bán đi các nước khác.

Sợ các quan ta, nhất là các quan ở thương cảng có thể gây trở ngại, trong thương ước này còn nói thêm: Viên Khâm sứ có quyền chấp thuận hay không chấp nhận các viên quan của ta phục vụ tại các hải cảng mở ra giao thiệp với Pháp. Câu này có nghĩa rằng: Những kẻ nào chông đời lại người Pháp có thể bị thái hời hay đổi đi làm việc ở một nơi nào khác.

Sau khi hiệp ước Giáp Tuất được ký kết, ngày 15 tháng 1 năm 1875, Thượng thư Hải quân Pháp, gửi thư cho Thông đốc Nam kỳ Duperré, yêu cầu để cử một người giữ chức Khâm sứ để giao thiệp với triều đình Huế. Và Duperré đã cử Rheinart des Essarts, sanh ngày 1-11-1840, xuất thân đại úy Hải quân lục chiến, từng làm tham biện tại Soái phủ ở Saigon và công sứ ở Hà-Nội.

Rheinart đi trên chiến thuyền Antilope và tới Thuận-An vào ngày 25 tháng 7. Bên ta phái một viên quan bộ Lễ về Thuận-An nghinh tiếp đoàn đưa về công quán. Hai ngày sau Rheinart sang thăm các quan Thương bạc (tức các quan ngoại giao của ta) và được Thượng thư Nguyễn-Văn-Tường đón tiếp niềm nở. Cuộc bang giao ban đầu diễn ra tốt đẹp, (như Rheinart bị ốm, vua Tự-Đức liền cho người đến hỏi thăm sức khỏe) nhưng về sau, giữa viên Khâm sứ Pháp và triều đình Việt-Nam trở nên thù hằn chờ kiếm dịp để hại nhau.

Lúc Rheinart đến Huế thì tòa Khâm sứ chưa xây cất nên phải tạm trú tại ngôi nhà công quán mà triều đình Huế dùng để đón tiếp các nhà ngoại giao các nước. Công quán này tuy bằng tranh nhưng cũng khá đẹp. Trước mặt có cột cờ, chung quanh có tường, viên Khâm sứ ở đây với Prieux, quan cai trị hạng nhất, Dauphin thư ký, Souliers bác sĩ, Fleury, thợ làm bánh mì, Dhomps, quản gia, và một viên chủ sở công chánh (ra Huế để lo việc xây cất Tòa khâm sứ). Lúc bấy giờ ở Huế chỉ có mấy giáo sĩ và 7 người Pháp kể trên là được phép lưu trú mà thôi. Ngoài ra trong sứ quán còn có một viên thông ngôn, những người đầu bếp và một số ít lính đều là người Việt.

Công việc trước tiên của Rheinart khi đến Huế là chọn đất để làm tòa Khâm. Trong thương ước, có khoản nói rằng: Chánh Phủ Việt-Nam nhường không cho Chánh phủ Pháp đất đai cần thiết để làm nhà cho các viên công sứ hay nhân viên tùy tùng ở. Tuy thế, triều đình Huế chỉ bằng lòng để cho Rheinart sử dụng những mảnh đất thật xa thành phố, lại ẩm thấp, cứ đến mùa mưa thì ngập nước. Những nơi mà Rheinart vừa ý thì các quan ta lại không thuận, lấy có đất ấy là của riêng nhà vua, hoặc của các ông hoàng bà chúa, hay sắp dùng để xây đắp đền nấy đài nọ v. v...

Rheinart thấy ta làm khó dễ, nên đã quyết định bảo với viên chủ sở công chánh Sambert, cùng với những người cu-ly, đến nhà thờ Lich-

đại (1) đóng cọc định làm bừa tòa khâm sứ ở đó. Sở Rheinart liêu lĩnh xâm phạm nơi thờ phụng, nên triều đình Huế bằng lòng cho mảnh đất nơi công quán, mà Rheinart hiện đương tạm trú. Mảnh đất này nằm tại hữu ngạn sông Hương, gần cầu Trường Tiền (hiện nay là cầu Nguyễn Hoàng). Dần dần lâu đài, dinh thự lập lên chung quanh vùng này và tạo thành một khu vực mang tên là khu vực của người Âu (tuy gọi thế chứ phần nhiều là người Pháp) còn bên kia cầu Trường Tiền là khu vực của người bản xứ.

Tòa khâm chiếm một khoảnh đất vào lối 200 thước vuông. Nhân công, 30 người Trung-Hoa, cùng là vật liệu đều đưa tự Saigon ra, chỉ trừ vôi và cát mua ở Huế. Làm xong tầng dưới, lúc xây lên tầng trên, Rheinart bị các quan ta phản đối vì lẽ tòa Khâm dám vô lễ xây cao hơn cung điện của Vua. Và khi lợp mái nhà bằng những lá kẽm thì lại gây ra dư luận cho rằng người Pháp sợ ta bắn đại bác vỡ mái nhà nên không dám lợp ngói.

Nhưng về sau mọi trở ngại đã được dàn xếp và tòa Khâm vẫn làm theo họa đồ đã vẽ sẵn từ trước.

Rheinart là một tay thực dân hạng nặng, vì thế nên mỗi bắt hòa giữa ông và triều đình Huế mỗi ngày một trở nên trầm trọng. Nhà cầm quyền Pháp thấy rằng nếu để ông thì bất lợi cho đường ngoại giao trong buổi ban sơ nên đã ra lệnh triệu hồi,

khiến ông không kịp dự vào lễ khánh thành tòa Khâm sứ.

Người thay thế Rheinart là Philastre. Ông đến Huế vào ngày 14-12-1876. Qua đến tháng 7 năm 1878 Tòa Khâm hoàn thành và phí tổn gần một triệu quan.

Trái với Rheinart, Philastre là người biết trọng công lý nên được các quan ta kính mến và có thiện cảm. Philastre với một tâm lòng trung trực nên đã không muốn Pháp đặt nền đô hộ trên đất nước Việt-Nam. Ông nói: Việt-Nam không cần đến những công cuộc tốt đẹp của chúng ta. Thật là một tội ác, phản nghịch lại nhân đạo, khi ta muốn bóp chết một nền văn minh cổ đáng tôn trọng.

Cũng vì được Philastre gián tiếp khuyến khích nên triều đình Huế định phủ nhận hiệp ước 1874, nổi lại mối bang giao với Trung-Hoa, Vua Tự Đức tự viết một bức thư, nhờ Philastre đứng trung gian để yêu cầu Pháp trả lại Nam-kỳ.

Hai viên Thượng thư thuộc địa, và Thượng thư Hải quân Pháp đều bất bình, cho rằng Philastre không xứng đáng để bảo vệ quyền lợi Pháp ở Việt-Nam nên đã gọi ông về.

Người thay thế Philastre không ai khác hơn là Rheinart. Viên Thống Đốc Nam-kỳ cho rằng với tính cương quyết, Rheinart có thể áp đảo triều đình Huế được.

(1) Xin xem ghi chú ở cuối bài.

Tình thân thiện Việt-Pháp đã mất đi từ ngày Philastre từ giả cô đô Huế. Vua Tự Đức cũng như Rheinart không có thái độ nhân nhượng lẫn nhau. Tình thế bỗng nhiên trở nên căng thẳng. Có những vấn đề gì quan trọng, Rheinart phải khó khăn lắm mới vào yết kiến vua Tự Đức được. Một việc rắc rối đã xảy ra khiến viên khâm sứ Pháp không bao giờ quên. Rheinart cùng với bác sĩ Souliers đi thuyền lên Kim-Long, lúc trở về thì bị quân lính ta chặn lại buộc phải lên bộ đi bằng qua mây cánh đồng để trở về tòa Khâm sứ, vì vua Việt-Nam đang câu cá trên sông thuyền của người Pháp không thể đi ngang qua đó.

Thê rồi vua Tự Đức cử hai phái đoàn sang Bắc-Kinh và Vọng-Các để nối lại tình giao hảo đã bị Pháp cắt đứt.

Đến cuối tháng Năm 1880, Tôn-Thất-Thuyết chuẩn bị cuộc chống Pháp và qua tháng bảy năm ấy, vua ta ban hành một đạo dụ nói rằng : Những kẻ buôn lậu tiền đồng, ngay cả người Âu cũng vậy, đều bị phạt trưng.

Đạo dụ này khiến người Pháp hết sức bất bình. Thật ra không phải họ muốn buôn lậu tiền đồng, nhưng theo hiệp ước đã ký kết giữa hai nước thì mỗi khi người Pháp phạm tội, chỉ có tòa án Pháp là có quyền xử họ mà thôi, còn các quan ta không có quyền căng nọc ra, dùng trưng mà đánh như trong dụ đã ban hành.

Chưa đủ phương tiện để gây hấn với triều đình ta, chính quyền Pháp lại một lần nữa thay đổi Khâm sứ. Palasme de Champeaux thay thế Rheinart vào tháng 10 năm 1880.

Champeaux là cựu sĩ quan hải quân, đã từng giúp việc tại Soái phủ ở Saigon, biết tiếng Việt và thông hiểu tánh tình phong tục của dân ta. Ban đầu mỗi bang giao có thể tương đối gọi là tử tế, nhưng chẳng bao lâu những mối bất hòa lại xảy ra. Ngày 15-8-1881 thì Champeaux ra Bắc, nhưng đến năm 1883, sau khi Thuận-An thất thủ, ông cùng toàn quyền Harmand vào Huế nghị hòa và ký kết hiệp ước.

Trong thời gian Champeaux ra Bắc, thì lại vẫn Rheinart đến thay thế. Mối bất hòa sẵn có nay trở nên sâu đậm hơn. Một người giúp việc ở Tòa Khâm bị quan ta bắt giam. Rheinart biết rằng không thể dùng phương pháp hòa bình để tiền đền việc dò hộ nước ta được nên đã viết thư cho Thomson, thống đốc Nam-kỳ, trong đó có câu : Với những cuộc thương thuyết ta không thể hoạch được một chút nhượng bộ nhỏ mọn nào, chỉ có dùng sức mạnh mới chiếm được một cái gì mà thôi... trong một đoạn khác, ông lại viết : « Nhiệm vụ của viên Khâm sứ ở Huế còn trở nên vô dụng trong một thời gian lâu nữa, vì họ chỉ nhượng bộ sức mạnh. Về phần tôi, tôi sẽ gặp vô cùng khó khăn hơn bất cứ một ai để được hưởng đôi chút nhượng bộ. Trong thời kỳ đầu tiên ở Huế, tôi đã có

nhieu việc rắc rối với triều đình và từ đó viên Thượng thư bộ Hộ Nguyễn Văn-Trường, lúc nấy đối với nhà vua là người rất có thể lực, hết sức căm thù tôi, sau những vụ bắt hòa xảy ra giữa ông ta và tôi ».

Lúc nầy lại xảy ra mấy việc trọng đ i: Quân Pháp chiếm Nam-Định và Hòn-Gay khiến dư luận trong nước rất sôi nổi. Lòng căm thù người Pháp sôi lên sùng sục. Thomson khuyên Rheinart phải thận trọng, trong khi chờ đợi người thay thế, có thể tạm lánh xuống mấy chiếc tàu Pháp đậu gần Huế, nhưng không nên cắt đứt giấy liên lạc ngoại giao với Chánh phủ Việt-Nam.

Mặc dầu Thomson đã căn dặn, Rheinart, trước thời cuộc biến chuyển, trước những cuộc chuẩn bị chiến tranh của ta, đã quả quyết rời Huế để vào Saigon. Ông ta đến nơi vào hôm 6-4-1883 trên chiếc Parceval cùng với hồ sơ và tất cả nhân viên tòa Khâm sứ. Viên Thông Đốc Nam-kỳ ngạc nhiên hết sức.

Rheinart ra đi không phải với một niềm lưu luyến, với tiệc rượu tiễn đưa, tiếng sấm banh nổ vang như pháo mà với một thái độ hung hăng dọa nạt. Ông ta khóa cửa tòa Khâm lại, giao chìa khóa cho các quan Thương bạc. Nhưng các quan ta không nhận. Rheinart hách dịch ném chìa khóa xuống đất và nói : Từ đây, nếu có một sự cướp phá nhỏ mọn nào xảy ra thì Chính phủ Nam triều phải chịu lây trách nhiệm. (Le Gouvernement annamite sera désor-

mais responsable de la moindre déprédation).

Thầy Rheinart hậm hực ra đi, Triều đình Huế không khỏi lo ngại. Vì ngày nào còn viên Khâm sứ ở đó, chắc người Pháp chưa dám đánh với chúng ta. Vì nếu xảy ra chiến cuộc thì viên Khâm sứ có thể bị lâm nguy trong khi chưa có quân lính để hộ vệ. Nay Rheinart vào Saigon, biết đâu không kéo quân ra để gây sự ?

Chìa khóa mà Rheinart bỏ lại, các quan Thương bạc cho người cầm đèn nhờ giáo sĩ Caspar giữ hộ, nhưng ông nẩy từ chối.

Sau nhiều lần thương thuyết, Caspar chấp thuận biện pháp sau nầy : Chìa khóa bỏ vào trong một cái trap để tại tòa Khâm sứ. Cửa ngoài khóa lại, niêm khảm tử tề. Có một hội đồng, cứ 10 ngày đến khám con niêm một lần. Giáo sĩ Caspar phái linh mục Renauld sung vào hội đồng nầy.

**

Trong lúc tòa Khâm vắng bóng viên Khâm sứ thì lại những việc quan yếu khác xảy ra.

Tại Bắc-Kỳ, quân ta hợp tác với quan Trung-Hoa đã chuyển từ thế hòa ra thế công. Tổng đốc Bắc-Ninh Trương-Quang-Đản, Phó kinh lược Bùi-Âu-Niên đem binh đóng ở huyện Gia-Lâm định kéo sang đánh thành Hà-Nội. Hoàng-Tá-Viêm sai Lưu-Vinh-Phúc làm tiên phong đem quân đóng ở phủ Hoài-Đức chuẩn bị tấn công quân Pháp.

Sáng ngày 13 tháng 4 năm 1883, Đại tá Henri Rivière đem 500 binh sĩ tiền đánh ở vùng Ô Cầu Giấy bị quân ta và Trung-Hoa mai phục chung quanh bỏ ra giáp chiến. Đại tá Rivière tử trận, Đại úy Berthe de Villers bị tử thương. Trận này binh sĩ Pháp vừa chết, vừa bị thương vào lới 100 người cả thảy.

Cuộc thất trận này, Chánh Phủ Pháp đã phản ứng bằng cách gửi sang quân tiếp viện. Hạ nghị viện Pháp chấp thuận bỏ ra một ngân khoản 5 triệu rưỡi quan để chi phí vào công cuộc « cướp nước ». Còn bên ta thì triều đình Huế đã tổ chức những tiệc vui, đã ban thưởng những người tham chiến.

Việc nước đang trầm phần rắc rối, chiến cuộc Việt Pháp chưa biết rồi đi đến đâu thì vua Tự-Đức mất (16 tháng 6 năm Quý Mùi — 1883). Vua Dục-Đức lên ngôi ba ngày thì bị Tôn-Thất-Thuyết và Nguyễn-Văn-Tường truất phế. Em vua Tự-Đức là Lăng quốc công, húy Hồng-Dật lên nối ngôi lấy hiệu là Hiệp-Hòa.

Thầy triều đình ta lâm vào cảnh rối ren, người Pháp cho rằng đó là một cơ hội tốt để có thể tấn công dễ dàng hơn. Thiều tướng Bouet đánh Hà nội, còn Thiều tướng Courbet thì đánh cửa Thuận-An. Đi cùng Courbet có toàn quyền Harmand và cựu Khâm sứ trung kỳ Champeaux.

Sau ba ngày giao chiến thì thành Trần-Hải ở Thuận-An tan vỡ. Toàn quyền Harmand bắt buộc quân ta giải giới, đi cùng Champeaux lên Huế nghị hòa.

Qua những ngày thương thuyết, đến hôm 23 tháng 7 thì một bản hòa ước ra đời gọi là Hòa ước Quý Mùi (1883). Bên Pháp thì Harmand, Champeaux, còn bên ta thì Khâm sai toàn quyền Trần-Đình-Túc và Phó khâm sai Nguyễn-Trọng-Hiệp ký kết vào hòa ước. Ngoài các khoản tước mất chủ quyền của ta về ngoại giao, kinh tế, chính trị, xén bớt đất đai (Bình-Thuận sáp nhập vào Nam, từ Đèo Ngang trở ra thì đặt công sứ ở các tỉnh để kiểm soát công việc của các quan lại Việt-Nam. Triều đình Huế chỉ còn vốn vẹn có mấy tỉnh ở giữa). Lại còn có khoản minh định rằng : Viên Khâm sứ Pháp không những có quyền tự do ra vào yết kiến vua Việt-Nam mà lại còn có cả quyền sung vào Hội đồng Cơ mật để kiểm soát công việc của vua nữa.

Champeaux ở lại Huế để giữ chức Khâm sứ.

(còn nữa)

BỮU KẾ

Đền thờ Lịch Đại. — Dọc theo con đường Nam giao, một bên là chùa Báo quốc còn một bên (sau lưng nhà ga Huế) là Lịch Đại đế vương miếu. Gần đó lại còn nhà thờ vua Lê-Thánh-Tông.

Miếu Lịch Đại lập lên vào ngày tháng 4 năm Minh-Mạng thứ 4 (1823) gồm có 5 gian hai chái. Gian chính thờ các vua đời thái tổ của Trung quốc như Phục-Hy, Thần-Nông, Hoàng-Đế, Nghi, Thuấn, Hạ-Võ. Thương-Thang, Châu-Văn, Châu Võ.

Gian kế cận bên tả thờ bài vị các vua Việt Nam : An-Dương-Vương, Lạc-Long-Quân, Hùng-Vương, Đinh-Tiên-Hoàng. Gian bên hữu thờ Lê-Đại-Hành, Lý-Thái-Tổ, Lý-Thanh-Tông, Lý-Nhân-Tông.

Ngoài các vị vua ra, miếu còn thờ các vị công thần của ta và Tàu như : Nguyễn-Bặc, Lê-Phụng-Hiền, Tô-Hiến-Thành, Trần-Nhật-Đuyệt, Trương-Hán-Siêu, Lý-Thường-Kiệt, Phạm-Ngũ-Lão, Phùng-Khắc-Khoan, Cao-Đạo, Bá-Ích, Thái-Công-Vọng, Bá-Di, Y-Doãn, Châu-Công-Đán v. v. . .

Trước miếu có cửa tam quan, ba mặt có tường vây bọc, phía sau có nhà dùng để sửa soạn cỗ bàn trong những ngày cúng tế,

SOCIÉTÉ INDOCHINOISE DE DOCUMENTATION

et de

REPRÉSENTATIONS COMMERCIALES

S.I.D.E.R.C.O.

EXCLUSIVITÉS :

Whisky « **BALLANTINE'S** »

Cognac « **COURVOISIER** »

Sardines « **LES OCÉANIDES** »

Champagne « **HEIDSIECK & Co**
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« **MIRAFIORE** »

Vin Rose Valpolicella Chiacetto
« **MONTRESOR** »

Huile d'Olive « **ADOLPHE PUGET** »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

LA SOCIÉTÉ URBAINE FONCIÈRE

S. U. F. O.

18, BEN BACH DANG — SAIGON

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mạp

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẠM CUỘC

66, GIA-LONG - SAIGON

tại sao cần thử bom trên thượng tầng không khí ?

Nước Mỹ báo tin sẽ cho thử bom kính khí (bom H) trên độ cao 800 cây số vào tháng 6 hay tháng 7 tới. Đã có nhiều cuộc tranh luận gay go giữa các bác học Mỹ và Anh để xét xem có nên thực hiện thí nghiệm đó, trong khi chưa biết rõ hậu quả thế nào không ?

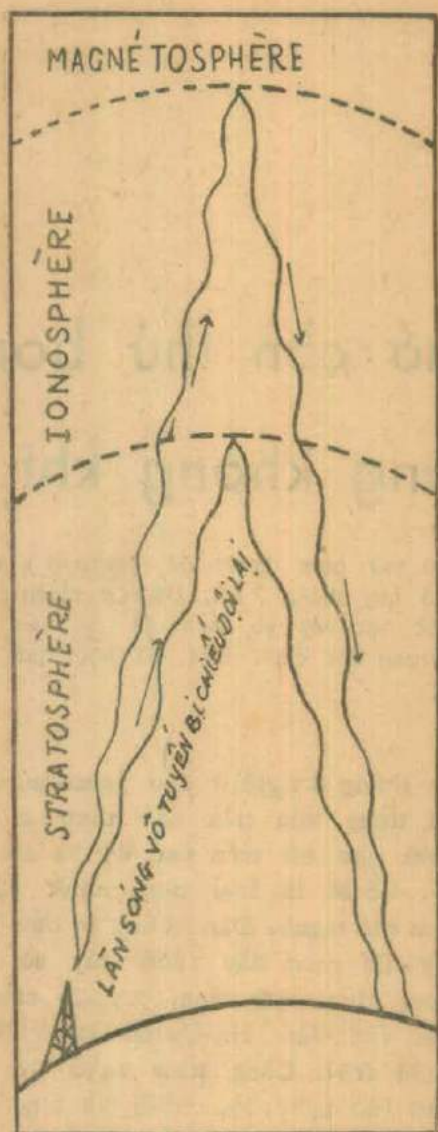
TRONG chương trình thí nghiệm nguyên tử của chính phủ Mỹ đem công bố cho công chúng biết, người ta đã nói nhiều về cuộc thử bom trên thượng tầng không khí. Công chúng tự hỏi, những cuộc thí nghiệm ấy có mục đích gì ? Các nhà chuyên môn theo đuổi hai mục tiêu : quân sự và khoa học. Mục tiêu quân sự tùy thuộc những kết quả thu thập được về phương diện khoa học.

Trên thượng tầng không khí có gì ?

Trước hết, chúng ta cần nhắc lại những cuộc thí nghiệm nổ bom trên không trước đây : Ngày mùng 1 và

12 tháng 8-1958 ở đảo Johnson, Mỹ đã dùng hỏa tiễn chở theo 2 trái bom cho nổ trên cao 85 và 48 cây số. Có lẽ là loại bom nhiệt hạch-tâm rất mạnh. Dân chúng ở đảo Hạ-Uy-Di cách đây 1800 cây số còn nom thấy ánh sáng, tuy độ cao ấy đôi với đảo Hạ-Uy-Di là ở dưới chân trời. Cũng năm 1958 về sau vào các ngày 27, 28-8 và 6-9, Mỹ còn thử liên tiếp 3 trái bom nhỏ nữa, nổ ở độ cao 480 cây số trên phía Nam Đại Tây Dương do hỏa tiễn từ chiến hạm bắn lên. Loại thử bom ấy lấy tên là Argus, có tính cách khoa học hơn quân sự. Các nhà địa cầu vật lý-học lợi dụng cơ

TẠI SAO CẦN THỬ BOM TRÊN THƯỢNG TẦNG ...



hội để tìm hiểu một vài đặc điểm của lớp Ionosphere. Các nhà bác học chia thượng tầng khí quyển ra làm 3 lớp: thấp nhất là stratosphere, tiếp đến lớp Ionosphere cao từ 150 đến 1000 cây số, và trên nữa là lớp magnétosphere. Trong lớp ionosphere không khí rất loãng gồm có dưỡng

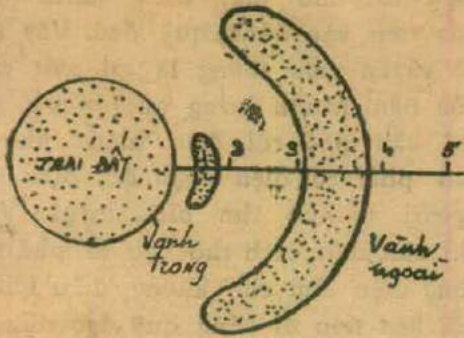
khí, hélium và khinh khí. Những miền đó đều ở trạng-thái giống như trong các ống đèn néon mà các hiện tượng điện tử chế ngự như hiện tượng bình-minh bắc-cực (bắc-cực quang) chẳng hạn.

Lớp ionosphere lại tác động như một tấm gương chiếu dội sóng vô tuyến điện xuống mặt đất, nhờ vậy mà ta nghe thấy những đài vô tuyến ở địa điểm dưới chân trời của ta, nhờ các làn sóng đi lên cao bị dội trở xuống.

Thêm vào những hiện tượng trên đây, còn phải kể đến từ trường của trái đất. Từ trường trái đất ảnh hưởng ra ngoài vũ trụ tới một độ xa gấp 10 lần đường bán kính trái đất. Các vệ tinh nhân tạo đã chứng xác điều ấy.

Lớp magnétosphere có tác dụng giam giữ những hạt nhỏ có điện, những ion; những hạt electron, proton này quay cuồng với tốc lực ghê gớm, nhưng bị giam hãm hẳn trong một thứ « lồng từ điện » mênh mông đó. Thêm vào số ion bị giam ấy còn có những bụi nhỏ do mặt trời phóng ra (éruptions chromosphériques) lớp magnétosphere hút lấy. Những bụi nhỏ đó chạy loạn xạ vòng quanh trái đất với một tốc độ kinh khủng (một vòng trái đất trong nửa giây đồng hồ). Năm 1958, nhà vật lý học Huê-Kỳ Van Allen khám phá ra lớp bụi nhỏ trữ điện này và lớp đó mang tên là Van Allen (xem hình vẽ).

**



Vành Van Allen

Hình vẽ cắt theo trục trái đất và các con số chỉ tỷ-lệ-xích tính bằng độ dài của bán kính trái đất

Bom cỡ nhỏ làm rối loạn sóng V. T. Đ.

Bởi vậy nếu một trái bom nguyên tử nổ ở các lớp khí quyển trên cao ấy thì tất nhiên sẽ gây ra nhiều hiện tượng quan trọng : Nếu là một trái bom nhỏ loại « Argus » nói trên, thì những bụi mang điện tung vào miền ionosphere sẽ làm rối loạn các luồng sóng vô tuyến điện. Thêm vào đó, những bụi của bom nổ gây một hiện tượng « bình minh bắc cực » nhân tạo. Hiện tượng này xảy ra ngày mùng 1 tháng 8-1958, lúc thử bom trên không, khiến các nhà bác học ở một đài quan sát giữa biển Thái-Bình-Dương phải kinh ngạc.

Nhưng siêu-bom sẽ làm mất thề quân bình của đai Van Allen

Tuy nhiên sự hiểu biết của người ta về thượng tầng khí quyển rất sơ sài. Với chút kiên thức ít ỏi đó người ta không thể dự đoán hết

hậu quả của một trái siêu bom nổ trên độ cao 800 cây số. Và chẳng có nhiều cuộc thử bom được nhà cầm quyền giữ bí mật thành ra các chuyên gia không được đến nơi quan sát để biết những hiện tượng xảy ra.

Một trái siêu bom nổ trên cao như vậy sẽ đưa vào khu vực Van Allen nhiều bụi nhỏ có điện làm cho từ trường của trái đất bị biến đổi trong một khoảng rộng, bán kính chừng 1.000 cây số. Những bụi nhỏ bị giam trong vành Van Allen sẽ nhờ cái lỗ thủng đó mà thoát ra và tủa xuống trái đất, làm thành những hiện tượng « bình minh bắc cực » huy hoàng gấp bội so với những cuộc thí nghiệm trước. Liên lạc vô tuyến điện sẽ bị rối loạn hàng giờ hay hàng ngày. Người ta hy vọng rằng trong vòng vài tuần lễ vành Van Allen sẽ kiếm được một số bụi khác thay thế những bụi được phóng thích, nhưng có người bị quan cho rằng phải 100 năm sau mới lập lại thề quân bình thiên nhiên được.

Ánh sáng chói lòa rất nguy hiểm

Tuy nhiên sự nguy hiểm hơn cả mà người ta biết rõ là thứ ánh sáng chói lòa từ đảo Honolulu đã thấy rồi. Năm 1958 cách nơi bom nổ 600 cây số, giồng thỏ bị mù vì ánh sáng bom nổ làm cháy võng mạc. Ánh sáng ấy sáng gấp trăm lần mặt trời và nhanh chóng đến nỗi con vật không kịp có phản ứng nhắm mắt lại. Nguyên tử đi nhanh hơn cái chớp mắt nhiều !

TẠI SAO CẦN THỬ BOM TRÊN THƯỢNG TẦNG...

Mục tiêu của bom nổ trên cao : phá rối sóng V. T. Đ. để trừ hỏa tiễn liên lục địa

Biết rằng nguy hiểm và còn có những hậu quả chưa lường được, mà người ta vẫn muốn thử bom là vì bom nổ trên thượng tầng khí quyển làm rối loạn dữ dội các luồng sóng vô tuyến điện nên các chuyên viên quân sự khai thác triệt để tác dụng này. Ta không thể tưởng tượng được vô tuyến viễn thông đời với cuộc sống ngày nay quan trọng như thế nào. Không kể vô tuyến viễn thông được áp dụng trong đời sống dân sự thường ngày như thông tin, truyền thanh, truyền hình, hàng không, mà còn được sử dụng cả trong sự điều khiển ra-đa, điều khiển hỏa tiễn nữa. Các sự viển điều-khiển này sẽ không thể thực hiện nổi nếu sóng vô tuyến điện bị rối loạn.

Nga Sô mới thiết lập một hệ thống ra-đa giọc theo đường bay của những hỏa tiễn liên lục địa lợi hại. Hỏa tiễn ấy được điều khiển bằng vô tuyến điện. Máy móc của hỏa tiễn thật là tinh vi, nhưng chính sự tinh vi ấy lại là một nhược điểm quan trọng : máy móc càng tinh vi thì càng phức tạp, càng mỏng mảnh và bén nhạy, chỉ một chút rối loạn đủ biến cái bộ phận máy điện tử rất nhỏ bé và hỏa tiễn sẽ không còn tự chủ được nữa.

Hỏa tiễn phóng đi không bao giờ bay đúng theo quỹ đạo mãi, thực ra phải luôn luôn được sửa chữa lại hướng đi ở giọc đường nó mới có thể theo đúng quỹ đạo. Hỏa tiễn chỉ là một người mù, ra-đa theo dõi nó để quyết định lối đi, máy tính điện tử

cho biết phải sửa chữa hướng bay thế nào, rồi vô tuyến điện đưa điện hiệu tới cho máy điều khiển đặt hỏa tiễn vào đúng quỹ đạo. Vậy thì vô tuyến viễn thông là tai mắt của hỏa tiễn. Muốn bưng tai bịt mắt nó chỉ cần phá rối điện hiệu, nhưng cần phải rõ điện hiệu đó, điều mà người ta khó tìm biết được. Vậy chỉ còn một cách thô bạo là phá rối sóng điện làm cho không điều khiển nổi hỏa tiễn đi đúng quỹ đạo nữa.

Trong một cuộc tấn công vũ bão bất thần, một loạt hỏa tiễn liên lục địa của địch phóng đi sẽ hủy diệt những trung tâm kỹ nghệ và quân sự của một nước. Không thể đón đường những hỏa tiễn nặng hàng 10 tấn và bay nhanh hàng 5, 6 cây số một giây để phá hủy đi. Chỉ có một cách là phá rối bộ phận điện tử, làm cho sự vô tuyến điều khiển rối loạn. Một trái bom H gắn vào hỏa tiễn cho nổ trên cao 1000 cây số sẽ làm rối loạn thượng tầng không khí trong vài giờ, có khi vài ngày, Hỏa tiễn liên lục địa mất sự điều khiển không thể bay đến đích được. Máy bay oanh tạc và tiêm thủy đỉnh nguyên tử có thể trả đũa được những cuộc tấn công bất ngờ như thế.

**

Đó là một khúc phim phóng tác khoa học mà các chuyên gia không gian học đang sửa soạn thực hiện một ngày gần đây.

CÔ-LIEU thuật theo
CHARLES-NOËL MARTIN
(Figaro litt.)

nên bỏ hay
nên sửa chương trình Triết
ở bậc Trung học

BÙI-HỮU-SÚNG

II. — RÚT VÀI KINH NGHIỆM Ở CHƯƠNG TRÌNH MỚI
(1960) CỦA PHÁP

Sau khi một số hỏa tiễn của Mỹ, của Nga thi đua chinh phục không gian, dân Pháp thấy mình lạc hậu về kỹ-thuật, đã đảo nền học « nhân bản », hô hào cải tổ chương trình. Học sinh Pháp, sau Tú tài I, bỏ ban « Triết » sô sang ban khoa học; lớp Triết học chỉ còn là nơi di trú của học sinh kém Toán. Như trong số tạp-chí Bách-Khoa đã nói kỳ trước, sau vụ thảo luận của Quốc-Hội và báo chí Pháp, một chương trình mới về Triết đã được ban hành bởi nghị-định ngày 18 tháng 7 năm 1960, và đã được áp dụng từ hơn một năm nay. Chương trình này có gì mới về chương mục và về tinh thần không? Ta có rút được kinh nghiệm nào chăng?

Tôi còn nhớ dưới thời đô hộ Pháp, mỗi khi có một sự cải tạo của « Mẫu quốc » các báo chí thân Pháp « khoa

chương gõ mõ », một số các cụ nhà ta sáng suốt về chính sách thuộc địa, thường nói thăm vào tai nhau một câu hài hước lý thú : « Người Pháp chỉ thích thay đổi nhãn hiệu và không chịu thay đổi chai lọ đâu » (Les Français aiment à changer d'étiquettes, sans changer de flacons) ; quả thế, dù đổi thống soái hay toàn quyền hay cao ủy thì nước mình hồi ấy vẫn là bị trị, mất chủ quyền. Ngày nay chương trình mới của Pháp, tuy không hẳn là một việc dán nhãn hiệu mới lên trên thứ hàng cũ nhưng cũng chưa được « cách mệnh » như người ta mong chờ.

Phê bình chương trình ấy là công việc của người Pháp. Dưới đây tôi chỉ so sánh hai chương trình mới, cũ, ngõ hầu rút được đôi chút kinh nghiệm bổ ích cho việc thiết lập một chương trình thích hợp với thanh niên Việt-Nam.

A. — Phần so sánh.

1) *Trước hết, so sánh cách phân phối những chương mục trong hai chương trình.* Chương trình cũ phân ra bốn môn: Tâm lý học, Luận lý học, Đạo đức học, và Siêu hình học. Chương trình mới bãi bỏ hết bốn danh từ cũ và quy tất cả các chương mục dưới hai nhan đề mới: *Connaissance* (tri) và *action* (hành). Ví dụ như luận-lý-học cũ đưa sang phần « tri », đạo-đức-học cũ đưa sang phần « hành ». Tâm lý học và Siêu hình học bị chia cắt ra thành nhiều mảnh, như tri giác (*la perception*), suy luận (*raisonnement*) vật chất, tinh thần đưa sang phần « tri »; còn tình cảm và hoạt động, tự do thì đưa sang phần « hành ».

Về chi tiết có thêm đề mục gì mới không hay chỉ là việc đổi nhãn hiệu cũ bằng nhãn hiệu mới thôi? Thưa có, có mấy mục mới, đáng chú ý: chương trình mới nhấn mạnh về 1^o) kỹ thuật, kỹ nghệ, nghề nghiệp; 2^o) về nghệ thuật: sáng tác nghệ thuật, thưởng ngoạn nghệ thuật (*contemplation artistique*); 3^o) về sự giao thiệp giữa con người với con người mà người ta sẽ gọi là liên-tâm-lý (*interpsychologie*) v. v... Mấy điểm này đều thuộc về phần « hành ». Chương trình mới đã gắng theo rồi những hoạt động mới của nhân loại khác với chương trình cũ quá thiên về lý thuyết trừu tượng.

2) *So sánh về danh sách các triết phẩm.*

Chương trình cũ và mới của Pháp đều có kèm theo một danh sách liệt kê các tác phẩm Triết để giáo sư và học sinh tự do lựa chọn đọc lấy ba tác phẩm. Cuối niên khóa khi vào thi vấn đáp, học sinh xuất trình và giám-khảo sẽ hỏi về ba tác-phẩm đó. So sánh hai danh sách,

tôi thấy danh sách mới kê nhiều tác phẩm hơn và cũng đi theo với tinh thần mới. Chương trình mới giữ đủ các tác phẩm trong chương trình cũ và thêm vào một số tác phẩm có khuynh hướng khác nhau. Ví dụ về Montaigne đã học về phương diện văn chương ở hai lớp dưới *Seconde* và *lère*, nay chương trình mới lại mang lên lớp Triết để xét về phương diện tư tưởng. Trước đây, người Pháp quá thiên về lý trí nay con cháu *Descartes* cũng đọc thêm các triết phẩm có khuynh-hướng « trực giác » của *Bergson* và sách của nước Đức chứa nhiều tư tưởng bay bổng hơn, siêu hình hơn như tác phẩm của *Hegel*, của *Nietzsche*. Đặc biệt là đa số tác phẩm ghi trong chương trình nhấn mạnh về hoạt động (theo nghĩa rộng): nếu thích hiểu biết hoạt động về ngành nghệ-thuật, học sinh có thể chọn *Leçons d'esthétique* (bài học giảng về thẩm mỹ) của *Hegel* (Đức) hay *Le système des beaux arts* (hệ thống của nghệ-thuật) của *Alain* (Pháp). Nếu thích hoạt động về đạo đức thì hãy thưởng thức cách sống « hiền triết » của *Montaigne* hay cách sống mãnh liệt bất chấp nguy hiểm của siêu nhân trong triết thuyết của *Nietzsche* (Đức): *La généalogie de la morale*, *Ainsi parlait Zarathoustra*. Nếu thích hoạt động chính-trị, thì học sinh đọc *Le Prince* của *Machiavel* (Ý) hay lý thuyết của Cộng - sản: *L'idéologie, allemande*, *Le Manifeste communiste* của *Marx* và *Engels*. Lần đầu tiên *Karl Marx* được chính thức coi là một triết gia và cũng là lần đầu tiên tác phẩm « Tuyên ngôn cộng sản » được ghi vào chương trình giáo khoa tại Pháp. Chương trình mới mặc dầu nghiêng về hành động và thực

tế, tuy vậy vẫn thấy còn thiếu tác phẩm có tính chất thực dụng của Mỹ, của Anh như tác phẩm của W. James.

3) So sánh về phương diện tinh thần.

Con người có hồn, có xác thịt; chương trình có chương mục và tinh thần. Xét một chương trình, ta cần phải đặc biệt chú ý về tinh thần. Tây phương nói: « la lettre tue, l'esprit vivifie », Đông nho khuyên: đừng để từ hại ý.

Hiện nay cá: sách soạn theo tinh thần của chương trình mới chưa thấy bày bán tại các tiệm sách Saigon, chỉ lác đác vài cuốn sách cũ của Foulquié, Cuvillier sắp xếp lại và mang những nhãn hiệu mới. Tôi không có tài liệu gì mới để so sánh hai tinh thần mới và cũ. Tôi tạm nêu ra vài nhận xét như sau.

Theo chương trình cũ, Triết học là suy nghĩ và phê phán về các khoa học và về sức hiểu biết của trí tuệ con người. Triết gia cổ bản khoãn về: « Con người từ đâu mà sinh ra, sau khi chết sẽ thành ra sao? Trí óc con người có hiểu biết được thiên nhiên đến chỗ uyên nguyên, tới bản thể của nó hay là chỉ hiểu hời hợt bên ngoài? Những điều sở đắc của khoa học đã chắc là chân lý tuyệt đối chưa? » Nói khác đi, cái học cũ chỉ lo lắng biết cho thấu đáo về người và vũ trụ. « Biết để mà biết » không cần vụ lợi, không nhằm cải tạo đời sống xã hội. Tựa như người đánh cờ ngồi suy nghĩ nước cao nước thấp, xây dựng tư tưởng một cách « tài tử », vui chơi ngoài lề cuộc sống, rửng rưng đối với thời cuộc. Cái « triết lý » cũ ấy, theo Paul Valéry là thứ « chơi đùa hoàn toàn về ý tưởng » (un pur jeu d'idées). Các chính trị gia

gọi đây là « học thuật vị học thuật » hay coi đây là một thứ xa xỉ phẩm.

Theo chương trình mới, biết chưa đủ, biết phải mang ra thực hành, biết để phụng sự nhân sinh. Biết mà không thực hành là biết suông, biết hão. « Hành » mới là mục đích của sự học Triết, còn « tri » chỉ là phương tiện. Nếu cái học cũ là thứ « học thuật vị học thuật » thì ngược lại cái học mới là « học thuật vị nhân sinh ». Vương-Dương-Minh cũng xướng ra một thuyết tương tự: thuyết « tri hành hợp nhất », chỉ tương tự thôi không có liên hệ gì với triết học giáo khoa của Pháp. Nhưng tôi cũng mượn hai danh từ của họ Vương để tiện dịch hai chữ « connaissance » và « action ». Còn như ở Tây phương, tư tưởng cứ « đánh đu » giữa « tri » và « hành » trải qua 25 thế kỷ. Trước hết, Socrate chú trọng về hoạt động đạo đức (hành). Sau Ông, hai đồ đệ trực danh của Ông, Platon và Aristote đi tìm hiệu vũ trụ và coi thường thực tế (Tri). Sau Platon và Aristote, xã hội tao loạn, vấn đề « hành động đạo đức » chiếm lại bình diện thứ nhất với phái Epicure, phái khắc kỷ (Les Stoiciens). Rồi trước khi suy tàn, tư tưởng Hy Lạp lại vỗ cánh bay bổng (tri) với nhóm tân Platon (thế kỷ II sau Thiên Chúa). Từ đây trở đi lịch sử tư tưởng cứ biến chuyển theo nhịp hai giữa « tri » và « hành » như vậy. Descartes, Kant cũng bản khoãn về « tri » và « hành »; Kant đã nói: « Chúng ta đã biết được gì? » « Chúng ta phải làm gì? » Riêng ở Pháp gần 100 năm — thế kỷ 19 — đồng Phật lãng vãng giá, đất thuộc địa xâm chiếm được

nhiều, nhóm trưởng giả sống trong nhàn hưởng, người ta ngồi mài dũa câu văn, trầm ngâm triết lý, mang lý trí phân tích con người, xã hội, thiên nhiên, như mang sợi tóc chẻ ra làm bốn (*tri*).

Nhưng bánh xe lịch sử đã quay mạnh, hai cuộc thế chiến liên tiếp, cách mệnh chính trị, xã hội, kinh tế, xảy ra khắp thế giới, đặt ra cho thanh niên Pháp những vấn đề cấp bách đòi hỏi sự hành động kịp thời để giải quyết cuộc sống hiện thời, ngay trước mắt, trong thực tế. Những triết thuyết hiện sinh, trào lưu văn học nhập thể « *littérature engagée* » lại đưa « *hành động* » lên hàng đầu. Trước những thái độ của Saint Exupéry lái máy bay ra trận, Malraux tham gia cách mệnh, Camus tham gia kháng chiến, P. Sartre làm chính trị, thanh niên Pháp cảm thấy không thể nào giam mình trong tháp ngà để ngâm câu văn hay, triển miên trong lý thuyết mơ hồ. Chương trình học quy mới tuy không có tính cách cách mệnh, nhưng cũng chạy theo kịp một phần nào đà sống mới nói trên. Người ta cũng cảm thấy không thể nào cứ tĩnh tọa giải thích vũ trụ mà trái lại phải hành động để cải tạo (*transformer*) xã hội, tìm ra một nhân sinh quan mới.

Cái học nhân bản cá nhân đã nhường chỗ cho cái học nhân bản hiện sinh hay nhân bản tập thể (*humanisme collectif*).

B. — Phần rút kinh nghiệm.

Sau khi so sánh hai chương trình mới và cũ của Pháp, ta có thể rút được vài kinh nghiệm như sau :

1) *Trao đổi ý kiến.* — Việc soạn thảo chương trình phải là kết quả của nhiều

sáng kiến cá nhân và của sự trao đổi ý kiến phong phú trong nước. Trong mấy nước mới giành lại độc lập, vì thời gian thúc bách, chương trình học quy soạn thảo vội vã, hấp tấp, bởi một số người từ ngoại quốc về hay từ « *trời* » sai xuống chỉ biết theo tín ngưỡng của mình, học thức của mình, không đếm xỉa gì tới thực trạng trong nước. Trái lại ở Pháp người ta thận trọng, dò đường, thí nghiệm, thảo luận. Ngay từ năm 1930, tôi đã thấy giáo sư thạc sĩ Antoine Roux có sáng kiến soạn một bộ sách triết học gồm hai cuốn : cuốn I về vấn đề trí thức (*Le problème de la connaissance*) và cuốn II về vấn đề hành động (*Le problème de l'action*). Tất nhiên chương mục không đúng hẳn với chương trình 1960, nhưng từ đây vài giáo sư khác như Cuvillier trong những thiên mở đầu của Tâm lý học, hay Luận lý học, cũng mở rộng nghĩa « *triết học* » và nêu ra hai vấn đề « *tri* » và « *hành* ». Quyển *Choix de textes philosophiques*, in năm 1952 của hai Ông thanh tra học chính Brunold và Jacob, cũng chọn các áng triết văn theo bốn đề mục :

- truyền thống nhân bản
- vấn đề trí thức
- vấn đề nghệ thuật
- vấn đề hành động

Lần lượt trong báo chí, nhiều bài tranh luận : nếu có bài chủ trương bảo tồn lớp « *Triết* », thì cũng có bài đề nghị bãi bỏ. Lại có bài thuật lại cuộc phỏng vấn các ông, các bà hiệu trưởng, các trường trung học và đổ tội cho nhà soạn sách, soạn quá đầy đủ, sách quá dày hại tới sức khoẻ học sinh. Có người

viết cả hai quyển sách kịch liệt công kích « Triết học giáo khoa » của Pháp : *Pourquoi ces philosophes* (1957) La cabale des dévots (1961) tác giả là J. Revel. Ông cho rằng từ gần một thế kỷ nay, tư tưởng của Pháp ngủ yên miền ; ngoài thuyết của Sartre ra chỉ còn là những sách dày đặc những điều tầm thường của các giáo sư soạn ra để công kênh nhau lên nắm độc quyền trên thị trường Triết, làm mưa làm gió trong các kỳ thi và trong các học đường. Quyển nào cũng nhai lại ý cũ dưới những danh từ « không những vay mượn của tâm phân học mà còn của những thuyết tương đối, mác xít, hiện tượng, đi lại lang thang như đàn bò cái Ấn-Độ, gầy đói không sinh đẻ, không có chủ mà chẳng ai dám giết » (Des mots venus non seulement de la psychanalyse mais de la relativité du marxisme, de la phénoménologie errant ainsi comme les troupeaux de vaches de l'Inde, faméliques, improductives et sans propriétaires mais personne n'ose tuer). Lời phê bình quá nghiêm khắc ! Nhưng đã có cao đệ của Bergson, của Bachelard của Merleau Ponty v.v... bênh vực. Ở đây tôi chỉ rút hai kinh nghiệm nhỏ : một là chương trình 1960 của Pháp vẫn thuộc về truyền thống của các giáo sư Pháp, không thể áp dụng sang Việt Nam được. Như bài trên đã nói, tư tưởng của các giáo sư Pháp như Foulquié Meynard, Cuvillier v.v... hãy còn đề nặng trong các sách giáo khoa và một số trường học của ta. Cây Triết non nớt của ta bị cớm từ lâu dưới bóng cây cổ thụ đồ sộ của lý trí (bắt đầu cần cỗi) của Pháp. Đã tới lúc ta cần đưa tư tưởng Pháp xuống một vị trí vừa phải thôi và

ta còn phải giang tay ra đón những tư tưởng khác để tiếp lấy sinh khí mới. Hai là việc dự thảo chương trình cũng như việc dạy Triết học chỉ có thể có được ở một nước có tự do tư tưởng : mỗi phụ huynh được phát biểu ý kiến, mỗi nhà báo, nhà giáo có quyền góp kinh nghiệm. Trong một nước độc tài hay đảng-trị, chỉ có một thứ Triết, Triết của Đảng ; Lénine đã nhắc đi nhắc lại Triết lý Mác-xít là chủ quan và là Triết lý của Đảng. Cuốn dạy Triết của UNESCO (đã dẫn ở trên) cũng nói : nếu không có tự do tư tưởng, môn Triết sẽ thành là một món tuyên truyền cho một tôn giáo hay một ý thức hệ của một đảng phái. Vậy ta có nên rút kinh nghiệm ở chương trình 1960 của Pháp mà giảng dạy tác phẩm Mác-xít trong trường không ?

2) *Giảng dạy chủ-nghĩa Mác-xít.* — Ở nước Pháp tình trạng khác nước ta và vấn đề đã giải quyết trước cả khi lập Chương-trình 1960. Một số sách giáo khoa Triết xuất bản trước Chương trình mới đã trình bày thuyết Mác-xít, thí dụ cuốn *Métaphysique* của Denis Huisman và André Vergez (trang 119). Ở Mỹ, trong một số *Sélection du Reader's Digest*, vào khoảng năm 1960 có một nhà báo chủ-trương rằng muốn chống Cộng phải cho thanh niên hiểu ý-thức-hệ của cộng-sản. Ở Việt-Nam, trong vài số nhật-báo Tự-Do năm 1961 (tôi quên số báo) cũng có vài bài phát biểu ý-kiến tương-tự. Tôi xin đề nghị như sau :

a) Trình bày cho đúng và khách quan thuyết Mác-xít ; học sinh đang sống trong không khí tự do dân chủ, tất sẽ không thể ưa được chế độ độc tài vô sản do

Marx chủ trương và hiện là chế độ của các nước Cộng-sản.

b) Trình bày cho học sinh biết những mâu thuẫn giữa các nước Cộng-sản (Tito, Albanie, Staline, Trung-cộng v. v...) về ý-thức-hệ và về chính-trị để nêu rõ những rạn nứt mà Marx không hề nghĩ tới.

c) Trình bày cho học sinh biết thuyết ấy đã lạc hậu không hợp với thời-đại nguyên-tử, hay với nền kinh tế mới. Ví dụ : sau thế chiến thứ hai, Staline và một số thuyết gia Mác-Xít lý luận theo duy-vật biện chứng và cho rằng sẽ có cuộc khủng hoảng kinh tế của xã hội tư bản vào khoảng 1957. Nhưng trong thực tế, cuộc ấy đã không diễn ra.

d) Trình bày cho học sinh biết tổ chức xã-hội ở các nước Cộng-sản đã đi ngược lại thuyết ấy. Marx cho rằng thợ thuyền làm vất vả không được hưởng kết-quả mồ-hôi của mình và ông cho đây là một phóng thể (aliénation) của chế độ tư bản. Vậy thử hỏi ngày nay công nhân ở Nga có bị phóng thể không ?

Mấy điểm a, b, c, d, chỉ thực hiện có kết quả với điều kiện là chính phủ lập ra một ban « tu thư và biên soạn tài liệu giáo-khoa » để soạn sách và soạn những bài chống thuyết Mác-xít, rồi theo dõi cách giảng dạy của các giáo sư, phân tích thời cuộc, và biên soạn tài liệu kịp thời. Có làm được như vậy, ta mới đạt được mối liên hệ mật thiết giữa nhà trường và đời sống hằng ngày, mới chống trả kịp thời những mảnh lời tuyên truyền và chiến lược giai đoạn của đối phương. Khi thanh niên đã lĩnh hội được nguyên tắc, tinh thần đã được chuẩn bị rồi thì các tà thuyết khó bề thâm nhập vào óc họ.

Hồi 1945, chủ nghĩa Mác-xít mới đưa về Hà-nội, trong số bạn của tôi, người nào đã đọc qua xã-hội học hay triết học duy-vật thì chỉ giữ thái độ khách quan, xem « họ » áp dụng ra sao vào tình thế Việt-Nam, còn một số khác, đầu óc không được chuẩn bị trước đều tự ti mặc cảm và dễ bị tuyên truyền.

Không giảng dạy gì, thì « thuyết » cũng như sách càng cấm, càng được thanh niên tò mò, thắc mắc và, nếu gặp kẻ nào đưa sách, hay « móm » lý thuyết cho, họ lại càng bị huyền hoặc, càng bị lôi cuốn theo tà thuyết.

Nhìn vào tình trạng ngày nay, tại vùng quốc-gia tự-do, ta phải xác nhận điều khó chịu này : Từ lâu tư tưởng Mác-xít vẫn lẫn lộn dưới hình thức hoặc vô hình, hoặc hữu ý trong một số học đường và một số sách vở. Hãy mở chương trình học của lớp Đệ-Nhị về môn kinh-tế, ta thấy có ghi « ... chủ-nghĩa tư bản, chủ-nghĩa xã-hội » Khi giảng đến đây, tất ít nhiều người làm sách hay giáo sư cũng nói tới Marx, tới kinh tế của các nước Cộng-sản. Hãy mở những sách Sử, sách Giảng văn hay Văn-học-sử đã bày bán, ít nhiều người ta cũng nói tới nền kinh tế của một thời, thành phần xã-hội của một văn gia, mà mới nghe tưởng là áp dụng thuyết của H. Taine, nhưng thực ra là một hình thức duy vật chỉ khác ở điểm chưa nói đến biện chứng pháp và giai cấp tranh đấu. Tôi gọi đùa đây là thứ « duy vật thu nhỏ lại » (minimisé). Lỗi không phải ở giáo sư, ở soạn giả. Đây là tình trạng còn di lại (une survivance) của thời kháng chiến. Tình trạng ấy, đã đến lúc phải nói trắng ra và đòi hỏi một giải pháp. Đến giờ

Triết, ta phải có can đảm mang thuyết Duy vật sử quan ra xét dưới ánh sáng thời cuộc, nêu khuyết điểm và sai lầm của thuyết ấy.

Tối thiểu cũng phải chứng minh rằng thuyết ấy không còn là chân lý tuyệt đối nữa, không còn là kim chỉ nam màu

nhệm cho hành động nữa. Nhận xét của tôi chắc còn chủ quan; kinh nghiệm của tôi trên này còn hẹp hòi, xin các độc giả tham gia ý kiến vào vấn đề « nan giải » này. Ta đừng quên đây là một con dao hai lưỡi cần phải sử dụng cho khéo.

III. — THỬ ĐƯA RA VÀI NGUYÊN TẮC NGŨ HẦU TIẾN TỚI MỘT CHƯƠNG TRÌNH MỚI

Chương trình mới của Pháp đã áp dụng được hơn một năm, chúng ta hãy đợi tin về kết quả kỳ thi Tú tài ở Pháp vào vụ tháng 7 tới. Còn ở Saigon và Đà-lạt trong vụ thi vừa qua, thí sinh ban Triết đa số bị rớt; tỷ số đó không có gì khả quan. (*) Điều đó chứng tỏ thêm rằng chúng ta không thể nào theo được chương trình mới (và cũ) của Pháp cũng như chưa bỏ được lớp đệ Nhất. Vậy cần dự thảo một chương trình thích hợp với thanh niên học sinh nước ta. Dưới đây tôi đánh bạo đưa ra vài nguyên tắc và một chương trình để chúng ta tiện cùng nhau thảo luận về vấn đề trọng đại đã nêu ra ở số báo trước.

A. — Nguyên tắc.

1) *Rút nhẹ chương trình và bớt giờ Triết.* — Hiện nay ở lớp Đệ Nhất ban C và D có tới 9 giờ Triết, tôi đề nghị rút xuống 5 giờ mỗi tuần. Những môn Tâm lý học (1), Đạo đức học và Siêu hình học sẽ đưa lên bậc Đại Học tùy theo ngành chuyên môn.

Về Luận-lý học, tôi đề nghị giữ lại phần Phương-pháp-luận (méthodologie) vì hai lý do chính: một là sau này, trong

ngành học nào, Luật khoa, Y khoa, thường bắt đầu bằng phương-pháp luận; hai là phương-pháp-luận trong môn Triết là suy nghĩ (réflexion) những phương-pháp mà học sinh đã thấy áp dụng trong mấy năm trước trong vật lý, hóa học, toán, sử, v. v... Như vậy, phần này là một nhịp cầu bắc giữa Triết và những môn đã học rồi.

2) *Bớt một nhịp cầu giữa Triết và môn văn chương đã học ở các lớp dưới.* — Ở trên tôi đã trình bày « Triết » của Pháp là hoàn thành (le couronnement des études secondaires) những môn đã giảng dạy trong mấy năm trung học, như thơ văn của La Fontaine, Montaigne, Pascal, Descartes... Triết của ta cũng nên phỏng theo tinh thần đó, cũng hoàn tất những tư tưởng triết lý mà học sinh đã thấy rải rác nhưng chưa được giảng kỹ trong những văn - phẩm đã học ở các lớp dưới. Ở đây, chúng ta nên đồng ý về danh từ. Triết học là

(*) Tỷ số chừng 30%.

(1) Khi bài báo này lên khuôn in, tôi được tin Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục cải tổ chương trình cũ, bằng cách đặt ra năm dự-bị Y-Khoa và trong lớp dự-bị sẽ dạy về Tâm-lý-học, Xã-hội học.

gì? Một là học về hữu-thể (l'être) như trong tác phẩm cổ Hy-Lạp. Hai là suy ngẫm về khoa học như luận-lý học. (Đa số các giáo sư Pháp theo nghĩa thứ hai và một số lớn sách giáo khoa Pháp thu hẹp trong nghĩa này) Ba là xét vũ-trụ quan, nhân sinh quan của một dân tộc hay của một văn gia, một nghệ sĩ. Gần đây các nhà nhân chủng học (ethnologues) rất chú ý tới nghĩa thứ ba này vì các ông thấy nhiều dân tộc khác người Âu-châu đã có một nền đạo lý khá cao và suy nghĩ một cách tiền luận-lý (prélogique) khác với óc duy-lý của Tây-phương. Tôi đề nghị khai thác những điều sở-đặc của các nhà nhân chủng-học. Ở lớp Triết, học sinh ta sẽ học về nhân sinh-quan, vũ trụ quan (theo nghĩa thứ ba) trong Lão, Nho hay Phật, hay triết-lý trong Đoạn trường tân thanh, trong thơ văn của Nguyễn-Công-Trứ. Dĩ nhiên học sinh phải xét nguồn gốc, hoàn cảnh phát sinh ra tư tưởng ấy rồi đứng vào thời cuộc hiện kim xét xem những tư tưởng ấy còn bổ ích cho tinh thần thanh niên ngày nay không? Như vậy Triết của ta sẽ là « học-thuật vị nhân-sinh », mà đồng thời Triết-học sẽ làm chuyển tiếp giữa môn học mới với các môn học của các năm trước. Học sinh bước từ Đệ Nhị lên Đệ Nhất không ngỡ ngàng như bước vào một thế giới huyền bí, ngổn ngang những danh từ mà Revel đã ví như những đàn bò cái Ấn-Độ ốm yếu, vô chủ...

3) Kim càn hơn cổ. — Trên kia tôi đã nói: « Kim càn hơn cổ: như học về chủ nghĩa Mác Xít thì phải mang thời cuộc hiện nay ra phê bình thuyết ấy; như muốn luyện tập óc phê bình của học

sinh và xây dựng cho họ một nhân sinh quan, thì phải mang những nhân sinh quan của Nguyễn-Công-Trứ của Nguyễn-Du ra xét lại dưới ánh sáng của thời-đại này ». Nguyên tắc này đưa ra sẽ trái với truyền thống văn học của nước ta từ mấy nghìn năm nay. Xưa kia thời Hán học còn thịnh, các cụ chỉ học tới Tống Nho, ít cụ để ý đến Vương-Dương-Minh trở về gần đây. Khi Pháp đưa Văn Hóa sang Việt-Nam, các nhà « tân học » về thơ văn chỉ biết tới Baudelaire, Verlaine, A. France và về Triết học chỉ coi tới Bergson.

Chúng ta không phủ nhận giá trị của hai nền Văn học cũ ấy. Nhưng đối với thanh niên 17, 18 tuổi, trong một niên học 7, 8 tháng, ta có nên nhồi sọ họ bằng tất cả những « triết thuyết » cao siêu và đã xa đời sống thực tế của họ không? Ngay trong các dòng tư tưởng của Âu-Châu, cũng nên cân nhắc xem ta nên bỏ cái gì và chọn cái gì bổ ích cho họ? Ai cũng biết, trải 25 thế kỷ, tư tưởng Âu châu rất phong phú và biến chuyển mạnh. Thời Hy Lạp, người ta chú trọng về hữu-thể (l'être); đến Trung Cổ triết học quy về thượng đế; từ Descartes đến nay, triết-gia chú trọng về khoa học và con người (l'homme). Về con người lại phân ra hai thời kỳ: từ thế kỷ 19 trở lên là con người trừu tượng, muôn thuở, và nhân bản trong thời kỳ thứ hai là nhân bản cá nhân; từ thế kỷ XX con người có địa vị đứng giữa những con người khác: giao thiệp, giúp nhau, cạnh tranh nhau và nhân bản mới là nhân bản xã hội (l'humanisme social chứ không phải l'humanisme socialiste) và nhân bản hiện sinh. Triết học Âu châu có nhiều giai đoạn

như vậy, ta giữ đoạn nào bỏ đoạn nào? Theo thiên ý, ta chọn phần *hiện kim* vì ngày nay thanh niên Việt cũng như thanh niên Mỹ, Anh, Pháp đều có một tâm trạng gần nhau, một ý thức quốc tế (une conscience planétaire). Họ cũng xôn xao về cái chết của J. Dean, cảm xúc trước tai nạn ô tô của F. Sagan, hồi hộp trước sự thành công của các phi hành gia không gian Mỹ J. Gleen, Carpenter. Họ đã thưởng thức tài nghệ của các nghệ sĩ, các cầu thủ từ Áo, Đức, Pérou, Thụy sĩ sang Việt Nam biểu diễn. Họ cũng phần uất khi nghe những vụ tàn sát ở Congo, lo âu trước biển cổ ở Lào. Các cuộc triển lãm điện ảnh, báo chí, đĩa hát, vô tuyến truyền thanh..., đã bắc những dây thông cảm giữa các đám thanh niên đồng đảo của các nước. Những nguyên tác hoặc dịch phẩm về tiểu thuyết của các văn gia Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Ý v. v... đã gây cho họ những quan niệm giống nhau về đời người, về tình yêu, về nghệ thuật. Những tiến bộ theo đà gia tốc (rythme accéléré) của khoa học, sự đe dọa của chiến tranh nguyên tử ở chân trời khiến cho họ có những băn khoăn, thắc mắc chung của thời đại máy móc duy vật này; họ cũng có nôn mửa (nausée) cũng chán ngán (angoisse) gần như nhau.

Từ ngàn xưa, cái học ở Việt Nam, là một thứ học « đóng kín lại » luẩn quẩn trong tư tưởng cổ của Trung hoa hay của Pháp. Ngày nay, nhân loại bước sang giai đoạn mới của lịch sử, giai đoạn nguyên tử lực; thế giới biến chuyển mau lẹ, các nhà văn Tây phương gọi đấy là đà tiến gia tốc của lịch sử (accélération de l'histoire). Chung quanh chúng ta, các giá trị cũ không còn uy tín xưa,

những quan niệm mới mỗi ngày sinh ra, nhiều cuộc khủng hoảng đảo lộn tư tưởng cũ và lôi cuốn thanh niên vào cuộc sống vội vã, rộn rập. Chúng ta không nỡ tâm giao cảm thanh niên vào trong bốn bức tường, và bắt họ nhai lại những luận điệu lỗi thời, chúng ta hãy mở rộng cửa sổ nhà trường để học sinh nhìn thấy đời sống thực tế của xã hội mới, với một sự nhận định sáng suốt, với một tinh thần tìm hiểu. Có người đã nói, cái nhân bản của ngày mai sẽ là một thứ nhân bản nghi vấn (l'humanisme d'interrogation) nghĩa là đặt lại các vấn đề, xét lại tất cả giá trị cũ và mới. Cái học mới cần phải « mở rộng ra », ít nhất nó cũng phải chú trọng đến vấn đề hiện kim hơn là tư tưởng cổ.

4) *Đọc Triết - phẩm.* — Nguyên tác này không có gì mới. Trong chương trình hiện hành của Việt Nam và của Pháp, đều có ghi một số tác phẩm để học sinh đọc. Nhưng vì chương trình học quá nặng, nên học sinh ít có thời giờ đọc. Nay ta rút nhẹ chương trình và đặt ra mỗi tuần một giờ « đọc sách có chỉ dẫn » (lecture dirigée) ở lớp Đệ Nhất: giáo sư sẽ nói qua ý chính của tác phẩm hay lập luận của triết gia, học trò về nhà đọc kỹ cả tác phẩm, đến lớp thuyết trình rồi cả lớp thảo luận. Đọc « loại sách tư tưởng » không phải như đọc tiểu thuyết hay đọc thơ, đọc kịch. Đọc phải có phương pháp, phải có thầy chỉ bảo và phải biết lồng tác-phẩm vào một hệ thống Triết.

Một sự thật hơi buồn: học sinh nước mình, trong 15 năm gần đây, rất ít đọc sách, hay đọc không có phương

pháp, không có ai kiểm soát. Họ chỉ thuộc những bài *toát yếu* về vài cuốn sách mà chính họ *chưa đọc*. Một thi phẩm như *Đoạn trường Tân thanh*, một tiểu thuyết như E. Grandet của H. de Balzac là tất cả một hệ thống, một vũ trụ (un univers) trong đó mỗi đoạn, mỗi chi tiết, mỗi nhân vật đều liên lạc mật thiết với nhau. Trích ra vài đoạn hay tóm lại là phần nghệ thuật như phá một pho tượng hay xé nát một bức tranh cổ. Hơn nữa, đọc văn phẩm lợi hơn là học nhiều bài học «Triết». Đọc đoạn văn tả mỗi tương tư của Kim-Trọng lợi hơn là nghe mấy giờ phân tích tâm lý ái tình. Triết gia Alain được thiên hạ coi là một người biết nghệ thuật đọc sách, đã thú nhận rằng ông tìm thấy nhiều sự thật sống động về con người ở trong tác phẩm của Homère, của Balzac hơn là ở trong sách Triết-học.

Sách Triết đã dịch ra Việt văn kể cũng tạm đủ dùng trong một năm. Le rire của Bergson, l'introduction à l'étude expérimentale de la médecine của C. Bernard, Discours sur la méthode của Descartes, Introduction à la philosophie của Jaspers. Nếu cho đọc thêm được (đối với học sinh khá về Pháp văn) những tác phẩm mới, như của Camus, Malraux hay St. Exupéry, Beauvoir thì càng hay, vì ở bậc Trung học, không nên phân biệt quá sớm giữa Triết và văn chương.

B. — Thủ phác họa vài nét về chương trình mới.

Muốn cải tổ một chương trình, phải điều tra về tình hình kinh tế xã hội trong

nước, phải làm trắc nghiệm về tâm lý học sinh. Bài báo này, thiếu hai căn bản nói trên, do đó tôi thú nhận không có giá trị khoa học. Vậy bài này chỉ nhằm mấy mục đích thiên cận : kêu gọi sự làm nhẹ chương trình «Triết» hiện hành; đặt mối liên quan giữa Triết và văn chương Việt Nam, giữa Triết và các môn học ở lớp dưới; linh động « lý trí » bằng cách hướng nó về thời sự, về thực tế.

Để cụ thể hóa một phần nào mấy nguyên tắc trên, tôi xin thử phác họa dưới đây mấy nét về chương trình mới.

Chương I. — Tư tưởng triết lý trong Đoạn-trường tân-thanh, trong thơ văn Nguyễn-Công-Trứ. Nhân đây nói sơ lược về vũ trụ quan, nhân sinh quan trong Phật giáo, Lão giáo, Nho giáo. Đọc « Cổ học tinh hoa ».

Chương II. — Phương pháp luận : Toán, Lý hóa, Vạn vật (Giá trị triết học của thuyết nguyên tử) Lịch sử. Đọc dịch phẩm như của Descartes, C. Bernard.

Chương III. — Khoa học nhân văn.

1) sơ lược về tâm lý học. Trắc nghiệm và sự chọn nghề. (Nếu là lớp nữ sinh, giảng qua về tâm lý nhi đồng)

2) sơ lược về thẩm mỹ học : sáng tác (création) thưởng thức (contemplation) Đọc dịch phẩm « Le rire » của Bergson.

3) sơ lược về tâm lý xã hội : bắt chước (imitation), thời trang; tâm lý quần chúng.

4) sơ lược về xã hội học : các chính thể của thế giới hiện đại (2) (ôn lại công dân giáo dục). Các tổ chức kinh tế của thế-giới hiện đại (ôn lại kinh tế học Đệ

Nhị). Trình bày và phê bình tư tưởng xã hội học của K. Marx. Đọc dịch phẩm « Contratsocial » (xã ước) của J. J. Rousseau.

Chương IV.— Những vấn đề do nền văn minh khoa học và kỹ thuật đặt ra: thanh niên và điện ảnh; học thuật và vô tuyến truyền thanh, báo chí và dư luận. Óc phê bình trước tuyên truyền ơng cáo thương mại và chính trị. Thân phận con người trước sự tiến bộ quá

mau của máy móc. Đọc: trang trích dịch của Valéry, Broglie, Camus, Duhamel...

(2) Tôi vừa được tin, năm tới, lớp Triết (Đệ Nhất) sẽ thi thêm môn Công dân giáo dục, chương trình của môn ấy sẽ ban hành. Theo ý tôi, Công Dân giáo dục đã nằm trong môn Triết rồi, sợ có sự trùng nhau; và chương trình hiện hành đã nặng lắm rồi, nếu thêm môn nữa, thì nặng quá xá. Dù sao, chúng ta hãy chờ và xem.

BÙI-HỮU-SÙNG

*Bạn là người Nam ? Bạn phải đọc.... Bạn là người Trung ?
Bạn cần đọc.... Bạn là người Bắc ? Bạn nên đọc....*

Hương rừng Cà-Mau

GIÁ 34\$

Sau TÌM HIỆU ĐẤT HẬU-GIANG, lần này SƠN-NAM gọi lại những vang bóng miền quê của tác giả qua cuốn CON BẦY ĐƯA ĐÒ giỏi tài hò hát; HÁT BỘI GIỮA RỪNG bên cạnh những khăn giã cạp, sấu; CÔ ÚT gà về tận xóm Cảnh-Đền; CUỘC BIÊN DẦU hằng năm ở miền núi sạ với cậu bé LEN TRÂU; nàng tiên nữ HOÀNG-MAI với mối tình khôn tả giữa HƯƠNG RỪNG U-MINH-HẠ.

Hình ảnh cuộc Tây-tiến oai hùng nhưng bình dị của dân tộc với những nhân vật yêu đời :

« Ra đi gặp vịt cũng lùa,

« Gặp duyên cũng kết, gặp chùa cũng tu ».

Nhà xuất-bản PHŨ-SA

Xin giao thiệp với Ông DƯƠNG-ĐẠI-TÂM

66, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : V.N. \$ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại - lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558-21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

- SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo
 - ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập
-

ĐAM-NHIỆM tất cả **NGHIỆP-VỤ** **NGÂN-HÀNG**

— **CÓ ĐẠI-DIỆN KHẮP HOÀN-CẦU** —

MARCEL,

Trần Hương-Từ

Hiện-sinh và Huyền-nhiệm

(xem từ B. K. số 129)



G. Marcel

B. Tha-nhân. Marcel được coi là một trong những người cha của thuyết nhân-vị. Truy-nhận và kính yêu tha-nhân là những tư-tưởng lớn của triết Marcel. Ngày nay, khi phân tích tư-tưởng nền tảng của Maurice NE-DONCELLE, một trong những triết-gia đại-diện cho nhóm Nhân-vị Công-giáo, chúng ta thấy nét chính của « sự tương-đồng giữa các tâm-thức » (*Réciprocité des consciences*) và « triết-lý của tình yêu và của nhân-vị » (*Vers une philosophie de l'amour et de la personne*) đã có một cách khá đậm đà trong những tác-phẩm của Marcel. Tư-tưởng của ông về mối giao tiếp giữa

người và người là một tư tưởng vừa thâm-thúy vừa xây dựng. Chúng ta thử tìm hiểu đôi chút qua hai ý-tưởng của ông về Gặp-gỡ và Yêu-mến.

a) *Gặp gỡ.*— Ngay từ cuốn Nhật-ký Siêu-hình-học, Marcel đã để lại những trang về ý-nghĩa sự Gặp gỡ. Gặp-gỡ là sự cảm thông giữa hai nhân-vị; cần ghi nhớ rằng đây là mối cảm thông hai chiều : cả hai người cùng coi nhau là nhân-vị. Khi tôi chưa truy nhận anh là anh (Tu), thì chưa thể có Gặp-gỡ. Marcel nhận định rằng : thường người ta nói chuyện và nghĩ mình đối-thoại với tha-nhân, trong khi thực sự người ta vẫn độc-thoại. Tại sao thế? Tuy nói năng với tha-nhân, mà tôi vẫn độc-thoại, vì tôi vẫn chỉ coi tha-nhân như *hắn* (Lui). Bao lâu tôi còn coi tha-nhân như một *hắn*, thì tuy tha-nhân đối-diện với tôi, nhưng thực sự tôi coi tha nhân như một đơn-vị người (un individu), không có anh ta thì đã có người khác : họ đều là những người như nhau cả. Trong viễn tượng đó, tôi có thể lấy một người máy để thay cho tha-nhân : câu truyện của tôi với tha nhân không mấy khi vượt quá mức câu truyện giữa tôi và một người máy, bởi vì tôi chỉ hỏi những câu truyện thường đàm như kiểu truyện về nắng mưa, mạnh yếu v. v... Bao lâu tôi chưa *thắc-mắc* về tha-nhân và chưa *đợi* ở tha nhân những

câu trả lời có tính cách quan trọng, thì tôi chưa coi tha nhân là *anh* (Tu), và mới chỉ coi là *hắn* mà thôi. Coi là *hắn*, tức coi tha nhân như một sự vật, hay ít ra cũng coi tha-nhân như một người vắng mặt, và như vậy làm sao có Gặp gỡ được? Theo Marcel, thì khi coi tha nhân là *hắn*, tôi có hỏi han tha-nhân đi nữa, thì cũng chỉ nhận được những câu trả lời khuôn-mẫu: tha-nhân nói lên câu trả lời cũng như nhân-viên của bàn giấy chỉ dẫn, và tôi nhận câu trả lời cũng như nhận một tờ giấy mẫu có in những lời chỉ dẫn. Hai người nói với nhau mà không chút chi thông cảm với nhau. Trái lại khi tôi coi tha-nhân là *anh*, thì tôi có những câu trả lời thông - cảm: tôi thận trọng và áy náy chờ đợi câu trả lời đó, và tha nhân cũng suy-nghĩ đắn đo trước khi trả lời; và khi câu trả lời đã nói ra, tha nhân còn thấy như hồn mình dính theo câu nói; phần tôi là người nhận câu trả lời, tôi thấy một chuyển-biến sâu xa trong người tôi, bởi vì câu trả lời kia đã trở thành một cái chi ở trong con người tôi. Muốn có những câu trả lời thông cảm đó, tất nhiên phải có *trung-chủ-tính* (intersubjectivité) giữa tha-nhân và tôi, hai chúng tôi cùng trọng kính nhau như những nhân-vị đầy đủ chủ-quyền và đầy đủ khôn ngoan: tôi chờ đợi câu trả lời của tha-nhân vì tôi coi câu nói đó là một ánh sáng cho đời tôi; còn tha-nhân cũng băn khoăn suy-nghĩ, vì biết rằng tôi trọng kính câu trả lời đó.

Marcel nói ngay cho biết: theo kinh-nghiệm của ông, mỗi tương - đồng này rất ít thấy trong xã-hội loài người. Người ta đưa ra những danh-từ rất kêu như « đồng-bào », « bình-đẳng », « đề cao

nhân-vị », nhưng sự thực thì mỗi người chỉ biết có mình thôi: chỉ có tôi là nhân-vị, chỉ mình tôi là chủ-thể. Vì thế khi người ta nói truyện và bàn tính công việc với nhau, người trên thường lấy giọng phán truyền và như vậy người dưới biết ngay có đưa ra những ý kiến hay, cũng không được chấp nhận: « Ông ta vờ bỏi chúng mình thể thôi, chứ đời nào ông nghe chúng mình ». Như vậy làm sao có Đối-thoại và Gặp gỡ được? Điều này đúng cho tất cả mọi giao tiếp giữa người và người, giao tiếp chính-trị, giao tiếp xã-hội và giao tiếp gia-đình. Trong tất cả mọi giao tiếp, Gặp gỡ là điều kiện để có nhân-đạo, và là điều-kiện để thêm phong-phú cho con người: với Đối-thoại và Gặp gỡ, con người sống trong xã hội nhân đạo cùng với những con người khác như mình; nếu không, con người sẽ sống như chỉ có mình mình trên mặt đất, bởi vì toàn thể tha-nhân đã bị liệt xuống hàng sự vật, hoặc những *hắn* vô bổ.

Xem như thế, Gặp gỡ là một thái-độ tinh-thần không phải một vị-trí vật-chất. Tôi ngồi trên một chiếc xe lô chạt chội, người nọ sát lưng kẻ đui người kia, vậy mà ai dám bảo rằng chúng tôi gặp gỡ nhau trên chuyến xe lô đó? Trái lại hai người yêu nhau, dầu ngàn dặm xa xôi, vẫn hiện diện với nhau, vẫn gặp nhau. Những người chen chúc nhau trên trên chiếc xe lô kia, không nghĩ đến nhau, không « lòng kẻ bên lòng nhau », cho nên dầu thể xác họ sát bên nhau, mà lòng họ đang hướng về những nẻo đâu xa. Trái lại, hai người tuy xa nhau ngàn trùng, vẫn có thể đem ngày chỉ nghĩ đến nhau: như vậy, họ

hiện-diện thường xuyên với nhau; với những bức thư, với những tin nhắn người đi lại, mỗi tình bị không gian chia rẽ đó, chẳng những không nhạt đi, mà thường khi còn tăng gia gấp bội. Cho hay, mọi sự tại thái-độ của ta: tha-nhân ở ngay trước mắt ta, mà có thể ta không gặp. Cứ theo nghĩa mà Marcel đã gán cho chữ Gặp gỡ trên đây, hỏi tôi đã gặp gỡ được mấy người trong số hàng trăm người tôi chạm trán hằng ngày ở nhà, ở ngoài đường, ở nơi làm việc? Hơn nữa, trong những cuộc nghị-đàm, được mấy lần người ta gặp gỡ nhau thực sự?

Tất cả các giao tiếp không xây trên Đối-thoại và Gặp gỡ đều là những giao tiếp thiếu nhân-vị, thiếu nhân-đạo, vì chưa coi tha-nhân là người như mình. Nhất là khi người ta lấy những chữ thật đẹp để che đậy cách xử-sự độc-thoại và độc-đoán của mình, thì lại càng mỉa mai biết mấy?

b) Yêu-mến. — Gặp gỡ đã là gặp nhau rồi. Nói « nhau, với nhau » là nói xử nhân một cách đúng nhân-đạo: « Nhân giả nhân dã » (*Trung Dung*). Tuy nhiên đó mới chỉ là điều kiện sơ đẳng của mỗi giao tiếp giữa người và người. Tiến lên bậc cao hơn, Marcel trở cho ta thấy tình yêu, và điều kiện là *cần-khẩn*. Trong sự Gặp gỡ, tôi mới chỉ chờ đợi câu trả lời của tha-nhân mà thôi. Chờ đợi cũng đã là đề cao tha-nhân lắm rồi, vì khi chờ đợi, tôi truy-nhận quyền của tha-nhân muốn trả lời thế nào mặc ý, muốn trả lời hay không tùy lòng. Nhưng với « cần khẩn », tôi không những chờ đợi, mà tôi còn nói lên sự tùy-thuộc của tôi vào tha-nhân: đôi mắt van nài của tôi, thái độ cầu

xin của tôi làm tha-nhân sống những giờ phút xao xuyến nhất. Tha-nhân xao xuyến, vì biết sự quyết định và câu trả lời của tha-nhân vô cùng quan-trọng đối với tôi. Tất nhiên tất cả mọi giao tiếp nhân-vị đều có tính-chất đồng-tình, với nhau. Tôi cầu khẩn tha-nhân, thì tha-nhân cũng cầu khẩn tôi. « Trước hết cần phải nhớ rằng cần phải có sự *cầu khẩn lẫn nhau* (invocation mutuelle) (TROISFONTAINES, Op. cit. t. II, p. 29). Thành thử những người quá tự tôn tự đại, cho mình tự đủ cho mình, thì không bao giờ biết đến sức thần-diệu của cầu khẩn (Ibid. p. 30): những người này không bao giờ có tiến triển vì họ không bao giờ đối-thoại; mà đã không đối-thoại, thì làm sao mà thay đổi ý kiến được?

Mỗi người chúng ta là một độc đáo. Nói thế cũng như nói rằng tôi không phải là anh, và tôi thiếu những cái mà tôi yêu mến nơi anh: tình yêu bao giờ cũng có tính cách bổ khuyết. Hai người yêu nhau, càng cảm thấy những đức tính cao quý của nhau, càng nhận ra những cái mình không có và người yêu có thừa, thì khi đó *cần-khẩn* càng trở nên nhịp thở của sinh-hoạt tình yêu, và sự cầu khẩn đó càng trở nên *tương-đồng*. Nhờ cầu khẩn, và nhờ tin-tưởng lẫn nhau, những người yêu nhau tự cảm thấy mình phong-phú và tiến triển mỗi ngày mỗi thêm. Trong viễn tượng đó, tình yêu là hình-thức tinh-thần cao quý nhất. Điều này đã dẫn đưa Marcel tới đạo Công-giáo là đạo chủ-trương rằng « Thiên Chúa là Tình Yêu » và tất cả các giới-điều chỉ quy về hai luật căn-bản: mến Chúa và yêu người. Năm 1919, nghĩa là mười năm trước

khi nhập đạo Công-giáo, Marcel đã viết mấy dòng sâu xa không thể không ghi lại đây: « Chỉ có tình yêu khi, có sự phục-hưng tuyệt-đối, có thể gọi là một đời sống mới hẳn. Tình yêu là cuộc sống đổi trọng-tâm. Tình yêu không vươn tới một *hần*, điều đó đã rõ; nhưng tình yêu có đạt được hữu-thể của người yêu không? Đó là vấn đề siêu-hình-học rất gay go. Vấn-đề đó có thể chia làm hai như sau: 1) Tình yêu vươn tới hữu-thể và không vươn tới ý-niệm tôi có về hữu-thể chăng? 2) Tình yêu có thể vươn tới người yêu mà không biến-đổi hữu-thể của người yêu chăng? Ta có thể trả lời gầy gọn cho câu hỏi trên (ta yêu một người, một hữu-thể, không yêu một ý-niệm); câu hỏi sau khó trả lời hơn: người ta thường nghĩ rằng tình yêu của tôi không đạt được người yêu và không có khả-năng biến-đổi người yêu, nhưng tôi nghĩ đó là khi nói về tình yêu thiếu *tin-tưởng*. Khi tôi yêu-theo dực tình, thì tình yêu đó là yêu Chiếm-hữu: khi đó tôi biến người yêu thành một sự vật rồi. Cho nên tôi nghĩ rằng chỉ có tình yêu chân-chính, tình yêu hoàn toàn không vụ lợi, mới đạt được người yêu và không biến người yêu thành một *hần*. Một tình yêu như thế hẳn là có khả-năng biến đổi người yêu: đó chính là công dụng của cái đức người quân-tử và sự thánh-thiện của thánh-nhân (*fonction de la sainteté*). » (*Journal Métaph.* p. 217-218).

Hiện-sinh là Hiện-hữu Marcel chủ-trương như thế. Và ta thấy Hiện-hữu đã dắt con người lên con đường Tự do chân-chính và đích-thực; Hiện-hữu lại dẫn con người đến chỗ Gặp nhau trong

niềm tin-tưởng và kính-yêu nhân-vị nhau; cuối cùng Hiện-hữu đã giúp con người khám phá ra bản-tính đích-thực của tình yêu. Nhưng, ở chặng đường Tự-do, chúng ta đã gặp thấy Thượng-đế vì Tự-do là cộng-tác với Ý Trời để thể hiện con người tới mức toàn thiện toàn mỹ; và chúng ta cũng gặp Thượng-đế trong huyền-nhiệm của tình yêu: cái chết của người yêu ném ta vào trong lòng Hư-vô hay ném ta vào trong lòng của Trung-tín? Thượng-đế là niềm Trung-tín cao cả đó.

C. — Thượng-đế.

Một tác-giả nghiên cứu lâu năm nhất về Marcel đã viết: « Tất cả các tác-phẩm của Marcel cũng như chính đời sống của triết-nhân, tựu trung chỉ là một cuộc lần lần khám phá ra Thượng-đế ». (TROIS-FONTAINES, t. II; p. 207). Tôi nghĩ lời này không có chi quá đáng: mỗi tư-tưởng của Marcel giống như một mũi tên bắn về phía Hữu-thể; ông luôn luôn tránh sở-hữu, tránh phù-phiếm, tránh sa lầy. Một tư-tưởng như thế không thể không đạt tới Củng-đích là Thượng-đế: cho nên không những Marcel đã gia-nhập Công-giáo, mà các tác-phẩm của ông viết trước khi tòng giáo vẫn không cần phải cải-chính. Marcel tòng giáo khi đã 40 tuổi, tiếng tăm đã lừng lẫy khắp năm châu, và sự nghiệp của ông đã vững vàng đến cực độ rồi.

Chúng tôi cần nói thế để tránh những hiểu lầm đối với ông: người ta có thể ngờ vực Marcel đã bênh vực tôn giáo, và riêng Công-giáo. Thực ra ông đã suy-tưởng và nghiệm xét một cách độc lập, và do con đường ông đi, ông đã gặp

Thượng-đế và Công-giáo. Theo Ricoeur, thì Marcel đã gặp Thượng-đế ở hai lãnh vực căn bản của triết-học ông : Huyền-nhiệm của Hữu-thể và Huyền-nhiệm của Tình yêu.

u) *Huyền-nhiệm Hữu-thể*. (Mystère de l'être). «Mấy hôm nay, tôi đột nhiên tìm thấy kiểu nói «Huyền-nhiệm Hữu-thể» để thay cho kiểu nói «Vấn-đề Hữu-thể». Nhận-định như thế, tôi thấy như đón nhận được một luồng ánh sáng mới.» (*Être et Avoir*, p.145). Sao lại Huyền-nhiệm mà không phải Vấn-đề Hữu-thể? Đó là tất cả hướng đi của triết-học Marcel : vấn đề nhằm những sự vật mà chúng ta có thể xác-định và bao quát hoàn toàn; Huyền-nhiệm là thực tại mà chúng ta không thể bao quát và lãnh hội được. Vì chúng ta không thể bao-quát Hữu-thể, cho nên Hữu-thể bao trùm lấy ta : ta sống trong Hữu-thể, như thành phần của Hữu-thể; ta thông phần vào Hữu-thể. Nhiều lần Marcel đã gọi triết-học của ông là «triết-học mở rộng để đón chào Tiếng Nói của Siêu Việt.» (*Être et Avoir*, p 174).

Thế-giới của sự vật là thế giới chết, thế giới của những sở-hữu; trái lại Hữu-thể không phải là vật thể, cho nên không cứng đống như sự vật. Bản tính của sự vật là đóng kín, nghĩa là mỗi sự vật chỉ là mình nó mà thôi, hòn đá không thể là cây cau; trái lại bản tính của hữu-thể là mở rộng, cho nên hữu-thể có thể thông-cảm và thông-hiệp với nhau, tôi có thể vui cái vui của anh và buồn cái buồn của anh, tôi cùng với anh chúng ta có thể chia xẻ cùng một chí-nguyện, cùng một lo nghĩ. Tuy nhiên hữu-thể của con người là một hữu-thể hữu hạn : hữu-thể hữu-hạn

đó luôn luôn mở rộng đón chào một Hữu-thể vô-hạn; nhưng không bao giờ chúng ta thấu nhận được Hữu-thể vô hạn đó, ta chỉ có thể mở vào Huyền-nhiệm của Hữu-thể đó mà thôi.

Đối với sự vật chúng ta có thái-độ thống-trị, vì chúng ta bao quát được chúng và chiếm-hữu được chúng : chúng nằm gọn trong những kiến-thức của ta như những sở-hữu của ta. Trái lại, trước Huyền-nhiệm của Hữu-thể, chúng ta kính sợ và tôn trọng. Kinh-nghiệm thường ngày cho thấy : khi chúng ta đến một nơi xa lạ, ngủ trong căn phòng lạ, chúng ta cảm thấy giòn giợn. Chúng ta cảm thấy thế, vì chúng ta không thấu triệt được bộ mặt của nơi đó, của căn phòng đó. Nhưng cảm giác giòn giợn kia chỉ là một hình ảnh mờ nhạt của niềm tôn kính mà triết gia cảm thấy trước Huyền-nhiệm của Hữu-thể : sự tôn kính này gần giống như một niềm tin tôn-giáo, và riêng đối với Marcel, sự tôn kính này đã dẫn tới tình-ảm tôn-giáo (sentiment religieux) và đức tin Công giáo.

Ricoeur cho rằng, mặc dầu triết Marcel khác xa triết thánh Thomas, nhưng triết Marcel cũng xây trên Hữu-thể như triết thánh Thomas. Chúng ta cũng nên chú ý điều này : Marcel là triết-gia hiện-sinh duy-nhất đề cao Hữu-thể và đã đồng-hóa phần nào Hiện-sinh với Hữu-thể. Đó là điểm mà các học-giả đều lưu ý ta, và riêng tác-giả Troisfontaines đã nhân đây để đặt tên cho bộ sách của ông nghiên-cứu về Gabriel Marcel : bộ sách đó có tên là « *De l'existence à l'être, la philosophie de Gabriel Marcel* » (Tự Hiện-sinh đến Hữu-thể, triết-học của G. Marcel). Cũng vì

thế, ta thấy Marcel chối không nhận danh-từ Triết Hiện-sinh và ông nhất định tự xưng là *Tân-phái Socrate* (Socrate là người cha sinh ra triết-học về *Hữu-thể* của Platon và Aristote).

b) *Huyền-nhiệm Tinh yêu*. — Marcel khước từ chữ Tôi; ông chỉ công nhận chữ *Chúng ta* mà thôi. Theo ông, con người không bao giờ sinh-hoạt một mình: thành thử những nguyên-tắc của Descartes dựa trên « Tôi suy-tưởng » thấy đều giả-tạo. Hơn nữa, suy-tưởng không phải là dữ-kiện nguyên-thủy. Sự kiện nguyên-thủy là Tinh Yêu. Về điểm này, Marcel đã viết câu ý nghĩa sau đây: « Tinh Yêu xét như một thực tại đối lập với nhục-dục, và xét như niềm phối-hiệp ta với một thực-tại siêu-việt hơn ta: tinh yêu đó thực là cái chi sâu xa nhất trong con người, và còn là phần tinh hoa nhất của con người; nó liên kết ta với tha-nhân: chính Tinh Yêu chân-chính đó được tôi coi là sự kiện hữu-thể-học căn-bản và nền tảng. Khoa Siêu-hình-học chỉ thoát ra khỏi ngõ bí, khi nào chúng ta truy-nhận thể ưu-tiên đó của Tinh Yêu. » (*Être et Avoir*, p. 244). Một câu như thế thôi, cũng đủ biểu lộ giá trị cao quý của triết Marcel: những ai quen với triết-học-sử, đều dễ nhận thấy vẻ mỉa mai và chua xót của câu nói trên đây. Nó cho thấy rằng khoa Siêu hình học cổ truyền đã lâm vào chỗ bí, bởi vì đã quá đề cao những sự vật có định-nghĩa chắc chắn, thành thử tuy nói Hữu-thể-học mà thực ra người ta chỉ bàn đến những sự vật (*res*) mà thôi. Người ta vẫn dạy « Không thể định-nghĩa hữu-thể vì hữu thể vượt quá mọi phạm trù », nhưng rồi người ta vẫn ngấm ngấm và thân nhiên đưa ra những ý-niệm chặt chẽ

như những định-nghĩa vậy. Đối với Marcel, sự-kiện ưu-tiên của Hữu-thể-học là gì? Nhất định không phải là những quan-niệm rõ ràng và chắc chắn (ta chỉ có quan-niệm rõ ràng và chắc chắn về những sự vật); sự kiện nguyên thủy và cao quý nhất của Hữu-thể-học là Tinh-Yêu, tức là *sinh hoạt tương-đồng* giữa những hữu-thể đích thực (giữa người và người, giữa con người và Thượng-đế).

Đi vào hướng Tinh Yêu, chúng ta chắc chắn sẽ gặp con người đích thực, ta sẽ cư xử với tha-nhân một cách nhân đạo, đúng với ý-nghĩa của tương-chủ-tinh. Và nếu cứ hướng Tinh yêu mà tiến lên, chúng ta sẽ gặp Thượng-đế vì Ngài là Tinh Yêu vĩnh-cửu và thuần-túy. Tinh Yêu là quy-chế xã-hội con người: mỗi người phải lấy tinh yêu đích-thực để cư xử với tha-nhân, cũng như Thượng-đế là Cha chúng ta âu-yếm chúng ta. Xã-hội thiếu tinh yêu là một xã-hội vô nhân-đạo: xã-hội thiếu tinh yêu tất xây trên bạo tàn, hoặc xây trên sợ hãi, hoặc xây trên nghi ngờ. Chẳng hạn nhân loại ngày nay, như lời thủ-tướng Anh Mac Millan mới tuyên-bố tháng trước đây sau bốn ngày hội-kiến với Tổng-thống Kennedy về tình-hình quốc-tế, « nhân loại ngày nay sống trên nghi ngờ, bình an của thế giới xây trên sợ hãi ». Một bình an xây trên sợ hãi nhất định không bền. Tâm-lý-học dạy: « Sợ-hãi là cố-vấn xấu » (*la peur est mauvaise conseillère*). Vì sợ đối-phương thắng ta, ta có thể làm liều đánh trước, và như vậy chiến tranh nguyên-tử vẫn có thể xảy ra. Dầu sao, khi con người lấy kinh sợ làm nền tảng những bang giao xã-hội và quốc-tế, thì con người

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

đã mất bản-tính lương-thiện của mình rồi.

Nhân loại ngày nay tiến rất xa về kỹ thuật và khoa-học, nhưng hình như đã lùi khá xa về đạo-đức. Khoa-học không giải-thoát được con người, trái lại nó nô-lệ-hóa con người: văn-minh kỹ-thuật là một bằng chứng, và khí-giói nguyên-tử là một bằng chứng nữa. Vậy chỉ còn trông vào những nền triết-học nhân đạo và những « phong trào chấn-hưng đạo-

đức » (như chúng ta vừa có dịp đón chào một cách hào hứng ở Saigon tuần qua). Nếu người ta ngẫm nghĩ những điều Marcel bàn về Tình Yêu và nói chung là những điều ông bàn về nhân-vị con người, chắc người ta học được những điều bổ ích cho sự phục-hưng một nền đạo-đức nhân-vị đích-thực.

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

Kỳ-sau : *Sartre và Hiện-sinh Hu-vô.*

ĐÍNH CHÁNH

Trong bài « *Trí thức và văn nghệ sĩ miền Bắc Việt-Nam....* » của Như-Phong đăng trên Bách-Khoa số 130, có những chỗ sai lầm về số năm như sau đây :

— Trang 21, cột 2, dòng 23 : 12-1957 xin sửa là 12-1956.

— Trang 22 : 4 số năm 1958 (tháng 1-1958... 20 tháng 2-1958... 24 tháng 2-1958... tuần lễ từ 1 đến 7 tháng 3-1958) trong 2 cột và phần ghi chú, xin sửa lại là : 1957.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng bạn đọc và mong quý bạn sửa lại giúp cho

B. K.

NHẬT BÁO

NGÔN LUẬN

TỜ BÁO ĐẦY ĐỦ NHẬT

THỎA MÃN ĐƯỢC
CỦA
TRONG

MỌI

NHU CẦU
NGƯỜI
GIA ĐÌNH

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẮT-ĐẠM

135. *Đại-lộ* NGUYỄN-HUỆ
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B.P. 122

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

Kinh nghiệm đời văn

(*call it experience*)

ERSKINE CALDWELL

(xem từ B.K. số 129)

PHONG-GIAO dịch

PHẦN IV

Ngày từ đầu mùa Hè năm 1919, tôi đã tìm cách đi theo một ông bác sĩ, suốt ngày lái xe đi khắp vùng thôn dã để thăm mạch cho thân chủ sống rải rác hàng dặm dài theo ven bể hoặc trên các sườn đồi, trong khắp các quận Jefferson, Burke, và Glascock. Tôi không được trả tiền công lái xe cùng là sửa chữa một vài hư hỏng vặt vãnh, nhưng tôi cũng không màng đòi hỏi. Điều cần đối với tôi là được quan sát lối sống của người dân vùng quê và tôi rất sung sướng đã gặp được dịp may này. Đôi khi ông bác sĩ buộc phải đi thăm bệnh suốt đêm và những lúc đó ông thường ngủ mê mệt trong khi tôi lái xe đưa ông đi từ nhà này sang nhà khác, hoặc là dừng lại dọc đường để vá một lỗ ruột xe bị thủng. Ông ta không phân biệt hạng thân chủ có thể trả được tiền công cho ông và hạng không có xu nào mà trả, và thường khi ông còn thường lo giúp họ thuốc men. Đôi khi, gặp một cảnh nhà nào vô cùng khốn quẫn, tôi

còn thấy ông ta cố ý để lại một, hai đồng bạc trên mặt bàn hay mặt ghế.

Sau đó, tôi còn có dịp được đi khắp xứ với một kiểm tra viên thuế-vụ, là một người đã dung hòa một cách thật khéo léo để ngoài nhiệm-vụ chính ông còn có dịp thuận tiện tuyên truyền cho cuộc bầu cử. Hồi đó tôi có thể đoán biết một cách chắc chắn rằng chúng tôi sẽ được hoặc sẽ không được mời vào dùng bữa trưa với người trại chủ. Khi người đó thấy rằng thuế đánh không cao quá và nếu như ông ta không phàn nàn về số tiền thuế phải trả thì thế nào ông cũng cố vồn vã mời cho bằng được chúng tôi ở lại ăn trưa. Trái lại, trong khi viên chức thu thuế lâu bầu sỉ và tính keo cú của một người nào đó trong cõi đời này, thì tôi lái xe tới một quán ăn nào gần nhất và bữa trưa đó chắc chắn là chúng tôi chỉ ăn có bánh khô kẹp phô mát.

Cũng trong mùa Hè này, nhiều lần Cha tôi dẫn tôi tới thăm những con chiên của người. Nhưng không phải

người chỉ tới thăm những gia đình ngoan đạo, nhiều khi người còn thường ghé thăm nhà một người không-đi-lễ-nhà-thờ-bao-giờ. (1)

Ngoại trừ một thiếu số hiếm hoi, cảnh cơ cực đã đè nén nặng nề trên khắp xứ trồng bông này. Nhiều năm về trước các cồn cát có lẫn đất sét này còn là nơi trồng thuốc lá khá phì nhiêu, và giờ đây, trên các sườn đồi lân cận người ta còn trông thấy một vài con đường chỗ thuốc bỏ hoang — những con đường rộng và phẳng, dấu vết của những thùng lớn đựng đầy lá thuốc đã sấy, được lăn từ các trại xuống bờ sông Savannah. Từ hồi đó, phần lớn các địa chủ đều tới hưởng cuộc sống tương đối đầy đủ tiện nghi ở các thành phố lân cận như Waynesboro, Louisville, và Wrens; để lại chốn quê mùa này cảnh cùng khổ toàn diện, có khác chăng chỉ là mức độ khổ nhiều hay khổ ít mà thôi.

Một đôi khi, cảnh nghèo nàn khốn cực tới mức khiến cho Cha tôi không thể nén được những lời thương xót. Cha tôi thường dừng xe bên lề đường lan đầy cỏ dại, quay lại ngắm nhìn căn nhà điều tàn chỉ có một hay hai gian mà chúng tôi vừa ghé thăm, tận phía cuối cánh đồng bông. Hầu hết những căn lều có mái tranh dột nát ấy đều chỉ có những cái chõng và ổ rơm trải ngay dưới nền đất, một cái bếp lò và vài ba cái ghế dựa làm bằng tre thẳng cứng. Và cha tôi thường buồn rầu nói :

— « Cái anh chàng khốn khổ ở đó rồi suốt đời sẽ chẳng bao giờ có đủ may

mắn để mà thoát ra khỏi cái vết xe lầy ấy đâu. Anh ta bị mắc kẹt ở đấy giống như một con cóc ở trong hang. Thật là đại bất-hạnh khi con người phải cam chịu kiếp sống đó. Và rồi tất cả những con cái của anh ta. Không biết rồi khi lớn lên chúng sẽ ra sao ? Chẳng lẽ lại cũng cam chịu cảnh con cóc bị nhốt trong hang ư ?

Không có lời giải đáp cho câu hỏi đó, bởi vì cả hai cha con chúng tôi đều không biết trả lời ra sao. Nhưng lại một lát như vậy rồi chúng tôi sẽ nín lặng lái xe đi tiếp con đường bụi bặm và đầy những cống rãnh, trong bầu không khí oi bức của chiều hè, để tới thăm một gia đình tá điền nghèo khổ khác.

Gia đình chúng tôi chưa thể kể là giàu có, cũng chưa đáng coi là khá giả nhưng đối với phần đông những người tá điền mà tôi đã gặp, thì mực sống của họ thật quá ư là thấp kém. Tiền lương mực-sư của cha tôi được trả 400 Mỹ-kim một năm khi người mới bắt đầu được tấn phong, và ngay cả khi cần cù dạy học để kiếm thêm, người cũng chưa bao giờ kiếm nổi số lợi tức 2000 Mỹ-kim trong một năm. Tuy nhiên, có một tục lệ rất xưa nhằm giúp cho gia đình mực-sư một sự trợ cấp đều đặn, dưới hình thức các tặng phẩm là hoa màu của nông trại.

Sự trợ-cấp đó gọi là «pounding», do những giáo dân khá giả nhất trong xứ mang tới cho chúng tôi một hay nhiều cân thịt, bột, đường, và nhiều thực phẩm khác, nhiều lần trong một năm. Tuy không thường được ăn những món mà tôi ưa thích, nhưng gia đình tôi chưa bao giờ

(1) non-churchgoer.

phải ăn đói cả. Trong khi đó, xung quanh chúng tôi, chắc chắn đã có nhiều người phải nhịn đói trong nhiều năm liên tiếp. Tôi còn nhớ rõ ràng là không có một chuyến đi nào mà cha tôi không cố mang theo ít nhiều lương thực. Việc đó đối với người đã trở thành thói quen, nên ngay cả những khi mẹ tôi cho biết là số thực phẩm chỉ còn vừa đủ cho ba người trong nhà, cha tôi vẫn cứ chất lên xe một túi khoai hoặc bột, và một túi hạt đậu-mắt-đen, mặc dầu lúc đó người chưa quyết định chương trình sẽ đi thăm những ai. Phía mẹ tôi, người thường nhét thêm vào đó một túi bánh kẹo nhỏ để phân phát cho mấy người già và bọn trẻ con.

**

PHẦN V

Tháng chín năm đó, còn 3 tháng nữa sẽ tới sinh-nhật thứ 19 của tôi, tôi trở lại cuộc đời sách vở. Tôi hăm hực tiến nước không được viết những bài báo xứng đáng đăng trên các nhật báo ở Macon và Augusta, nhưng tôi cũng bắt đầu nhận thức được tầm hẹp hòi của những chân trời có giới hạn ở miền Tây xứ Georgia, và tôi ước muốn được hiểu biết nhiều hơn về những xứ sở xa lạ.

Đường chở thuốc : *tobacco road*, sau này được chọn làm bối-cảnh và là nhan-đề cho tập truyện dài đầu tay của E. Caldwell. Truyện thuật lại cảnh khốn cùng của những người sống lay lắt bên những con đường chở thuốc bỏ hoang. Viết *Tobacco Road*, Caldwell đã khơi lại trong tiềm thức những ấn-tượng bắt nguồn từ mớ ký-niệm thuật trong chương sách này.

Lời chú của người dịch.

Tôi chỉ theo học có hai năm ở trường trung-học tỉnh Wrens, và như vậy chưa đủ để lãnh văn bằng Trung-học. Trước đó nữa, tôi cũng chỉ được theo học có hai năm tiểu-học ở Tennessee và chưa đủ một niên học tại một trường tư ở Fairfield tỉnh Rockbridge, tiểu bang Virginia.

Tôi vào học năm thứ nhất (1) đại-học-đường Erskine ở Due West, Nam Carolina, là một trường do Giáo-hội Cơ-đốc Phục-lâm quản-trị. Thân-phụ tôi đã tốt nghiệp ở đó, cả văn-bằng Đại-học lẫn văn-bằng Giáo-lý, và vì số phí ở đây rất nhẹ nên người tin là sẽ có thể vay mượn đủ tiền để chu-cấp cho tôi. Đây là lần đầu tiên tôi được sống xa nhà. Độ sống tương đối tự-do trong trường khiến tôi thích thú, song tôi không khỏi tránh được nỗi bực rọc khi phải bỏ qua quá nhiều thời giờ vào một công việc đơn thuần là mở mang học vấn trong cái phạm vi chật hẹp của những bức tường. Sau một vài tuần lo âu bực rọc, tới ngày nghỉ, tôi bắt đầu tìm cách đi chơi xa, trong bất cứ dịp nào mà tôi có thể đi được. Tôi nghĩ ra phương cách đỡ tốn kém nhất để đi từ Due West tới nhiều nơi khác là leo lên một toa xe lửa chở hàng, vào chiều thứ sáu hoặc thứ bảy, để đi tới bất cứ một ga nào khi tàu dừng lại lúc rạng đông. Tôi thường đi như thế tới Greenville, Spartanburg, Anderson, Greenwood, hoặc Columbia; và quay trở về Due West trên một chuyến tàu chở hàng đêm chủ nhật hoặc sáng sớm thứ hai.

Là một « mặt mới » (2) tôi phải tuân theo một vài quy-tắc và bổn-phận, do các

(1) *freshman-class*(2) *freshman*

sinh-viên cũ đặt ra. Có ba việc đã để lại trong trí nhớ của tôi một ấn-tượng khó phai lạt được: Họ buộc tôi phải tổ-chức đội túc-cầu gồm những cầu-thủ mặt mới, nếu không tôi sẽ ốm đòn; tôi còn phải lên lấy dưới phòng ăn mỗi ngày ba bữa ăn đầy đủ cho những tay cò bạc — bọn này đánh phé không ngừng kể từ ngày khai giảng cho tới kỳ nghỉ lễ Giáng-sinh, và tiếp tục từ sau ngày nghỉ Tết cho đến hết niên học. Sau chót, tôi phải tìm cho ra một thiếu-nữ có tư-cách và lịch-thiệp, tuổi chừng 17 đến 20, để dẫn tới sân vận động mà giới-thiệu tận mắt mỗi người quân-quân thể-thao.

Tôi thích chơi túc cầu, tôi không ngại việc lấy trộm thức ăn về nuôi bọn cò bạc, và bởi vì họ đã dặn dò tôi thật kỹ càng là mỗi lần tôi phải mời cho được một cô gái nên chỉ trong một năm mà tôi đã quen biết khá nhiều các cô thiếu nữ người Nam Carolina. Nhưng khi đã làm tròn được cả ba bốn phận khẩn thiết đó, tôi chẳng còn thời giờ đâu mà học hành chi cả. Tôi cuối niên học số điểm trung bình của tôi thấp kém tới mức chính tôi cũng phải ngạc nhiên. Các vị có thẩm quyền trong ban giám đốc trường cho biết là tôi chỉ có thể được thâu nhận vào học năm thứ hai (1) nếu như tôi chịu tuân theo một cách cẩn trọng một vài nguyên-tắc giáo-dục thuộc về kinh-viện triết-học.

Khi trường học đóng cửa nhằm ngày 1 tháng 6, tôi đi tới Calhoun, tiểu bang Georgia, là một thị trấn nằm giữa giãy núi đá xanh vùng Piedmont, cách Chattanooga, tiểu bang Tennessee, chừng 50 dặm. Tại đó, tôi xin được chân phụ việc

cho một thợ nề chuyên xây bằng đá. Tất cả chỉ có hai chúng tôi thực hiện một công tác nặng nề là xây cất một ngôi giáo đường bằng đá tảng, và chỉ trong một thời gian rất ngắn tôi đã nhận ra đó là công việc nặng nề nhất mà chưa bao giờ tôi phải làm. Nhưng tới cuối mùa hè, khi những bức tường đá tảng đã xây cao lên tới mức đặt nóc, tôi thật sung sức để chơi túc cầu, và khi trở về Viện Đại Học Erskine, tôi đã thành lập xong đội banh của trường, ngay trong tuần lễ tập luyện đầu tiên.

Vào tháng Mười Một, khi mùa banh chấm dứt, thân thể tôi không còn được hoạt động hăng hái theo thói quen đã nhuốm từ suốt mùa hè qua tới mùa thu, tôi cảm thấy trong người bần thần khó chịu. Qua mùa nghỉ lễ Giáng Sinh và sau khi đã trở lại trường học được ít lâu, tôi quyết định xông ra ngoài đời. Lần này, tôi chọn miền New Orleans vì hai lẽ: trước hết vì tôi chưa được biết vùng này và sau nữa số tiền đã dành dụm được đủ cho phép tôi làm một chuyến đi xa.

Sau khi đã thất lạng buộc bụng trong gần hai tuần lễ, và phải xuống một chiếc tàu chở hàng ở vịnh Mễ-Tây-Cơ (2) để làm bồi tàu, tôi đi tới Bogalusa, tiểu bang Louisiana, với mục đích tìm một chỗ làm. Bogalusa nằm bên bờ sông Pearl cách New Orleans độ 75 dặm về phía Bắc, là một thị trấn có nhiều nhà máy cưa lớn. Bogalusa cũng còn là một nơi thường có nhiều biến động trong đám

(1) sophomore.

(2) Gulf of Mexico.

thợ thuyền, và ngay tại nhà ga có dán một tấm thông cáo lớn cảnh cáo những cán bộ *cộng sản quốc tế* (1) hoặc thuộc bất cứ tổ chức xui dục thợ thuyền nào khác hãy đi ngay nơi khác mà quay trở về nếu không sẽ bị bắt giam ngay tức khắc.

Lời thông-cáo đó đối với tôi thật không có gì đáng để ý, và tôi chắc chắn sẽ kiếm được việc làm tại Bogalusa. Tôi đã tới công trại cura, nơi thu dụng nhân-công, chiều chực từ 6 giờ mỗi buổi sáng trong suốt một tuần lễ. Kết-quả chỉ là tôi gầy gò trông thấy. Cuối mùa túc-cầu tôi cân nặng 177 pounds (2), giờ đây sụt xuống còn có 134 (2). Cho rằng người ta có thu nhận vào làm việc trong trại cura, chắc chắn tôi cũng chẳng đủ sức để mà cura cây cho trọn buổi được.

Tôi thật không hiểu tại sao — nhưng suy nghĩ lại, tôi cho là tại tôi đã không trả được tiền phòng cho tuần lễ vừa qua — nên tôi bị hai người cảnh-sát mặc thường-phục có nét mặt khó đảm dám tới điệu ra khỏi nhà trọ. Mấy phút sau, tôi đứng khai tên họ cùng là ngày sinh tháng đẻ với một người nào đó, ngồi ở phía sau một bàn giấy mà mặt bàn chằng chịt những vết khắc. Đoạn tôi bị đẩy vào phía trong một phòng giam có trần thật cao, tại nhà tù của thành phố. Mãi sau này, khi tôi có đầy đủ thời giờ để suy nghĩ về những việc đã xảy ra, tôi mới nhớ lại lúc hỏi cung, người sĩ-quan cảnh-bị ngồi ở bàn giấy đã lâu bầu một vài lời rằng Đảng Lao Động Quốc-tế thường kết-nạp đảng viên trong bọn thiếu-niên

nhỏ tuổi từ lúc bọn nhãi này còn quen mặc quần soọc.

Tôi được cho ăn mỗi ngày hai lần. Tên đưa cơm là một người da đen thật vạm vỡ, thường im lặng chuyển qua song sắt cho tôi một tô canh củ cải lẫn đậu còn sống nhân và lông bông những nước. Mỗi lần y tới gần, tôi đều gọi hắn và hỏi xem hắn có biết vì sao mà tôi lại bị nhốt ở đây không. Lần nào hắn cũng trả lời thật vội vã :

— « Thưa ông chủ, điều đó thì ông phải hỏi những người đồng màu da trắng với ông. Họ chẳng nói với tôi điều gì, và tôi có được biết cái cóc khô gì đâu. Nhưng tôi rất thông-cảm với cảnh khó của ông bởi vì tôi vẫn tin là rồi ra sẽ có ngày họ đem nhốt cả chính tôi ».

Thật là vô ích khi dụng công lôi kéo được sự chú ý của bất cứ người nào ở căn phòng phía trước nhà tù, để hỏi xem tại sao mình lại bị nhốt giam, và đến chừng nào thì sẽ được phóng-thích. Viên cai ngục thường có thói quen là đóng sầm cánh cửa sắt phòng-hỏa mỗi khi có phạm-nhân nào hỏi ông ta.

Sau ba ngày và ba đêm tôi bắt đầu lo sợ là sẽ chẳng bao giờ tôi thoát khỏi nơi này. Một thanh-niên cùng tuổi 20 bị nhốt ở phòng bên chuyển cho tôi một cái phong bì, một bạn tù khác cho tôi một mẩu giấy và cái bút chì. Và tôi viết cho cha tôi được biết nơi tôi bị giam, cùng

(1) I.W.W. tức là International Workers of the World, Đảng Lao động Quốc tế.

(2) Khoảng 88 ki-lô — Khoảng 60 ki-lô.

là kể lễ nổi niềm vui sướng nếu tôi được xin ra khỏi tù để trở về xum họp với gia đình. Trong túi tôi còn sót 5 xu đủ để mua tem, nhưng người ta khuyên tôi chớ nên đưa mấy đồng xu đó cho viên cai ngục nếu như tôi muốn lá thư đó được bỏ vào thùng thư bưu-điện. Người da đen đưa cơm lại không muốn dính líu đến bất cứ một việc lỗi thời nhỏ nhặt nào. Leo lên tới sát trần nhà, hai tay bấu víu lấy những thanh sắt chắn ngang khuôn cửa sổ nhỏ bé độc nhất, tôi kiên nhẫn trông chừng một người đi ngang qua phía dưới.

Phía dưới đó không phải là một đường phố mà chỉ là một thửa đất bỏ hoang, cỏ dại mọc đầy, và thật ít có hi-vọng sẽ có người đi qua. May thay, trước khi màn đêm buông xuống, tôi lại nhận ra bóng một chú bé da đen đang rón chơi ở phía cuối sân cỏ. Chú nhỏ này đáng chừng 8, 9 tuổi, tỏ vẻ nghi ngại tên phạm nhân đang gọi chú qua chắn song sắt nhà tù, và tôi phải khó nhọc lắm mới thuyết-phục được rằng chú ta sẽ không bị rắc rối điều gì nếu nghe kỹ lời căn dặn của tôi. Sau chót, chú bé nghiêm trang hứa với tôi là chú sẽ đi mua một con tem và gửi lá thư của tôi đi. Tôi quăng xuống đồng 5 xu, ân cần dặn là chú ta được hưởng chỗ còn thừa sau khi mua tem, và tôi còn liệng xuống tặng chú cái khóa giầy thất lưng mạ bạc có mang huy hiệu của nhà trường. Sau đó, chú bé chạy băng vào bóng tối. Đêm đó tôi thức trắng đêm, âm thầm cầu nguyện Thượng-Đế phù-hộ cho lá thư của tôi được bỏ vào thùng thư.

Bốn ngày sau đó, đúng lúc chiều tàn, một thanh-niên cao lớn tự giới-thiệu là

thư-ký Hiệp-hội thanh-niên Công giáo địa-phương, bước vào ngục thất của tôi cùng với viên cai ngục, bảo rằng tôi được phóng-thích ngay lúc ấy. Trong vài phút, chúng tôi đi xe tới trụ-sở của Hiệp-hội. Bữa ăn đã được dọn sẵn và viên thư-ký của Hội cũng đã kiểm sẵn cho tôi một ít quần áo. Sau khi tắm nước nóng, tôi mặc quần áo sạch sẽ và ngồi chén nhẩn mâm cơm, không để sót lại một miếng nhỏ nào.

Trong lúc tôi ăn, người thư-ký của Hội cho biết là sau khi nhận được thư, cha tôi đã gửi điện-phiếu cho tôi có đủ số tiền tàu trở về nhà. Ông ta còn cho biết thêm là một chuyến tàu sẽ khởi-hành đi Birmingham trong vòng 45 phút nữa. Tôi là người hành-khách đầu tiên nhảy lên chuyến tàu này khi nó vừa tới ga. Và cái hình ảnh cuối cùng mà tôi mang theo khi rời ga Bogalusa chính là tấm bảng thông-cáo sáng rực ánh đèn, trên có kẻ một lời cáo-thị vô cùng thích-dáng.

Mãi chiều tối hôm sau tôi mới về tới nhà. Khi ở trên tàu bước xuống tôi trông thấy cha tôi đang đón trên sân ga. Người bước lại gần, xiết chặt tay tôi và mỉm cười hiền hậu, không có thoáng một dấu nhỏ giận hờn. Phần tôi, tôi cũng rất sung sướng được gặp lại người.

Trong suốt chặng đường mà chúng tôi rảo bước đi trên giải cát mát ngợp bóng cây để về nhà, tôi chỉ còn nhớ có một câu hỏi của cha tôi :

— « Thế nào, con có cảm-tưởng gì về xứ Louisiana? Thật ra chẳng có gì giống được phần đất này của giang sơn xứ sở, phải thế không con? »

(còn nữa)

PHONG-GIA O

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng chính (Siège Social)

ĐÀI-BAC — TRUNG-QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện thoại : 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Không-Tử (Bd Gaudot)

Điện thoại : 36.268 và 36.269

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tử bảo hiểm cho thuê, mỗi tử tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

PASTILLES : { **VANCO** MÙI « MENTHE »
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cường họng



VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRU NG-VĂN-HỒM

Dược khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

LINH - BẢO

Lá thư Luân-Đôn

Anh Ng.

TÔI hưa viết cho anh một lá thư Luân-Đôn từ khi chưa sang Anh, thế mà mãi đến nay gần một năm và sắp ròi cái xú swong mù rét mướt này tôi vẫn chưa giữ lời hưa. Điều này anh đừng vội trách tôi, hãy xét hoàn cảnh trước đã. Người Anh vốn phần đông tính rất lười mà tôi thì «nhập gia tùy tục». Tôi cũng phải cố gắng học lười như mọi người để khỏi bị đào thải.

Tôi còn nhớ thuở bé mẹ tôi mỗi lúc có dịp là căn dặn chúng tôi không nên mắc nợ ai, và nếu có thì phải lo trả đủ. Đương trường người ta không đòi thì không trả, vì kiếp này không trả thì phải trả kiếp sau, mà nợ tiền kiếp phải biết là nặng lắm. Mẹ nhồi sọ mãi nên ý niệm này in rất sâu vào trí óc tôi làm tôi rất sợ nợ. Sau này lớn lên tôi còn hiểu thêm rằng ngoài nợ tiền bạc còn có nợ văn chương, nợ tình cảm, và bây giờ biết thêm một món nợ mới: nợ thư. Có người mách nhỏ cho tôi biết rằng nợ thư ai thì còn cưỡi trâu được chứ nợ anh Ng. thì phải biết! Chết cũng không thoát! Không biết có thực đúng anh Ng. ghê gớm như thế không, nhưng tôi sợ «chết cũng không thoát» nên hôm nay giả vờ ngoan ngoãn cầm bút trả nợ cho anh, và mong anh hiểu ngầm cho rằng «viết cho ròi nợ» có nghĩa là như thế nào!

Tôi có gặp anh Th. phóng viên của báo Tự Do. Anh ấy bảo tôi :
— Thư Luân-Đôn tôi đã viết mãi rồi, viết nhiều đến nỗi bây giờ hết cả chuyện để viết !

Câu này làm tôi thấy ngại. Có gì đáng viết thì anh ấy đã viết cả mất rồi ! Nhưng thôi dù sao cũng phải trả nợ ! Kể cho anh nghe vài chuyện vặt vãnh, kéo dài vài trang giấy, bỏ vào phong bì có con tem và con dấu từ Luân-Đôn gửi về. Thế là xong món nợ thư, nhẹ cái tâm hồn, phải không anh Ng. ?

Năm ngoái, lúc còn ở Ba-Lê mỗi lần có ai quen từ Anh sang là thế nào tôi cũng hỏi dò về cuộc sống ở Anh. Những điều tôi muốn biết là các vấn đề nhà cửa, y dược, trường học trẻ em, xã hội cứu tế, mức sinh hoạt v.v. . . Nghĩa là những điều cần biết tôi thiếu khi muốn đến ở lâu một xứ lạ.

Cô Hồng cho tôi biết rằng khu vực miền Tây sang trọng và đắt hơn tất cả mọi khu vực khác vì đó là khu vực của những người giàu có sang trọng ở, và vì cô cũng ở miền Tây nên cô không biết tình hình mọi nơi khác. Cô không đầu óc, không có trẻ con, cũng không cần thuê nhà nên miễn nghiên cứu những điều tôi muốn biết.

Tôi hỏi cô Tâm-Quy thì 10 lần như một, cô chỉ trả lời một câu gọn gàng :

— Thì cũng ríu đó !

Tôi phải xeo nạy đủ cách cô mới thêm một câu :

— Nhà nào cũng có một mảnh vườn không đằng trước thì đằng sau.

Rồi cô kết luận :

— Buồn chết !

Xin anh đừng vội hiểu lầm là cái « mảnh vườn không đằng trước thì đằng sau » ấy buồn chết nhé ! Đây là câu kết của nếp sinh hoạt của cả thành phố Luân-Đôn mà người nào đã từng sống ở Ba-Lê dù chỉ một thời gian rất ngắn cũng đồng ý. Hai thành phố khác hẳn nhau dù chỉ cách nhau có một giờ máy bay.

Ba-Lê với tất cả những kiến trúc đồ sộ huy hoàng, những tác phẩm điêu khắc mỹ thuật từ nóc nhà cho đến gầm cầu, thì Luân-Đôn chỉ là một thành phố lớn như tất cả những thành phố lớn ở Âu-Châu. Ở đây ta cũng có thể trông thấy một thành phố như thế : những tủ kính trang hoàng các món hàng xa xỉ phẩm hay y phục, người đi lại trên đường... Nếu cần phải tìm một đặc điểm của Luân-Đôn thì phải nói là khí hậu. Cái khí hậu không một ai là không kêu trời. Mùa đông sưng mù ẩm thấp, mùa hè cũng mưa nắng bất thường. Trời phần nhiều âm u như muốn mưa mà không mưa. Mặt trời ít khi được thấy nên ai ra đường cũng phải kè kè cái ô bên mình.

Người Ba-Lê duyên dáng sống đông, trẻ trung, nồng nhiệt, trái lại, người Luân-Đôn khác khổ, ughiêm trang, lạnh lùng. Ngay từ một cậu bé 17 tuổi mới ra trường bước chân vào công sở cũng học cái dáng điệu « gentlemen » của các cụ già. Cậu ăn mặc chỉnh tề, cà vạt đen, mũ quâ dừa, tay cấp cặp, tay cấp ô, mắt nhìn thẳng...

Càng ở lâu càng thấy câu kết của cô Tâm Quy là đúng. Nhưng cái thành phố mà cuộc sống « buồn chết » như thế lại có những điểm đáng yêu, và điểm này quyến rũ nhiều người say mê đến đổi thề suốt đời không rời khỏi đất Anh. Đó là vấn đề xã hội được giải quyết khá chu đáo.

Những người này chả còn muốn đi đâu nữa một khi họ đã thấy ở cái xứ tuy thiếu bóng mặt trời nhưng lại có một sự bảo đảm chắc chắn của mọi tai nạn, đau ốm, già nua của ngày mai... Cái « Tích cốc phòng cơ, tích y phòng hàn », ở đây không cần áp dụng đến. Lương tuần nào chủ cũng đã trừ một số tiền thuế nhỏ trước, số tiền này nhiều ít tùy theo hoàn cảnh gia đình, độc thân thuế nặng hơn có gia đình, hay có con cái. Với sự đóng góp rất nhỏ này họ được bảo đảm tất cả mọi thứ. Mỗi người đều có một bác sĩ riêng tự mình chỉ định trong khu vực mình ở. Khám bệnh không mất tiền, đơn mua thuốc nhất luật 2 shillings một món. Khu vực nào cũng có phòng tìm việc của chính phủ, có vườn hoa, phòng tắm, hồ bơi. Các trường học đếm cho người lớn từ các ngành chơi cho đến các ngành chuyên môn đều mở rộng cửa cho tất cả mọi người.

Ở một đô thị lớn phần nhiều hay bị bệnh tật bất ngờ và tốn tiền, ở Anh không nhặng vào nhà thương không tốn kém một tí gì, trái lại chánh phủ còn trợ cấp cho gia đình trong thời gian người gia trưởng lưu viện. Khi thất nghiệp chánh phủ trợ cấp thất nghiệp và tìm hộ việc làm cho họ được.

Trẻ con đi học miễn phí tại các trường trong khu vực của mình. Học xong tiểu học được chia làm hai loại : một loại chuẩn bị sau khi tới nghiệp Trung học sẽ tiếp tục Đại học, một loại kèm thêm đánh máy và tốc kí để xong Trung học có thể vào làm việc ngay các công sở.

Điểm trái ngược và làm nhiều người quan tâm là lương tiền. Lương một người thư ký tốc ký, kế toán chỉ được từ 7 đến 10 Anh bảng một tuần, nhưng một người phu hồ, phát thư, hay đồ rác có thể từ 10 đến 15 bảng. Một bà tôi quen khoe với tôi rằng chồng bà là một chuyên viên, làm việc đã 15 năm trong một công sở nọ, lương chỉ có 16 bảng một tuần, còn cậu con bà mới 17 tuổi vừa bỏ học đi làm bấp được 25 bảng một tuần. Công việc cậu chả cần kinh nghiệm, chữ nghĩa gì cả, chỉ suốt ngày đứng bên cạnh lò than

nướng thịt bò băm với hành Tây kẹp bánh mì cho những khách ăn vội. Điều cách biệt này ai cũng nhận thấy nên làm gia đình cha mẹ không kèm và cũng không chú trọng đến sự học hành của con cái, và trẻ con cũng không thấy cần phải chăm học cho lắm. Dở một tờ báo hàng ngày trang trong sẽ thấy sự cách biệt này trong các mục tìm người làm. Các sở gọi người làm thư ký, kỹ sư hay chuyên viên cần kinh nghiệm và học thức lương chỉ trả từ 10 đến 12 hàng là nhiều; ngay bên cạnh, các quảng cáo gọi phu hồ, phát thư, lau chùi cửa kính lương từ 12 hàng trở lên, và nếu làm các tiệm ăn, bar, tiệm rượu có thể gấp đôi. Vì thế ở đây ra đường nhìn cách ăn mặc tiêu xài khó đoán đúng chắc được một người ở vào hạng nào trong xã hội. Có khi giầy rách, áo vá, ô bạc màu là một nhà trí thức, giáo sư, còn anh chàng mày râu nhẵn nhụi, áo quần bành bao, có xe hơi, có nhà, có cả vợ bé, và một đàn chó săn chỉ là một người phát thư, như ông láng giềng tôi.

Tôi đã hỏi một người bạn cạo giấy có ý nghĩ gì về sự cách biệt này, anh ta trả lời:

— Tất cả mọi người đều hiểu là bất công, đều nhận thấy cái công ăn học hàng 10 năm trời của mình đi làm rồi cuộc không nuôi nổi vợ con, còn một người không cần biết một con số, làm phu hồ có thể mua nhà riêng, vợ khỏi đi làm, nhưng hiểu là một chuyện... Một khi không phải ai cũng có « can đảm » để đi làm một việc thấp nhưng nhiều tiền, thì phải gắng chịu. Tôi muốn giữ thể diện thì tôi phải cần rằng đi làm công sở để lãnh số lương « cầm hơi » không nuôi nổi vợ con.

Các thầy kỹ cơ kỹ này, để góp thêm vào số tiền lương ít ỏi, họ nhân nha kéo dài công việc, công việc không xong kịp trong ngày họ làm « overtime ». Và số tiền làm việc quá giờ này giúp vợ con cầm hơi tuần này qua tuần khác cũng qua ngày. Vì thế một thanh niên dù hăng hái siêng năng đến đâu, bước chân vào sở làm nghề cạo giấy, bài học thứ nhất họ thể nghiệm được của đời là phải lười, lười mới đủ sống.

Một điểm đau khổ nữa cho những tiểu gia đình là vấn đề nhà cửa. Chánh phủ một mặt khuyến khích thanh niên kết hôn, nhưng sau khi thành lập gia đình rồi họ không có nhà ở. Thuê nhà rất khó, nhất là những gia đình có trẻ con. Tất cả các giấy dán có nhà cho thuê đều đặt ngay điều kiện rõ ràng: « No children » « No color ». Color đây có ý ám chỉ người da đen ở các thuộc địa cũ của Anh, hay các xứ Liên bang, nhưng người da vàng xem thấy cũng chột dạ không tìm đến. Vì thế những gia đình có trẻ con nếu may mắn có một chủ nhà nào bao dung thì cũng không bao giờ với một giá phải chăng.

Có một điểm Luân-Đôn giống Ba-Lê là các hàng hoa quả trình bày bên ngoài rất ngon lành đẹp mắt. Lúc mình hỏi mua họ cảm chọn, và họ chọn những quả xấu nhất hay hư thối cho mình. Những quả ngon lành bày để chiêu hàng và mình có thể mua được khi họ đã tổng đi hết tất cả những quả hư hỏng. Vì thế nếu bên ta chợ tàn là cá wơn rau héo, thì bên này lúc chợ tàn là lúc mua được những rau quả tươi tốt ngon lành nhất. Để đền bù lại với sự bất công họ đã tổng cho mình những hoa quả không ngon họ cười nói ngọt ngào và bao giờ cũng gọi bằng darling, honey, love, dear. . . Ai mới nghe cũng ngỡ ngàng vì thấy những chữ rất có giá trị lại bị hạ bệ một cách quá thâm thương, dần dần nghe mãi cũng quen tai, chỉ phiền nếu có trường hợp cần dùng đến những chữ trên kia thì cảm thấy thiếu chữ!

Thỉnh thoảng tôi ra công viên để xem những buổi diễn thuyết bất ngờ. Ở đây nếu ai có điều gì bất mãn cũng có thể bắt ghế, thùng gỗ hay leo lên mòm đá nào trong công viên để diễn thuyết. Họ có thể phê bình chỉ trích bất cứ điều gì, Hạ nghị viện, Thượng nghị viện, chánh phủ, chánh sách v.v. . . Mọi người sẽ vây chung quanh nghe, họ sẽ bàn cãi, chát vắn hay tán thưởng, kể cả cảnh sát. Khi nào họ nói chán hay mệt rồi thì ai về nhà nấy. Diễn giả dù công kích chính phủ kịch liệt đến đâu cũng được bình yên vô sự về nhà với vợ con, nếu trong buổi diễn thuyết không đã đụng đến Nữ Hoàng.

Để chấm dứt thư này tôi kể cho anh nghe câu chuyện thời sự về đôi chim Bồ-nông (Pelican) trong công viên St James. Vừa rồi trong một buổi họp của Hạ nghị viện các ông nghị đã bàn cãi nhiệt liệt để tìm phương pháp biết được con nào là « chàng » và con nào là « nàng ». Có ông đề nghị dùng phương pháp thử bằng quả lác, quay quả lác trên đầu để xem dương điện hay âm điện. Có ông bảo hãy chờ đến mùa hè ấm áp đôi chim đậu lên hòn đá cao « hành Chu-Công chi lễ » lúc ấy sẽ biết rõ. Tôi không biết các ông nghị Anh muốn biết để làm gì, nhưng cũng kể anh nghe để các ông nghị bên ta cảm thấy an ủi một phần nào!

Chắc anh đồng ý với tôi là thư đã khá dài. Thôi chào anh nhé. Thế là hết nợ. Hú vía!

LINH-BẢO

T. B. Quên cho anh hay, nếu không có gì trở ngại thì cuối tháng sáu tôi sẽ đi Mỹ viếng hội chợ Quốc tế ở Seattle, Lần này không hứa với anh gì cả. Chả đại!

Tiếng kêu hoan hỉ

HOÀNG-TRINH

Tặng Bác sĩ Hoàng-Văn-Đức
Cho các con tôi

Con sắp lớn nghĩa là cha sắp già,
Cha tiếp-tục thịt da con sống mãi.
Mỗi một tiếng kêu, nhẹ-nhàng êm-ái,
Cha tưởng đâu tiếng nói của thiên-thần.
Ôi những cánh tay, ôi những bàn chân ;
Cành vôi lá sum-sê tàn cỏ thụ.
Cha sẽ cỗi nhưng mầm non sẽ nhú,
Cuộc sống cha nhân gặp đến bao nhiêu ;
Rồi mai đây khi gió sớm, trăng chiều,
Con chắc lại làm thơ dâng vũ trụ.
Cha là trái, các con cha là nụ
Cha trẻ hoài, cha có biết già đâu ;
Các con ơi ! nắng mới vẫn tươi màu,
Đời hữu-hạn mà hóa ra bất tận.
Chính bởi thế cha không hề biết giận,
Nhìn vào đâu cũng chỉ thấy yêu thương.
Vị đắng cay từng uống ngọt như đường.

Cha nghĩ tới lúc các con hăm hở
Đạp gai góc coi thường muôn hiểm trở
Say tự do như cha đã từng say,
Xóa cảm thù trong tự-diện tương lai.
Con sẽ viếng những non xa, nước lạ
Con sẽ đứng dưới chân thành La-Mã
Nghe gạch vôi mòn-mỏi với thời-gian
Cung-diện xưa mây chốc đã điêu tàn ?
Tàn lụi hết mộng xâm-lãng để-bá
Chỉ còn lại viện Le Louvre êm-ả
Trụ Eiffel ngạo nghệ giữa Paris.
Chỉ còn đây những kiến-trúc tân-ky
Cùng góp mặt những người xưa đã khuất.
Các con ạ ! ta chẳng bao giờ mất,
Mất hay còn cũng bởi chính nơi ta.
Gi đẹp hơn nỗi khát-vọng bao la ?
Gi bền vững hơn những niềm tin tưởng ?
Ta được sống, ôi ! biết bao sung sướng.
Sống là yêu, sống chỉ để yêu thôi,
Thượng Đế soi hình ảnh giữa con người.

H. T.

Đỡ đê đêm

của A. Majocchi

NGUYỄN-HỮU-PHIÊM dịch

CÓ lẽ trong các ngành y-học, khoa đỡ đê là vất vả hơn hết, nhưng cũng đem lại cho người thầy thuốc, ngoài những phút lo âu, hồi hộp, một niềm vui khôn tả. Nhất là trong những trường-hợp khó khăn, cấp bách, họ được coi như một vị cứu-tinh, một lúc cứu được hai mạng người: Mẹ và con.

Khi một ông bạn tôi — làm trạng sư có danh tiếng — hay tin tôi viết hồi ký ông ngỏ lời khuyến khích:

— Rồi anh xem, chính các tiểu-thuyết gia cũng phải hoan nghênh cuốn sách ấy đem lại cho họ nhiều tài-liệu quý giá.

Thật vậy! Nhiều bạn — hỏi tôi còn tông sự tại « Hộ-sinh-viên thường-trực » tôi đã có ý nghĩ, giá thử có một nhà văn nào ở cạnh, họ sẽ được mục kích nhiều cái lạ, ly kỳ, sẽ ghi được biết bao cảm-tưởng phong phú. Và họ thấy như xuất hiện ở trên màn bạc, đủ hạng người, sống trong những hoàn cảnh khác

nhau. Sang có, hèn có. Nhưng phần nhiều là những kẻ khốn nạn, sống lam lũ, nheo nhóc ở nơi hang cùng ngõ hẻm tối tăm, dơ dáy... từ nếp sống cần cù của người dân lành lương thiện, đến cuộc đời sa đọa của hạng đàng điếm, bất lương.

Milan là một thành phố sầm uất vào bậc nhất ở Ý về cuối thế kỷ thứ 19. Và cũng như hầu hết các đô thị lớn, có biết bao nhiêu cảnh cực khổ đến cùng tột!

Chính tôi đã nhiều lần đi thăm bệnh ở những xóm nghèo ấy, chui vào những túp lều tranh trống trải, lụp xụp, bẩn đến kinh hồn. Có những căn buồng — chứa từ 8 đến 10 người là ít, sống ngay tại đấy — vừa chật chội, vừa bề bộn, đồ đạc kê lủng củng, đôi khi lại có súc-vật quấn chân, thành thử không còn chỗ để giải-phẫu. Ừ mà nói đến giải-phẫu làm gì nhỉ khi kiếm lấy một nơi để treo áo cũng không có nữa; và bạ đâu vứt

đấy chỉ sợ lúc ra về đem theo cả từng « lô » chảy rịn..

Tôi nhớ có lần phải mở tủ áo ra rồi nép vào trong đó để nạo. Và có bận đang loay hoay nạo, giữa tiếng kêu la của người ốm, tôi giật mình thoáng thấy ở giường bên, đầu một đứa trẻ nhỏ ra, hai mắt nhìn thao-láo...

Một lần nữa — vào một đêm đông giá buốt — tôi đi đờ đề cho một sản-phụ, đã sanh đôi lại sanh sớm, ở vùng ngoại ô. Tôi ngồi trên một chiếc xe ọp ẹp do người chồng đánh lái. Gió lạnh lùa qua các khe cửa kính, buốt đến nỗi chỉ một chút nữa là chúng tôi biến thành băng...

Mãi ba giờ sáng chúng tôi mới tới nơi. Xe đậu trước một căn nhà tối om và im lặng như tờ. Người chồng xuống xe, một tay cầm bọc đồ của tôi rồi đi trước dẫn đường. Chúng tôi lên một chiếc thang, bản ới là bản, lần từng bậc, dưới ánh sáng lù mù của một ngọn đèn dầu tỏa xuống. Leo mãi mới tới một hàng hiên hẹp và đi hết hiên lại còn phải chui qua một cánh cửa, vừa đủ một người lọt, mới vào phòng bệnh-nhân. Cả cửa nhà họ có mỗi một chiếc giường ngủ. Trên đầu giường có một cánh cửa sổ, khép rồi mà gió vẫn thổi vào, rít lên từng cơn.

Tôi buộc lòng phải cởi áo, rửa tay, bôi thuốc sát trùng, hấp dụng - cụ... và làm việc ngay trong căn phòng lạnh lẽo ấy. Trước hết tôi thăm cho sản-phụ. Vừa lật mền lên tôi ngạc nhiên thấy có mấy con chim sẻ ở trong đó bay ra. Xê một chiếc gối, lại một con sáo và nhấc chiếc thứ hai, ủa lại một con

chim khuyên. Tôi trở mắt nhìn chẳng hiểu gì cả. Sau mới vỡ lẽ người chồng làm nghề nuôi chim, vì vậy buồng ngủ đã hoá ra lồng chim; nhưng lồng y như phòng lạnh nên mấy con chim kia phải rúc vào chân cho ấm. Nghĩ chúng sướng hơn mình thật!

Tôi phải nói thêm rằng hai đứa trẻ tôi đờ ra đêm ấy không nuôi được, đã chết rữa từ lâu, vì người mẹ có bệnh giang-mai. Thôi thế cũng may cho chúng, khỏi phải ra đời để rồi trông thấy những cảnh đau lòng như vậy!

Nhưng đâu phải chỉ có lần ấy mới có giống súc-vật chứng-kiến việc làm của tôi?

Cách đây ít lâu có người mời tôi lại một rạp xiếc. Về thời đó hàng năm đều có tổ-chức *chợ phiên*. Ngoài những gian hàng sơn màu lòe loẹt, sáng trưng, còn có đủ các trò về như bắn bia, cưỡi ngựa — ngựa thật và ngựa gỗ — chèo thuyền v. v...

Tiếng nhạc xen lẫn với tiếng người, thật là huyền ảo, nghe đinh tai rúc óc. Lại còn mùi xú-ũe xông lên không chịu nổi.

Lúc ấy vào khoảng 3 giờ sáng. Tôi đang thiêm thiếp ngủ ở « Hộ-sinh-viện » bỗng có tiếng chuông làm tôi choàng dậy. Cánh cửa chưa kịp mở hẳn đã có một gã, trạc 40 trở lại, ăn mặc rách rưới lôi thôi, nom chẳng khác gì một tên vô lại, chạy sộc vào. Hắn nói ấp úng một thứ tiếng nghe rất khó hiểu rồi trao cho tôi một mảnh giấy của cô đờ, đại ý mời tôi lại gặp vì có người sẩy — được ba tháng — và hiện đang băng huyết.

Tôi vội vàng sửa soạn để đi. Dọc đường, nghe lồm bồm câu được câu chăng, tôi mới rõ anh chàng này là nhân-viên của gánh xiếc, và người đàn bà kia — mà hẳn bảo là vợ hẳn — chuyên biểu-diễn trò *điều-khiển rắn*. Con rắn này rất lớn nhưng được cái mỗi khi no rồi thì lành như đất.

Tối hôm ấy như thường lệ, chị để trần quần khắp người; nhưng không hiểu sao lần này, đáng lẽ để cho chủ vuốt ve nó như mọi bận, nó lại xiết rõ chặt... và chỉ suýt nữa là chị bỏ mạng. Người ta xúm nhau lại, mãi mới gỡ được con măng-xà ra. Sau đó một lát chị kêu đau bụng dữ dội, rồi huyết cứ thế ra như tẩm, nên phải vực chị lên giường và cho đi mời cô đỡ.

Khi chúng tôi tới *chợ phiên*, mọi vật đều chìm đắm trong âm u, và tôi có cảm-giác như sa vào trong một bộ-lạc nào vậy.

Đêm tuy thanh vắng, nhưng thỉnh thoảng vẫn có tiếng rống nghe là lạ, rồi đến tiếng gầm hú, tiếng rên rĩ, hoặc kêu ăng ăng.... Thì ra chúng tôi đã đến gần chuồng thú. Người chổng đi trước dẫn đường, một tay xách chiếc bọc đồ của tôi.

Chúng tôi len lỏi từ lều này đến lều khác rồi sau khi đi vòng quanh một căn nhà lớn — có lẽ là chuồng thú, vì tiếng kêu ở trong đó vọng ra — chúng tôi dừng chân trước một chiếc xe bốn bánh, có bậc thang lên, dùng làm nhà ở.

Một tia sáng từ một cánh cửa nhỏ chiếu ra và rọi vào một đám người đang bàn tán thì thào gì với nhau trong một

thứ tiếng lạ, không tài nào hiểu nổi. Mặt mũi và y phục của họ thật là kỳ dị! Chỗ này là một thiếu phụ còn vận quần áo dạy mãnh thú, chỗ kia là một anh chàng vẽ râu mép thật dài và nhọn hoắt, mặc đồng phục của người kỵ mã, mặt thì sơn y như mặt một *anh hề*...

Khi trông thấy tôi họ đứng né sang một bên.

Tôi leo có mấy bậc thì vào nhà. Chiếc nhà rung chuyển và kêu cọt kẹt dưới mỗi bước chân nện xuống. Có một mùi gì hăng hăng gì xông lên như mùi của những con thú dữ ở chuồng bên...

Tôi ngần ngại không dám tiến vào nơi hôi hám, ghê tởm ấy. Tôi có cảm giác là mình dẫm lên một đàn rắn, bò lổn nhổn dưới sàn và tôi sợ toát mồ hôi. Nhưng đầu phải là lúc trần-trụi nữa, nên tôi đánh liều đi, đi tới một gian buồng tôi tối, có một ngọn đèn dầu l ỏi.

Cô đỡ trông thấy tôi mừng quỳnh chạy ra đón, rồi kể bệnh, nào sẩy vào khoảng ba tháng trở lại, nào huyết ra nhiều... Vẫn hay rằng để chậm thì nguy nhưng biết làm thế nào bây giờ?

Kể ra tôi đã từng nhiều lần gặp những trường hợp không thuận tiện, làm việc trong những căn buồng chật hẹp, thiếu mọi tiện nghi, nhưng chưa bao giờ như ở đây.

Thiếu phụ nằm trên một tấm ván, chả khác nào một chiếc giường nằm trên tàu thủy, không sao xê dịch được. Và không biết rửa tay ở đâu? Đành rửa ở phía ngoài, gió rét chịu vậy. Xong xuôi tôi trở vào, rồi dưới ánh đèn mờ mờ, sau khi để *mở vệt* tôi mới khởi sự.

Nhưng trong khi đang hí hục nạo, tôi thấy như có một vật gì ngo ngoáy dưới chân... rồi bó chặt lấy đôi mắt cá.

Một con rắn chắc? Biết đâu không phải con rắn vừa quấn chị ta hồi này?

Tôi vội lùi lại hồn vía lên mây. Nhìn xuống té ra một con khỉ, không biết ở đâu tới. Có lẽ vì nghe thấy tiếng kêu la nên nó xấn vào ôm lấy cẳng tôi để bênh chủ. Cũng may có người chồng đứng đây để giải nguy. Anh ta phát cho con vật kia mấy cái. Con khỉ vừa chạy vừa rên, răng nghiến ken két rồi leo tót lên một chiếc đu con mắc trên trần nhà. Ở trên ấy nó cứ nhìn tôi chòng chọc.

Thế là tôi lại yên trí tiếp tục, và chả mấy chốc huyết đã cầm. Tôi thở phào nhẹ nhõm, rồi đi ra phía ngoài rửa tay. Ở đây tôi thấy đủ mặt: nào chị dạy ác-thú, nào anh hề, rồi đến anh chàng cười ngửa... Có cả mụ phù-thủy ở căn nhà bên cũng mon men tới.

Trước khi ra về tôi còn trở lại thăm thiếu-phụ một lần nữa cho yên tâm và cũng để nhặt nhanh các thứ. Nhưng lạ chưa này! Sao không còn cái nào cả, hay nói cho đúng ra, đi đâu mà hai vật cần thiết nhất là *chiếc mô vịt* với *cái nạo từ-cung*? Hỏi cô đỡ, cô trả lời không biết, cô vẫn mãi săn sóc bệnh-nhân. Còn người chồng cũng chả hề đụng tới; vả lại hẳn đi ra ngoài lòng rượu kia mà!

Không có ai trong phòng mà mắt thật là khó hiểu. Chúng tôi tìm kiếm, lục lọi khắp mọi nơi, lật tung cả chăn nệm lên... cũng không thấy. Bỗng dưng, từ trên trần nhà có tiếng keng keng nhẹ nhẹ xuống. Chúng tôi ngẩng cả đầu lên rồi

cùng phá ra cười. Thiếu-phụ đau nằm đây cũng không nín cười được.

Ở mãi tít trên cao, con khỉ đang ngồi ung dung trên chiếc đu, một tay cầm *mô vịt*, một tay *chiếc nạo*, cứ ngoáy đi ngoáy lại, y như tôi ban nãy.

Tuy vậy cái nghèo dẫu cùng cực đến đâu chẳng nữa vẫn không làm cho tôi xúc động bằng những cảnh sa đọa mà tôi hằng chứng kiến. Y như những tẩu kịch ta thường thấy trên sân khấu hoặc ở trong tiểu thuyết vậy. Các bạn đọc đây sẽ rõ.

Một đêm thu, tôi đang ngủ ở « Hộ-sinh-viện thường-trực » bỗng nghe có tiếng chuông. Già Lan, người y tá gác bữa đó bèn trở dậy rồi vào gọi tôi. Lão nhìn tôi một cách hóm hỉnh, nửa khôi hài, nửa bí mật:

— Thưa ông có người mời đi.

Tôi vừa dụi mắt vừa hỏi:

— Có gì lạ^o không già?

Lão sán lại gần, mỉm cười rồi ghé tai tôi nói nhỏ:

— Thì dĩ nhiên rồi, việc gì phải đến thì đến chứ sao. Tôi^ođáp:

— Vâng đúng thế, vậy xin ông đi ngay cho, vì hình như nguy kịch lắm, đây có thư của cô đỡ.

Vừa nói lão vừa trao cho tôi một mẩu giấy nhàu, có mấy giòng chữ nguệch ngoạc sau đây:

« Xin mời Bác sĩ làm ơn đến gấp, có người băng huyết nặng. Có mang lối ba tháng. »

Tôi thay quần áo và soạn mấy thứ cần dùng đem đi. Vừa ra tới cửa đã gặp một cụ... hình dáng thật khó tả, nhưng thoáng nhìn cũng biết là hạng người nào rồi. Cụ là chủ một nhà chứa ở mãi tới đường V... thuộc về một khu có tiếng là dơ bẩn nhất thành phố.

Tôi cùng lên xe với cụ. Cụ cho biết ngay là một « ca » trầm trọng. Rồi cụ kể lể... Lúc ấy đêm đã khuya, nhưng trong nhà, khách làng chơi vẫn ra vào tấp nập; rồi một « con em » bỗng đứng thấy huyết băng dữ dội. Ai nấy đều cuống quýt sợ hãi kêu gào và xúm nhau lại. Sau có người đi mời một cô đỡ ở gần đấy. Cô đã cố cầm, nhưng huyết vẫn ra. Cùng lắm, cô quyết định đón bác sĩ.

Mụ cảm ơn tôi rồi rít, và không ngớt lời ca tụng, nào là tôi tử tế, nhanh nhẹn, nào là tôi có lương tâm nhà nghề. Mụ nói huyền thiên: « Huyết ra như suối ấy, bác-sĩ ạ. Chẳng biết có qua khỏi không nhỉ? Bác-sĩ nghĩ coi, giữa lúc nhà đang đông khách... »

Rồi mụ ta van vãn tôi cố đem hết tài nghệ ra để chữa, nhất là thận trọng, kín đáo và im lặng cho. Còn về tiền thù-lao mụ sẽ thanh toán sòng phẳng, bao nhiêu cũng không tiếc.

Được một lát thì chúng tôi tới nơi. Xe đi vào một con đường hẻm rồi đậu trước một tấm cửa đóng danh thật lớn.

* Chúng tôi bước vào.

Một mùi gì khó tả ở đâu đưa lại. Tôi vội leo lên thang, và trước khi đến chỗ bệnh-nhân nằm, phải đi ngang một gian phòng, có lẽ là phòng tiếp khách.

Tôi nhận thấy, qua những tấm gương phản-chiếu lại, trong làn khói thuốc tủa, đủ mặt: nào thiếu-phụ khỏa thân, rồi đến những chàng trai trẻ; có cả mấy ông già nữa. À ra cái mùi khen khét đến buồn nôn ấy, mùi mốc cùng những tiếng ồn ào, tiếng reo hò đùa rơn, tiếng cười man dợ... ở đây ra.

Tôi cứ đi, đi mãi. Đến cuối hiên, họ mới dẫn tôi vào một căn buồng nhỏ. Trên một chiếc giường, một thiếu-phụ còn trẻ đẹp nằm ngang. Mặt nàng nếu không chút phấn tạt phải xanh lăm; còn người thì nhợt nhạt, gần như một chiếc thây ma, khác hẳn với cặp môi và đôi má đỏ chót...

Thiếu-phụ vẫn còn vận đồ màu lông lầy, mỏng dính, hạng sang, y như một vũ-nữ hay một cô đào hát. Trên giường, máu ra be bét, có chỗ đã đông rồi.

Chung quanh ấy, vài ba cô bạn đang kiếm lời an ủi. Mặt người nào cũng bực phẫn, và họ đều khỏa thân cả. Thật là một cảnh-tượng lạ lùng, tương-phản chưa từng thấy: một đám người trụy-lạc đứng bên cạnh tử-thần trong một bầu không-khí say sưa, ngọt ngào, giữa một khung-cảnh dâm-ô, thác loạn....

Cô đỡ quay về phía tôi và cho biết khi cô tới, huyết đã ra nhiều rồi, người này có thai được ba tháng... Cô đã thử băng chặt lại nhưng huyết vẫn ào ra.

Tôi vội vàng cởi áo, rửa tay rồi thăm thai. Quả như lời cô đỡ nói, tiểu-sản vào khoảng ba tháng. Tôi bèn nạo thật nhanh và băng lại.

Lúc ấy chung quanh tôi không ai nói một câu; nhưng qua mấy bức tường bên,

tôi nghe có tiếng xì xào, tiếng hôn chùn-chụt và tặc hơn thế nữa, ở tận xa xa có tiếng nói bô bô, tiếng cười đùa của bọn đàn ông lẫn với tiếng kêu la của những ả động-côn, điên cuồng... Thỉnh thoảng lại xen vào bản nhạc kỳ quặc ấy, tiếng leng keng của mấy chiếc vật-dụng về ngoại khoa của tôi.

Duy có sản-phụ là không nói năng gì, không cả một lời than thở khi tôi nạo tử-cung. Sức nàng đã kiệt quá... Tôi chỉ thoảng nghe ai nói hầu như tuyệt-vọng :

— Mau mời Cha lại.

Kể ra thì cũng đáng ngại thật ; nhưng sau khi nạo xong, băng lại và trích một vài mũi thuốc thấy mạch đập đều tôi mới vững tâm.

Trước khi ra về tôi nhặt nhanh các thứ để cho vào bọc, và dặn dò cô đỡ.

Cầu thang đã hẹp lại tới om. Bốn bề yên lặng, im phăng phắc. Ở ngoài trời bắt đầu hửng sáng và khách đã ra về hết. Vừa bước khỏi cánh cửa sắt đóng danh, tôi bỗng đụng ngay phải một bóng đen. Phải chăng là một khách tìm hoa đến muộn, hay một kẻ gian-phi ?

Tôi lùi lại một bước, định thần, và hiểu ngay : đó là ông Cha sờ.

Ông ta cũng đứng lại, nhìn tôi tận mặt như muốn hỏi một đôi lời. Tôi nói :

— Thưa Cha không có gì nguy hiểm nữa. Nơi đây ghê tởm quá, nhưng người ta đã mời Cha lại, xin Cha cứ vào. Cầu thang bên tay mặt, tầng thứ nhất, ở mãi cuối hiên... Kính chào Cha.

* *

Có độc giả sẽ hỏi tại sao đêm hôm dám một mình xông pha vào những nơi bất trắc, nguy hiểm như vậy ?

Thực ra nhiều bạn đồng nghiệp của tôi mỗi khi ra ngoài đều có khí giới để phòng thân. Riêng tôi không đem vì tôi vẫn tin ở số mệnh. Bởi vậy mà có lần suýt chết !

Tôi nhớ đêm ấy vào giữa *đêm Hoa Đàng*, có người mời đi thăm bệnh cho một thiếu phụ sẩy. Theo địa chỉ để lại thì bệnh nhân ở đường C... trong một tòa nhà rộng, lầu thứ tư, ở tận cuối hiên.

Tôi đi một thôi đường mới tới. Đêm thật là tĩnh mịch. Hiên dài dằng dặc... bao nhiêu cửa trông ra hiên đều đóng kín, trừ một cánh hé mở và để lọt ra ngoài một tia sáng nhỏ. Tôi lại gần và thoảng nghe như ở bên trong có tiếng người nói, rồi tiếng kêu, tiếng khóc.

Buồng đầu không có ai ; nhưng sau một cánh cửa, tôi nhận ra một buồng thứ hai có ánh đèn. Tiếng ồn ào ở đây ra.

Tôi khệ nệ xách chiếc cặp nặng chiu đi vào, và thấy... một người đàn ông đã đứng tuổi đang quần thảo với một mục vụ võ. Thật là một cuộc giao tranh kỳ lạ ! Giữa những tiếng la hét, chửi rủa om sòm của hai người lại có tiếng van lơn, rên rỉ của một thiếu phụ còn trẻ, nằm trên một chiếc giường gần đấy, mặt mày xanh nhợt nom đến sợ.

Trước quang cảnh lạ lùng ấy, tôi đứng chân ở ngay cửa, trở mắt nhìn không biết xử trí ra sao, và tay vẫn khư khư ôm cặp.

Tôi tự hỏi :

— Đây là đâu nhỉ, tôi vào làm nhà chác ?

Trong khi tôi đang đứng ngây người ra để quan sát thì người đàn ông kia trông thấy tôi. Hắn vội buông mũ béo ra, rồi xắn vào tôi đánh.

Tứ chi tôi như bị tê liệt cả vì quá đỗi ngạc nhiên, nhưng rồi tôi cũng phải quăng chiếc cặp xuống sàn và ra sức chống cự. Mãi tôi mới túm được cổ tay hắn và đẩy hắn ra ngoài hiên. Rồi tôi đóng sập cửa lại.

Thế là tự dưng mình đi thăm bệnh lại bị nhốt chung với hai người đàn bà không quen biết ! Thật vừa buồn cười vừa bực mình hết chỗ nói.

Được một lát tôi mới rõ đầu đuôi.

Người thiếu-phụ nằm ở giường là con gái của gã xông vào đánh tôi ; nàng tiểu-sân được hai tháng. Còn người đàn bà lớn tuổi hơn là cô đỡ. Từ trước đến nay — cũng như những ông bố khác — gã kia vẫn yên trí là con mình ngoan ngoãn lắm, không ngờ chiều hôm ấy đi làm về, hắn bắt gặp một người ở đâu lại để... phá thai.

Thật không khác nào Trời xụp ! Người bố — đáng thương này — mất cả lương-trí và không biết vàng vào ai cả, liền « cà » ngay với cô đỡ (đĩ-nhiên vô tội). Vừa lúc ấy thì tôi lò dò tới, Hắn thấy một chàng trai trẻ — hồi đó tôi trẻ măng — ăn mặc lại chừng chạc, cứ sồng sộc vào buồng chẳng hỏi han ai cả, đình-ninh tôi là thủ-phạm (tình-nhân hoặc hôn-phu của cô ta). Nên không cần biết phải trái, xông vào tôi định nuốt sống ăn tươi cho hả giận.

Cũng may là hấn tay không ; nếu có khí-giói thì chắc chắn tôi đã ra người thiên-cổ rồi ! Thật là hú vía !

Tôi chặn cửa thật kỹ mới bắt đầu làm việc. Người tôi khi ấy đau như dằm và hai bàn tay tê dại.

Xong xuôi đầu đẫy, lại còn vấn-đề này mới nan giải chứ ? Làm thế nào để ra thoát ? Rất có thể hấn vẫn đứng đợi ngoài hiên, chờ ra là đánh, và biết đâu chừng... không quăng mình từ lầu tư xuống ?

Kể ra sợ như thế cũng phải, nhưng chả lẽ cứ ở đây cho tới sáng ?

Tôi đem hết can đảm ra, khe mở cánh cửa trông ra hiên. Một bóng đen lù lù hiện ngay ra trước mắt khiến tôi hết hoảng và lùi vội lại. Nhưng tôi hiểu ngay là không có gì nguy hết.

Một thanh-niên ăn vận lịch-sự, có vẻ rút rút, lễ phép cúi đầu chào tôi rồi hỏi thăm tin tức.

Té ra hấn, hôn-phu của cô ả mới là thủ-phạm.

*
* *

Sau khi tôi thuật lại câu chuyện vừa rồi cho các bạn đồng-nghiep và giới cho họ xem những vết sây sát, ai nấy đều cười rũ ra.

Giáo-sư F... trách tôi sao quá khinh-xuất, và khuyên lần sau nên đem khí-giói để tự-vệ. Ông nói :

« Biết trước thế nào được ! Một bạn đồng-nghiep của chúng mình, giá không đề-phòng thì tất đã gặp chuyện chẳng lành rồi. Một hôm có người mời ông đi thăm bệnh cho một sản-phụ có mang

9 tháng, ở vào một khu cứ nghe nói cũng đủ rùng mình, lo sợ. Thai nằm ngang, và huyết ra rất nhiều, dạ con thì không chuyển nữa. Như vậy ai cũng thừa hiểu là một « ca » nặng. Nhưng điều đáng ngại hơn hết là phải đỡ ngay tại chỗ, ở một nơi bản-thủ, thiếu vệ-sinh..

Sau khi đánh thuốc mê cho thiếu-phụ, bạn tôi liền xoay thai lại, rồi lôi ra một đứa con trai, còn sống và khỏe mạnh. Nhưng vừa lúc ấy thì huyết lại ra như tưới, nhiều hơn trước, vì đầu tử-cung bị rách.

Ông xanh cả mặt... vội liếc nhìn viên phụ-tá. Ông này hiểu ý, bèn viết mấy chữ cho người cầm lại « Hộ-sinh-viện »

« Xin lại gấp. Đem theo một vật-dụng, không cứ là để làm thuốc và cho xe túc-trực luôn ở cửa »

Cũng may là dọc đường họ không bóc thư ra xem. Trong khi ấy huyết vẫn ra, không sao cầm lại nổi, và sản-phụ nọ cứ tái dần... Được một lát thì người thứ ba lại, chính tôi, giắt theo một khẩu súng lục. Vừa tới nơi thì người đàn bà tắt thở.

Thấy tôi, hai bạn đồng-nhiệp mới yên tâm. Nhưng cũng là lúc mà giờ phút nghiêm trọng bắt đầu. Tiếng khóc than, chửi rủa nổi lên. Thiên hạ bầu lại chật cả hiên hoặc ló đầu ra cửa sổ... Rồi bỗng nghe một câu ghê gớm thốt ra :

— Họ đã giết chị ta rồi!

« Các bạn hãy tưởng tượng hộ mỗi xúc-dộng của chúng tôi khi ấy tới bực nào! Khó mà lấy lời lẽ ngọt ngào để giải thích cho họ hiểu được. Chúng tôi đành nhất nhạnh cho mau các vật-dụng và đi ra phía cầu thang. Nhưng đâu có dễ dàng? Chúng tôi phải lách qua một hàng rào người mặt đầy sát-khí, hung hăng, miệng không ngớt lời nguyện rủa, một bọn đầu trâu mặt ngựa... Nhờ có khẩu súng trong tay nên tôi vững dạ, có vẻ ngạo nghễ nữa là khác.

Khi ra tới đường cái, chúng tôi vội nhảy tót lên xe và cho phóng nước đại. Về tới bệnh-viện, mới hoàn hồn »,

N. H. P.

trích dịch theo

« Une vie de chirurgien »
của A. MAJOCCHI

ĐỂ SỐNG MỘT ĐỜI SỐNG TỰ DO

hằng ngày các bạn hãy đọc

nhật báo TỰ-DO

TIẾNG NÓI CỦA NGƯỜI VIỆT TỰ-DO

Un chant mûrit loin de mes songes (1)
(Chardine)

Ngây sấp qua bên kia trái đất
Nặng vẫn mang hè đốt tịch-dương

Trở về đây
Đá, cây, trăng, giọng để cũng hoang đường
Tươi sống dậy
ý hoa tìm Thề

Lan rơi nét yếu, hồng se lụa
Mai cõi phơi khô tuổi chán chường
Đem trả những thời xa vắng
Biết đời bông gì nở lại yêu đương

Ước sang mùa gieo mới
Nghe đời lên hương
Hình ảnh dâng cao lời ngỏ sáng
Tiếng cũ ngập ngừng chưa hợp điệu uyên-ương
Vương mãi đây ngậm ba kiếp
Giữa xưa nay, ngờ gió lạc biên-cương

Một thoáng ca chiều lơ lửng trắng
Ráng buồn tiếc nhịp thánng năm đi

Ném bút theo tình e vỡ nhạc
Ngủ quên trời tối mọc lưu-ly.

Hòa-Âm số 7

Đ. T.

(1) Tạm dịch theo ý : « Lời ca đã nảy từ đâu, tuy tôi không hề mộng tưởng »

NÈO CAO

TƯỜNG-LINH

Đi lên — lối hẹp, trời thênh-thang
Đốc đứng, cầu treo, núi tiếp ngàn
Quên già-từ em và bỏ lại
Mùa thơ nô-nức hội phong-lan.

Ô hay, thêm một lần tương-biệt
Không nhuộm sâu thương chẳng ngập-ngừng
Quả hẹn vườn em chờ độ chín
Đường ta chim núi đã reo xuân.

Hoa sim nở tím chiều biên-giới
Xa vọng trời Miên cơn gió thổi
Trên kia sao hôm cài đầu rừng
Nhạc suối trầm-mơ reo dưới chân

Gió qua, Đỉnh Gió rung bồm ngựa
Mưa lớn tròn đêm suối lệch nguồn
Trạm nhỏ vắng người xiêu vách núi
Bếp sàn nhỏ lửa mây Khuya Sông.

Đi lên — bóng mát mời chân mời
Sừng-sừng đèo cao hôn mây xanh
Lòng muốn hát lên, lời muốn nói
Với mình, với đá, với ông-mênh...

Dừng đây bản nhỏ nghiêng chiều nắng
Mừng khách trung-châu rộn tiếng khèn
Bữa cơm — cơm của trăm người tặng
Mai về sao quên buồn So-Leng...

T. L.

(Xuyên sơn nhật ký)



NÉT BUỒN

ĐYNH-HOÀNG-SA

Trên mặt hồ hiện-tại
làn nước im-lìm xanh bóng mây
giấc ngủ khá bình yên
tàn cây khê thở dài
từng đợt sóng con lùa gợn nhẹ
và nhạc buồn dĩ-vãng dặt tay qua.

Một buổi mai không tên
vài giòng chữ quên tìm thấy
tiếng gió buồn lao-xao
qua bãi lau hoang vắng tâm-hồn
và nét buồn thoang thoảng
như một làn hương xa.

H. S.

MẤY HÀNG ĐÍNH CHÍNH
ĐỀ GỢI CÁC BẠN XA GẦN

Về bài thơ phổ nhạc
« Chỉ có một lần thôi »
nay đổi là « Người chinh phụ »

TRẦN-VĂN-KHÉ

Tôi không phải là nhạc-sĩ. Không có lân-thông văn-phạm là có thể tự xưng mình là văn-sĩ, thuộc lòng luật trắc-bình là thành thi-sĩ. Tôi chỉ là một nhạc-học-giả, một người nghiên-cứu âm-nhạc. Nghiên-cứu chỉ cần đến óc suy-nghiệm chứ sáng-tác phải cần đến tình-cảm và thiên tư. Tự biết rằng trong con người tôi, phần lý-trí lấn áp phần tình-cảm, nên tôi đã hướng cuộc đời của tôi về công việc nghiên-cứu. Thật ra, tôi không có sáng-tác nhạc mà chỉ phổ-nhạc những bài thơ tôi thích đọc. Ấy chỉ là « ngâm thơ » một cách mới.

Đã ba lần, những bài thơ phổ-nhạc của tôi được đem ra mắt công-chúng, mà tôi không biết trước — hay lúc tôi biết được thì việc đã rồi! — Lần đầu, tôi đưa bài « Đi chơi chùa Hương » cho anh Lê-Thương xem, thì anh cho ca-sĩ Mộc-Lan trình bày — Tôi không quên rằng, nhờ đó mà nhà xuất bản Tinh-Hoa in bài thơ phổ-nhạc và trong lúc tôi đau nặng nằm nhà thương trong mấy năm không phương sanh sống, tiền quyền tác-giả bài nhạc phổ thông ấy giúp tôi sống được mấy tháng. Lần thứ nhì, bài thơ « Giận nhau » của Nguyễn-Xuân-Huy mà tôi phổ nhạc lại do em tôi là Trần-Văn-Trạch trình bày và giao cho nhà xuất bản An-Phú in ra mà không để tên thi-sĩ Nguyễn-Xuân-Huy. Lần thứ ba, đến lượt bài thơ « Chỉ có một lần thôi » của Mộng-Trung do tôi phổ nhạc cũng « để chơi » như hai bài thơ nói trên, từ năm sáu năm nay. Một đoạn quảng cáo đăng trong báo cho tôi biết rằng « nhạc cảnh » của tôi cũng không có tên thi-sĩ như bài « giận nhau » được trình bày, làm tôi giật mình. Tôi nhớ rằng trong lúc em tôi sắp về nước đến chơi với tôi thì anh em hát cho nhau nghe những bài hát mới. Tôi có hát cho em tôi nghe bài « Chỉ có một lần thôi » và khi em tôi về nước tôi có viết thư cho em nó để nhắc rằng tôi không muốn em nó đem ra trình bày hay cho xuất bản một bài nhạc phổ nào với tên tôi. Tôi biết rằng em tôi không bao giờ làm một chuyện ngoài ý muốn của tôi, nhưng có lẽ em nó không được thư tôi hoặc không hiểu ý tôi.

Tôi không bao giờ phủ-nhận một sáng tác của tôi đâu cho sáng tác ấy rất kém về mặt nghệ-thuật.

Nhưng tôi đã không phải là nhạc-sĩ, không sáng tác nhạc — Nhất là một nhạc cảnh! — mà một « nhạc cảnh » mang tên tôi được đem ra mắt công chúng làm tôi ngạc-nhiên. Việc đem nó ra ánh sáng với tên tôi, với cách quảng-cáo ð-ạt làm tôi khổ tâm rất nhiều. Tôi không trách em tôi : chung qui có lẽ vì em nó thương tôi.

Mấy hàng trên đây tôi gởi các bạn xa gần. Chắc các bạn đã hiểu vì sao tôi không chịu trách nhiệm tinh-thần về « nhạc cảnh » ấy.

Paris 5-5-1962

TRẦN-VĂN-KHÉ

Chỉ có một lần thôi

MỘNG-TRUNG

Tình sương nàng đã dậy,
Và bắt đầu soi gương.
Trong mơ còn đọng lại
Thoang thoảng một mùi hương !

*
* *

Hồn vẫn vơ êm ái,
Sẽ chải mái tóc xinh...
Hương tình còn đọng lại,
Trong mắt nàng lung linh !

*
* *

Thầy bóng mình trong gương,
Nhớ bóng ai mà thương,
Thầy mình nên nhớ bóng,
Thầy bóng mình lại thương.

*
* *

Chân nàng mê mãi bước...
Miệng tím tím một mình.
Lòng băng khuâng như đón...
Gió trao hương ngát trinh.

*
* *

Kim nàng may thoãn thoát
Kết lại mây đường tơ.
Tay nàng viết dày đặc...
Ghép lại mây vẫn thơ.

*
* *

Mắt đắm trong khoảng không
Ôn lại phút mơ màng...
Hoa lòng chớm chớm nở...
Êm như một lời thơ.

*
* *

Mắt nàng chớm chớp qua...
Lặng lẽ để đợi chờ...
Đôi bờ cầu áp má,
Êm như trong giấc mơ !

*
* *

Trong giấc mơ triển miên...
Nghe chuông réo ngoài hiên...
Nàng vội vàng ra mở.
Chàng về đã bao giờ !

*
* *

Chỉ có một lần thôi !
Nàng không mong mà đến !
Chàng đã về đây rồi,
Chỉ có một lần thôi !

*
* *

Sáng ra tình giấc nồng...
Ngoài song nắng ửng hồng.
Chàng đâu nàng chẳng thấy,
Chỉ có một mình không !

*
* *

Soi bóng mình trong gương
Thầy bóng mình mà thương !
Thương mình vì nhớ bóng...
Trong đôi mắt còn vương !

*
* *

Chỉ có một lần thôi !
Nàng không mong mà đến !
Chỉ có một lần thôi !
Giấc mơ đã tan rồi

M. T.

(Đã do Trần-Văn-Khê phổ nhạc và nữ ca sĩ
Thái Thanh trình bày lần đầu ở rạp Thanh Bình
ngày 2-5-62)

Phiên buồn

VIÊN-LINH

Thâu đêm soi bóng trên tường
Tay thừa ngón nhỏ tạt buồn vi vu.
Thân khô đứng tháp sa mù
Anh nghe chầm chậm ưu tư xuống rồi.

Trái sầu em hãy ghé môi
Thôi xin giã ngủ thiếp đời cô đơn.
Ngoài kia mưa đỏ bõn chồn
Chợ du mái thấp hơi luồn hoang liêu.

Giọt xa yên tĩnh đáng chiều
Thôi xe một ngựa khê kêu lên đường.
Khuya rồi bóng xế chon von
Đời đang trẻ dại tiếc còn thật đa.

Tay lần mái tóc lụa thừa
Em ơi tàn mộng trai tơ đó rồi.
Đầu nghiêng với bóng chung đôi
Phiên đi nhẹ nhẹ mấy hồi tương lai.

V. L.

Quảng đường lợi

HÈM 18/3 của đường Minh-Mệnh là một ngõ hẻm rộng và ngắn. Trước kia hẻm này thông suốt sang đường Vinh Viễn. Nhưng sau, mấy nhà hiện ở cuối ngõ, lần đất dần dần khiến cho con đường hẹp hẳn lại chỉ đủ cho một người đi bộ đi qua. Cuối cùng anh Tám xích lô viện cớ rằng con đường còn lại này nhỏ hẹp quá chẳng ai thèm đi qua nữa và anh mua giầy kẽm về rào tịt luôn con đường đó để chiếm thêm chừng nửa thước đất còn lại. Có vài kẻ lên tiếng phản đối thì Tám xích lô dễ dãi bảo :

— Tôi hứa với bà con rằng : ai muốn sang đường Vinh Viễn tôi sẵn sàng để cho đi qua nhà tôi.

Thế là sự giao thông bị gián đoạn hẳn vì từ sau đó thì người ta cũng

chưa thấy ai đi qua nhà anh Tám để sang đường Vinh Viễn.

Những gia đình trú ngụ ở đây đều nghèo nàn như những căn nhà tranh của họ. Cả ngõ có chừng mười nhà lập nên theo mười kiểu khác nhau nhưng vật liệu « xây cất » thì hoàn toàn giống nhau : cùng là những thứ dễ cháy.

Mùa nắng, con đường hẻm có nhiều bụi và mấp mô khó đi, nhưng sự cao thấp thất thường của con đường chắc cũng chẳng ảnh hưởng gì đến những bàn chân quen đi bộ của dân xóm.

Mùa mưa, ở đầu hẻm có một vũng lội, trước nhỏ chỉ bằng cái nong rồi dài dần ra có đến ba thước. Mỗi khi

QUẢNG ĐƯỜNG LỢI

mưa to nước tràn khắp ngõ che kín quảng lộ, thê là vũng bùn sâu biển thành một cái bể nguy hiểm cho dân xóm và nhất là những người lạ. Những người đi xe đạp bị trượt bánh loạng quạng như say rượu, những người bán hàng rong vể, trong lúc hấp tấp bước nhăm vào vòng nguy hiểm, hụt đà ngã ngổ xuống đã làm những trò cười cho trẻ con trong xóm. Chỉ có bọn trẻ để ý nhiều đèn quảng đường lộ, những ngày mưa to chúng thường ngồi ở cửa rình xem những pha gay cần, mỗi khi thấy có kẻ gặp nạn chúng lại tha hồ cười reo. Dân xóm thì vẫn chưa để ý nhiều đèn chỗ lộ.

Một hôm, sau trận mưa lớn, đường còn trắng nước, ông thợ mộc ở trong xóm thẳng bộ đồ vĩa hấp tấp đạp chiếc xe đạp đi dự đám cưới của đứa cháu gái. Trong lúc vội vàng và có lẽ đầu óc còn đang mải nghĩ đến bữa nhậu sắp được dự, ông thợ mộc vô tình không ngờ mình đang tiến đến vùng nguy hiểm. Thấy thê lũ trẻ hồi hộp chờ. Bánh xe đạp đang rẽ nước phẳng phẳng bỗng ngum xuống thật thình lình ở đầu ngõ. Bùn quánh níu chặt bánh xe lại, chiếc xe đứng ì ra. Ông thợ mộc dùng hết sức nhả vào bàn đạp nhưng chiếc xe chưa kịp tiến lên thì đã sửa soạn đổ xuống rồi. Túng thê ông già đành dơ hai chân ra. Chiếc xe ngã vể bên trái và cẳng trái ông già trượt xuống bùn đến đầu gối, chiếc giầy tây mới lau bóng biển mặt trong bùn và nước, gấu quần bên trái cũng ướt sũng nước. Giá trị của bộ lễ phục

thê là tan tành. Lũ trẻ cười rú lên. Ông thợ mộc nhẩy lò cò một chân vào chỗ khô rồi ngao ngán nhìn chiếc giầy lâm nạn. Rồi ông chửi thê âm ỉ đến nỗi bọn trẻ đâm hoảng sợ, tịt cười. Sau một hồi gột rửa vô hiệu quả ông thợ mộc đành trở vể thay giầy. Chắc hôm ấy ông thợ mộc đã phải mồm giải thích cho những người đến dự tiệc về lý do khiến ông phải đi dép cao su đến ăn cưới.

Hai hôm sau một tai nạn thảm khốc hơn xảy ra. Thằng con trai tám tuổi của chị ba Sỏi Chè trong lúc tắm mưa đã bị ngã xuống vũng lộ và bị sai khớp xương tay. Mọi người đổ ra, kẻ lau mình cho thằng bé, kẻ đưa nó đi nhà thương. Những người còn lại bắt đầu nói về sự nguy hiểm của vũng lộ. Câu chuyện không may của ông thợ mộc cũng được nhắc lại đầy đủ chi tiết và chính đương sự cũng có mặt tại đây để than thở về tai nạn của mình. Già Hời còn kể thêm rằng có nhiều người đã bị sa hồ, chính mắt già được chứng kiến, điều đó cho chúng ta thấy rằng ông già này cũng còn nhiều thanh niên tính, chắc đã có nhiều phen ông ta cười góp với bọn trẻ. Già Hời nói:

— Phải lấp cái chỗ này lại.

Ông thợ mộc đồng ý ngay:

— Đúng vậy. Nhất định phải đắp đất cho cái hồ này đầy lên mới được.

— Nhưng ai đắp?

Câu hỏi thực tế và hơi ngang ngang ấy là của bác Hậu thợ nề, bác thường làm việc với các chủ thầu nên lấy được thói quen tính toán cẩn thận. Ông thợ mộc trả lời:

— Khó gì. Minh kêu gọi dân xóm góp nhau mỗi người một chút là đủ. Nếu ít tiền ta chỉ đổ độ một xe đất. Nếu dư giả ta có thể mua thêm ít đá sỏi.

Bác Hậu nói:

— Chỗ này cũng phải đền hai xe đất. Ta cũng phải tính một công lèn đất cho chắc.

Mọi người đồng ý ở giải pháp thu tiền dân xóm để mua đất lấp hồ. Nhiệm vụ thủ quỹ người ta định giao cho ông thợ mộc nhưng sau đó có kẻ ngầm tố ý nghi ngờ ông ta vì ông ta có tật ham mê đánh cá ngựa. Già Hời liền được cử ra giữ nhiệm vụ này vì già tỏ ra sốt sắng, vả lại đạo đức của già có thể gọi là hoàn toàn nếu già bỏ được cái tật hay uống rượu.

Việc thu tiền của già không được trôi chảy lắm. Chị Ba Sôi Chè nói rằng chị đang thiếu tiền lo thuốc thang cho đứa con, không đóng góp gì được. Ông Đội Hòa thì đi vắng luôn, già Hời đến nhà ông ta nhiều lần nhưng không gặp. Tám xích lô thì nhất định tỏ ra ngang bướng, anh ta nói rằng chỉ còn mấy tháng nữa là tới mùa nắng vả lại cái vũng lợ ấy không có ảnh hưởng gì đến cuộc đời của anh ta cả. Để chứng tỏ điều ấy, từ hôm sau, Tám xích

lô, mỗi lần về tới hẻm lại đạp xe phăng phăng qua vũng lợ làm bùn bắn tung toé. Tuy nói thế nhưng trong thâm tâm Tám xích lô cũng cảm thấy không ưa cái vũng bùn đó. Sau mỗi lần tỏ ra coi thường quãng đường lợ anh Tám lại phải một phen lau xe mỗi tay. Anh hy vọng rằng dù không có sự đóng góp của anh người ta vẫn có thể lấp cái vũng đó được.

Công cuộc sửa sang đường sá hẻm 18/3 vì sự ngang bướng của vài người thành ra bị chậm trễ. Già Hời cảm tiền lâu quá thì đâm ra sốt ruột. Một buổi tối già lân la ra quán cà phê ở đầu đường. Mới đầu già ngồi xem người ta đánh cờ tướng, rồi già gọi một chai bia. Hết chai bia đó mặt già Hời đã đỏ bừng. Già gọi luôn hai chai nữa với đủ đồ nhắm ngồi ngật ngưỡng đánh chén một mình. Hơn nửa số tiền đóng góp của dân xóm biến thành bia và đồ nhắm chui cả vào bụng ông già thủ quỹ mà đạo đức chỉ sơ hờ ở có mỗi khía cạnh nhạt nhẽt.

Gần mười giờ đêm kẻ thực kết ấy mới loạng choạng ra về, miệng nói lầm nhảm. Tới quãng đường lợ, nơi đã gián tiếp tặng ông già một bữa nhậu há hê thì ông già vờng gạch ngã kênh ra đất, nằm luôn đây mà rên rĩ, ý hẳn muốn đem tâm thân già ra lấp đầy cái hồ để đền nợ dân xóm. Nhưng dân xóm không dám nhận sự hy sinh ghê gớm ấy, thầy già Hời nằm mê man vì men rượu họ dành

QUANG ĐƯỜNG LỢI

phải khiêng già về lấy nước chanh đổ vào miệng cho tỉnh.

Sau bữa đó già Hời lờ hẫn cái việc thu tiền sửa đường, có ai hỏi thì già đổ lỗi cho mấy kẻ đóng tiền chậm và ông già nhất định đánh bài cù nhằng, quyết nợ luôn.

Quang đường lợi càng ngày càng dài rộng và nguy hiểm thêm. Và thêm vào câu chuyện than thở cái ngõ lợi của dân xóm còn có việc thụt két để ăn nhậu của già Hời.

Một hôm ông Đội Hòa trở về xóm sau một thời gian đi chơi xa. Ông Đội đã gần sáu mươi tuổi mà vẫn còn có vẻ khỏe mạnh hăng hái. Ông làm đội trong thời Pháp và bây giờ không phải làm gì vẫn được ăn lương. Đòi với dân trong hẻm này ông Đội là người hiểu biết nhất và đáng kính nể nhất. Buổi chiều hôm ấy ông đi thăm sức khỏe mọi người trong xóm, đến đầu ngõ thì ông nhìn thấy quang đường lợi. Ông đội Hòa dừng lại, thọc chiếc ba-toong xuống một chỗ sâu nhất.

— Chà ! sâu quá !

Ông nhìn mấy người đang ngồi chơi trước hiên nhà gần đây, nói :

— Đề vậy đâu được, nguy hiểm lắm, phải chữa quang đường này mới được.

Sợ ông Đội dón trách nhiệm cho mình, một trong những người ở gần vũng lợi, bác Hậu vội nói :

— Ấy, chúng tôi đã góp tiền để sửa nhưng...

Bác Hậu kể lại mọi việc và nhấn mạnh ở cái sự già Hời thụt két. Nghe xong ông Đội Hòa bảo :

— Việc gì phải đóng góp để sửa, đây là đường của nhà nước mà. Cái này thì bộ Công Chánh phải chịu trách nhiệm. Mình phải làm đơn đòi họ sửa chữa mới được.

Thế là tối hôm ấy, những tay tai mắt trong xóm, những người già cả khôn ngoan đều tụ tập ở nhà ông đội để nghe ông chỉ cách đòi nhà nước sửa cho vũng lợi. Mặc dầu hạnh kiểm mới có một vết đen quan trọng già Hời cũng được mời tới dự phiên họp này. Mọi người ngồi quanh chiếc bàn gỗ, những người đến sau thì an tọa trên giường. Ông đội già đứng, tay chống ba-toong hùng hồn nói :

— Mình là dân, mình đóng thuế cho chính phủ (ông đội không để ý đến 99 % dân xóm không hề đóng một thứ thuế gì cả) thì chính phủ phải có nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi của mình chứ. Tôi hỏi các ông chứ nếu chính phủ không giúp đỡ dân thì chính phủ làm cái mớ gì bây giờ ?

Ông đội ngừng lại nhìn mọi người. Phán mở đầu bài diễn văn của ông đã làm cho dân xóm có vẻ hăng, ông tiếp :

— Về vụ cái ngõ lợi của chúng ta tôi đề nghị với quý ông là mình sẽ làm đơn gửi lên bộ Công chánh bắt họ sửa cho mình. Nhiệm vụ của họ là như vậy. Họ không làm không được, không làm thì không xong với

minh. Minh là dân, mình phải đóng thuế...

Nghe giọng nói hùng dũng của ông Đội Hòa người ta có cảm tưởng là ông sắp sửa tóm cổ chính phủ, bắt chính phủ phải đổ đất cho hết quăng đường lội ông mới hài lòng để cho chính phủ yên, không tra khảo về món thuế tưởng tượng mà ông thường phải đóng.

Cuối cùng, sau khi đã thuyết trình đã đời về quyền công dân ông đội và các vị thân hào, thân sĩ trong xóm đi đến giai đoạn viết đơn gửi bộ Công Chánh, đây là trở lực đầu tiên trong việc dân xóm bắt chính phủ bảo vệ quyền lợi của họ.

Ông đội Hòa tuy rất hiểu về quyền công dân cũng như luật pháp nhưng cũng có vẻ mù mờ trong việc làm đơn. Ông nói rằng vì phải sống nhiều với người Pháp, nói toàn tiếng Pháp và ăn nhiều súp nên chữ nghĩa của nước nhà trong mình ông chẳng còn là bao. Mọi người đành cùng góp ý để thảo đơn, nhưng vốn liếng văn tự của tất cả cũng lại không dư giả gì, thêm sự bất đồng ý kiến nên việc viết đơn kéo dài đến khuya. Có người mệt quá xin phép về trước vài người giữ ý hơn không muốn bỏ dở cuộc họp thì nằm ngủ ngay ở giường của ông đội.

Bản đơn được thảo xong, dài kín ba trang giấy tập, trong đó, trước khi xin được sửa vũng lội, dân xóm đề cập nhiều tới các tai nạn do vũng lội gây ra. Bằng những lời bi thảm họ kể lại cái ngã sai khớp

xương tay của thằng bé con chị Ba Sôi Chè, những vụ ngã xe cũng được kể đến nhưng sợ rằng sự bản quán áo được coi là tầm thường nên họ đều cho các nạn nhân bị thương hết, kể toạc chân, người chảy máu đầu. Ông thợ mộc thì gãy một cái răng. Già Hời cẩn thận nói rằng nên chua thêm, sau đoạn kể tai nạn, là tất cả những nạn nhân, trừ con chị Ba, đều đã khỏi rồi, như thế nếu người ta có điều tra mình cũng không mang tiếng là nói dối. Còn việc chứng thật rằng ông thợ mộc bị gãy răng thì chẳng có gì là khó vì ông ta mới bẻ một chiếc răng sâu.

Lá đơn ba trang giấy đó được gửi đi. Ông đội cam đoan rằng chỉ ba hôm chầy lắm là năm hôm công việc thỉnh cầu của dân xóm sẽ có kết quả mỹ mãn. Dân xóm chờ đúng nửa tháng không thấy gì. Người ta bắt đầu nghi ngờ sự hiểu biết của ông Đội khiến ông tức tởm đứng ngồi không yên. Ông quyết một phen cùng dân xóm mở đầu chương trình công kích chính phủ. Cuộc hội họp lần này có vẻ trang trọng bí mật, đáng sợ hơn lần trước. Mọi người nhìn nhau bằng con mắt lừ lừ. Lần này ông đội thết khách bằng bia, củ kiệu và khô mực nên vẻ yên lặng khác thường lại được kéo dài cho đến lúc hết củ kiệu, hết khô mực.

Ông đội tuyên bố :

— Ta phải đưa vụ này lên mặt báo. Phải nhờ báo chí can thiệp mới xong. Bây giờ mình hãy kiếm một người đại diện.

QUẢNG ĐƯỜNG LỢI

Mày chai la-de làm cho tất cả đều hăng, họ nhao nhao lên :

— Đề tôi.

— Tôi có thể đại diện cho tất cả được.

— Các ông cứ tin ở tôi.

Ông đội Hòa chậm rãi :

— Thôi, thôi. Xin các cụ các ông đừng hấp tấp thế... Người đại diện phải ăn nói được, phải sử sự cứng rắn, nếu không thì... nguy hiểm lắm !

Nghe thấy hai chữ « nguy hiểm » men bìa trong đầu mọi người đã tiêu tan một phần nào nên sự im lặng trở lại. Rồi dần dần mọi người thì nhau từ chối. Già Hời nói năng chậm chạp có vẻ từ chối không hăng được bằng mày ông bạn già nên suýt bị cử đi làm đại diện. Sau ông thợ mộc đề nghị :

— Hay ta lại viết đơn gửi đến các báo thì tiện hơn là cử người đại diện. Thằng cháu nhà tôi chiều nào cũng đi lấy báo bán ta cứ đưa cho nó gửi hộ đỡ tốn tiền tem mà lại nhanh.

Ý kiến hay và hợp với tâm trạng mọi người nên được tán thành ngay. Những lá đơn gửi cho nhà báo dài hơn lá đơn gửi cho bộ Công Chánh hẳn một trang.

Ít lâu sau có vài phóng viên nhà báo về hẻm 18/3 để điều tra. Vì họ đến vào ngày nắng nên ngơ ngác mãi, sau phải nhờ dân xóm chỉ họ mới tìm ra vũng lợ. Nhiều phóng viên tỏ vẻ thất vọng trước sự bé nhỏ của

quảng đường hẻm. Một chàng có đem theo cả máy ảnh để định chụp nơi nguy hiểm ấy, chán nản nói với dân xóm :

— Các ông muốn kêu nài có kết quả thì phải đào trong hẻm thêm vài cái hồ nữa ít nhất cũng phải rộng và sâu gấp ba cái hồ này thì mới được.

Nói xong chàng xách máy ảnh về hậm hực như bị hụt một tin quan trọng.

Nhưng cũng có một tòa báo chịu giúp dân xóm. Đó là một trong những tờ báo xuất bản ít nhất. Ông chủ nhiệm của tờ báo này muốn đọc giả để ý đến báo của ông nhiều hơn nên ông cho viết bài công kích sự thiếu sót của chính quyền đối với đời sống của dân nghèo liên tiếp trong ba ngày và đề tài chính là cái vũng lợ của hẻm 18/3. Trên báo cái vũng lợ được sâu xuống thêm chừng một thước, sỏ nạn nhân được tăng lên, trong đó có nhiều người vì ngã ở vũng bùn, trầy da bị sài uồn ván đã uổng mạng một cách thật là oan ức.

Thế rồi, một hôm, dân xóm vui mừng và kinh ngạc thấy ba bồn chiếc xe vận tải chở sỏi đá đến đậu ở đầu hẻm. Từng đồng đá được trút xuống cao vợi vợi, rồi rất nhiều ống công ciment cũng được chở đến la liệt ngoài lộ. Có lẽ bộ Công Chánh đã để ý đến vụ này, đã cho người đến điều tra. Nhưng vũng bùn, thực ra chỉ cần hai xe đất, như lời Hậu thợ nề nói, là có thể san bằng. Không lẽ lại xuất quỹ để chỉ mua hai xe

đặt cho dân xóm. Bộ quyết định đành sửa hẳn con đường này thành một con lộ nhỏ trải nhựa thông sang đường Vĩnh Viễn, làm thế mới thực bỏ công và chắc dân xóm không còn kêu nài vào đâu được nữa.

Dân xóm khoái thực, họ hớn hở nhìn nhau như những kẻ vừa thắng một trận giặc lớn. Những đứa trẻ con trèo lên ống công, trèo lên những đồng sỏi đá để đùa nghịch tưởng như đang được sử dụng những chiến lợi phẩm của cha mẹ chúng. Lúc nào họ cũng có thể nói với nhau về sự tranh đấu thắng lợi vừa qua. Họ nhìn vững lợi nhỏ bé rồi nhìn những đồng đá lù lù, có thể lập kín hàng trăm vững lợi ấy, và cảm thấy kiêu hãnh.

Một hôm, khi công cuộc sửa chữa ngõ hẻm vừa bắt đầu, ông đội Hòa mời những vị đã có công tranh đấu đền nhà ông dùng cơm. Trong khi chén say sưa họ thi nhau ca tụng quyền lợi của người dân. Cuối cùng ông đội nói :

— Nhân hôm nay anh em mình hội họp đông đủ cả tôi xin có lời chào tạm biệt. Tôi bán căn nhà này và ra ở Đà-Lạt với thằng cháu để dưỡng lão, khí hậu ở đây không hợp với tôi.

Mọi người tỏ vẻ buồn ngùi. Chợt Hậu thợ nề cũng lên tiếng từ giã :

— Cháu cũng sắp dọn nhà lên khu Bàn cờ, lên đây cháu đi làm gần hơn, ở đây xa quá...

— Này, anh Hậu lên bàn cờ đây hả — già Hời vội hỏi — anh ở khu nào đây có gần nhà thương không...

— Dạ ngay sau lưng nhà thương.

— Ô hay quá ! thế thì ở gần nhà tôi rồi, tôi cũng mới mua nhà trên đó.

Sau già Hời một vài người nữa cũng thú thật rằng mình sắp dọn nhà. Tất cả cùng nhìn nhau, nghi ngờ, ngạc nhiên. Nhưng rồi họ cũng yên lặng thỉnh thoảng nói vài lời từ giã nhau. Cho đến lúc tiệc tàn không ai chịu thú thật rằng họ đã bán nhà được giá đắt gấp hai. Những người đến mua nhà ở xóm này hình như không hề để ý tới giá cả, họ mặc cả qua loa cho phải phép khiến nhiều người còn luyến tiếc chỗ ở cũ cũng ngần người trước số lời quá lớn, rồi đành ưng thuận bán vậy.

Hai tháng sau hẻm 18/3 đã biến thành một con đường nhựa nối hai đường Minh-Mệnh và Vĩnh-Viễn. Hai bên đường những căn nhà hai, ba tầng, những cửa hiệu nằm san sát. Những khung cửa sắt, những tủ kính phô bày tất cả vẻ giàu có của dân phố.

Dân hẻm thì đã dọn đi hết, không sót một gia đình nào. Tất cả thay đổi nhanh chóng như gặp sự mầu nhiệm của phép tiên. Giữa sự ồn ào tấp nập của con đường mới, người ta không thể nhớ lại rõ ràng những chi tiết về con đường hẻm, những người trong xóm, bây giờ mỗi người một nơi, cũng khó có thể nhớ ra trước kia nhà mình ở chỗ nào. Vững lợi cũng như con đường đất gồ ghề đã hoàn toàn biến mất dưới lớp nhựa mới mẻ, nhẵn nhụi.

Ngay cả chiếc bảng gỗ bong sơn ghi hàng chữ : « Hẻm 18/3 » bây giờ cũng đã được thay bằng cái biển ghi tên đường vuông vắn, rõ ràng.

QUAN NIỆM HỘI HỌA

do NGUYỄN-NGU-Í phụ-trách

IV

✧ TÚ-DUYÊN

Tên thật : Nguyễn-Văn-Duyên.

Sinh ngày 20-12-1919 tại làng Bát-Tràng, tỉnh Bắc-Ninh (Bắc-Việt).

Học dở dang trường Cao-đẳng Mĩ-thuật Hà-Nội (cùng một lớp với : Nguyễn-Huyền, Văn-Giáo, Nguyễn-Sĩ-Ngọc, Nguyễn-Thị-Kim).

Từ già trường, mở ngay phòng vẽ tại Hà-Nội (.)

Được một năm thì vô Nam vì tánh thích đi xa. Mở phòng vẽ ở đường Lagrandière (bây giờ là Gia-Long).

Đã chọn từ lâu ngành Thủ ấn họa, và từng phụ làm Thủ ấn với họa sĩ Nguyễn-Văn-Tị.

Miệt mài mãi, năm 1943, mới thành công.

Đã triển lãm ở : Sài - Gòn và Đà - Lạt

(1953) Hà-Nội và Hải-Phòng (1954), Sài-Gòn (1956), Huế, Đà-Nẵng và Nha-Trang (1958), Sài-Gòn (1960), Đà-Lạt (1962).

Đã tham dự các cuộc triển lãm ở : Nhật-Bốn, Mã-Lai, và Mĩ-Quốc.

Đã nói chuyện về Thủ ấn họa tại : Sài-Gòn (1956), Huế (1958), Nha-Trang (1958), Đà-Lạt (1962).

Đã được giải thưởng : Tuần lễ Văn-nghệ (1955), Tết Cộng hòa (1956), Triển lãm mùa Xuân (1960).



Tú-Duyên

— Có phải anh là người tiên phong trong ngành thủ ấn họa ?

Anh gạt đầu.

— Thủ ấn họa là một ngành mới trong Hội họa nước nhà. Mới, nhưng mầm móng đã có từ trước. Anh cho phép tôi dài dòng một chút.

« Ta từ xưa có phương pháp mộc bản, dựa theo cách thức của Tàu. Ở Bắc-Việt, có làng Hồ là nơi sản xuất loại tranh Tết bình dân, người ta dùng mo cau phết mực trên bản khắc gỗ rồi ấn trên giấy.

« Có một đạo, trường Cao đẳng Mĩ thuật Đông-Dương ở Hà-Nội đã thử dung hòa kĩ thuật cổ truyền với đề tài mới mẻ. »

Tôi vội ngắt lời anh.

— Có phải những bức tranh khắc bản gỗ mình họa một số cảnh, người... trong Kiều in trong tập Văn Họa kỉ niệm Nguyễn-Du xuất bản năm 1942 là những thí nghiệm của họ ?

— Phải. Chính các anh Nguyễn-Gia-Trí, Lương-Xuân-Nhị, Nguyễn-Tường-Lân, Nguyễn-Đỗ-Cung, Tô-Ngọc-Vân, Trần-Văn-Cẩn, Phạm-Hầu, Lê-Văn-Đệ, Tôn-Thất-Đào, Nguyễn-Văn-Ti, Lưu-Văn-Sin, mười một anh này đã tự tay khắc lấy bản gỗ, tự pha lấy màu và tự in ra.

— Còn phương pháp của anh có gì khác ?

— Tôi dung hòa lối của ta với lối nước người, chế ra lối thủ ấn họa của mình. Thay vì một bản khắc chỉ được một màu, tôi có thể dùng nhiều màu trên một bản gỗ. Ngoài ra, còn thêm phần dụng

công : tôi dùng những ngón tay để làm bút tô màu lên bản gỗ.

— Anh thành công năm nào ?

— Miệt mài mãi, đến năm 1943, tôi mới tạm cho mình thành công phần nào, với tác phẩm đầu tay, đó là bức tranh thủ ấn « Phan-Thanh-Giản »

— Họa phẩm này có được hoan nghinh không anh ?

— Tôi không dám nói là ~~đã~~ được hoan nghinh, nhưng nó đã được các báo mười chín năm về trước để ý, giới thiệu với đồng bào và khuyến khích tôi. Tôi còn nhớ có ba tờ báo thời ấy đã đặc biệt tỏ cảm tình với việc tôi đeo đuổi, đó là tờ « Thể thao Đông-Dương », tờ « Thanh niên », và một tờ báo Pháp, tờ « l'Impartial »

— Còn các người trong nghề ?

— Tôi cũng đã được nhiều vị giáo sư hội họa nâng đỡ, khuyến khích, và kĩ thuật thủ ấn họa của tôi cũng có phần cải tiến, song như anh biết, nghệ thuật thì vô biên, mà tài sức mình thì có hạn.

— Thế thì anh có mong gì chăng với lối đi riêng biệt của anh ?

— Tôi chỉ mong có một điều, là nghệ thuật thuần túy Việt này sẽ được vang dội ở quốc tế.

Anh nhìn ~~ra~~ cửa sổ.

— Hội họa nước nhà hiện có tiến triển, nhưng chưa được tiến triển mấy. Cho nên tôi mong có nhiều nhà phê bình về hội họa tiếp tay với chúng tôi. Tôi lại còn mong có các vị Mạnh-Thường-Quân, các nhà « lái tranh » biết « khai thác » họa sĩ cũng như tác phẩm của họ



Trần-Bình-Trọng

để những người chân thành quyết sống chết với Hội họa có phương tiện và bầu không khí mà sáng tác. Chưa hết, anh à. Tôi mong có một viện Hội họa thu góp những tranh đã có từ trước đến nay của các họa sĩ quá cố cũng như của các họa sĩ đương thời có tiếng, để những người trong giới xem xét và học hỏi, để những ai yêu nghệ thuật có nơi quan sát, so sánh. Sau cùng, tôi mong được đọc những tác phẩm của ngoại quốc nói về Hội họa dịch ra tiếng Việt để rộng tầm hiểu biết.

Anh mời tôi dùng với anh một tách nước trà. Tôi vừa uống vừa nhìn mấy bức tranh thủ ấn treo ở tường mà đề tài mượn ở truyện Kiều, ở Chinh phụ

ngâm, ở lịch sử, và ở ca dao. Tôi hỏi anh lí do việc chọn đề tài. Anh chậm rãi đáp :

— Vì tôi nghĩ rằng phong trào dân tộc đang lên ở nước ta cũng như ở các nước khác ở Á-Đông. Họa sĩ Nhật đã đi trước ta, và trong các họa phẩm của họ, họ đã đánh dấu được một cái gì cho dân tộc họ.

« Cho nên tôi mượn đề tài ở lịch sử, ở các tác phẩm dân tộc, ở ca dao...

« Về Kiều, tôi cố ý Việt hóa cả nhân vật, y phục và cảnh trí. Ý tôi muốn tỏ cho người ngoại quốc biết tác phẩm bất hủ này là công trình tái tạo của một thiên tài đã đem cái duyên dáng của dân tộc Việt, cái cá tính của mình để biến quyển tiểu thuyết Tàu tầm thường thành một áng thơ Việt bất hủ.

« Tôi minh họa các câu ca dao vì chúng man mác hồn quê, và gợi tình hoài cổ.

« Còn về lịch sử, là tôi mong ghi lại tinh thần ái quốc cao cả của các tiền nhân và để góp phần cho những ai sau này muốn tạc tượng các anh hùng nước Việt. »

— Vậy khi vẽ tranh « Thà làm quỷ nước Nam », anh...

— Ta không có một hình một tượng gì của Trần-Bình-Trọng cả. Nhưng khảo sử, tôi được biết ông khi chết chưa quá bốn mươi, đang thời cường tráng. Một kẻ thất thế mà thốt câu đầy khí phách ấy phải là một người gân guốc, tâm hồn khỏe mà thể xác cũng khỏe. Cầm bệnh, mày rậm, mắt to là tướng của kẻ hùng, tôi căn cứ theo tuổi tác, theo thái độ

trước cái chết và trước mỗi phú quý để hình dung con người của kẻ bất khuất ấy. Tôi để ông ở trần, để giới thiệu cái ngực nở nang, cánh tay gân guốc. Sau ông, là thành quách cháy, hình ảnh của sự tàn phá dã man của quân Mông-Cổ, dưới chân ông là cây đao nằm, tượng trưng sự thất thế. Hai tay bị trói, nhưng toàn người ông tiết ra một sự hiên ngang, hùng dũng không bờ, bất chấp tan tành sau lưng và cái chết trước mặt.

« Tôi thích nhất tranh lịch sử này vì nó nói được — tự nhiên là trong mắt tôi — cái sống trong cái chết. Và chính cái chết oai hùng này mới mang đến cho Hưng-Đạo-Vương cái thắng vẻ vang sau này. Quân Mông-Cổ đã thấu tình thần quyết chiến của dân tộc Việt ta qua thái độ và lời nói của ông ; tướng binh và dân ta vì cái chết vinh diệu ấy mà càng thêm phần khời. Anh thử nghĩ Trần-Bình-Trọng mà chịu làm vương đất Bắc thì vận nước biết đâu chẳng đổi thay.

Anh lặng im một phút.

— Nhưng nhìn lại, những công việc tìm tòi cũng như sáng tác của tôi chỉ mới là một hạt cát trên bãi biển Hội họa.

— Anh tha thiết đem dân tộc tính vào tranh với lối vẽ, với đề tài, với cả vật liệu, hẳn là đối với tính cách quốc tế...

Anh đưa tay ra, thân mật: chặn lời tôi.

— Anh quên rằng Hội họa là tiếng nói quốc tế. Cũng như tác phẩm là tâm hồn nghệ sĩ hiện lên theo nét theo đường



Kiểu

theo màu theo sắc, thì về Hội họa, nói chung, mỗi quốc gia vẫn có hẳn một sắc thái riêng biệt. Riêng tôi thì tôi chẳng thấy có gì trái ngược cả về hai điểm : phải có dân tộc tính và cần phải được quốc tế hóa.

« Trọng cái mới, cái lạ, cái hay của người đem lại, nhưng cũng phải thương, phải kính cái cũ có chân giá trị. Và những bức tranh cổ của Trung-Hoa vẫn được dân họ nâng niu mà cũng được người ngoại quốc khen ngợi ».

Một đứa con trai anh bước ra chầm nước. Tôi chợt nhớ đến nhà họa sĩ lên mười ba đã từng triển lãm tranh và được báo chí nước nhà khuyến khích và một tạp chí nhi đồng Nhật giới thiệu.

— Cháu Nguyễn-Văn-Bùi vẫn quyết đi theo ngành hội họa ?

CUỘC PHÒNG VẤN VỀ QUAN NIỆM HỘI HỌA

— Cháu vẫn quyết.

— Thế anh có định truyền những bí quyết về thủ ấn họa cho cháu ?

Anh cười.

— Cháu thích vẽ sơn dầu. Anh nhìn xem vài bức cháu vẽ tĩnh vật đây. Màu của cháu «bạo» hơn của tôi nhiều. Cha một đường, con một nẻo !

Chúng tôi cùng mỉm cười và tiếp tục uống trà gọi lại đôi kỉ niệm chín năm về trước, khi tôi phỏng vấn anh cho nhật báo «Phương-Đông».

Rồi anh như sực nhớ :

— Xúi nỡ tôi quá trả lời câu đầu anh hỏi trong thư. Về xu hướng hội họa nước nhà đó mà. Theo chỗ tôi thấy thì hiện nay hội họa ta có xu hướng

«Mới» là đang được chú ý nhất. Nhưng cái «Mới» của chúng ta đây chưa phải là một sáng kiến, một khám phá gì mới mẻ, mà chỉ dựa vào những cái gì đã có của người — hiện giờ hay xưa cũ — mà thêm bớt vào.

« Riêng tôi, tôi rất thích tìm tòi những cái gì mới, nhưng lại thích cái Mới trong cái Cũ, nên tôi làm lùi theo thủ ấn họa».

Đưa tôi ra đường, anh còn nói :

— Nói thế, nhưng có lẽ vì thuở nhỏ, những bức tranh Tết «Cóc dạy học trò, Đám cưới Chuột, Gà, Lợn...» in sâu vào tâm não tôi, thêm vào cái rủi không được diu dặt đến nơi đến chốn tại trường Cao đẳng Mĩ thuật khiến tôi lại tìm một lối có thể nói là chẳng ai đi.

NGUYỄN-NGU-Í thuật



★ TẠ-TY

Sinh năm 1922 tại Hà-Nội.

Tốt nghiệp Trường Cao-đẳng Mĩ-Thuật Đông-Dương năm 1943.

Đã có những tác-phẩm gửi đi trưng bày tại những phòng Triển-lãm quốc-tế: Tokyo, San-Francisco, New-York. . .

— Tác phẩm « Nắng Hè » (Tân-Ấn-tượng) được giải thưởng tại phòng Triển lãm Duy-nhất (Salon Unique) 1943.

— Tác phẩm « Hoa-đăng » (Siêu thực) được giải thưởng của hội Báo chí Việt-Nam, 1946.

— Trưng bày 60 tác phẩm Lập-thể tại Hà-Nội năm 1951.

— Trưng bày lần thứ I tại Sài-Gòn trên 60 họa phẩm Lập-thể, 1956.

— Trưng bày lần thứ II tại Sài-Gòn gần 60 họa phẩm từ Lập-thể tới Trừu-tượng (1961).

— Dự định trưng bày lần thứ III tại Sài-Gòn, gồm 50 họa phẩm Trừu tượng mới nhất vào năm 1966.

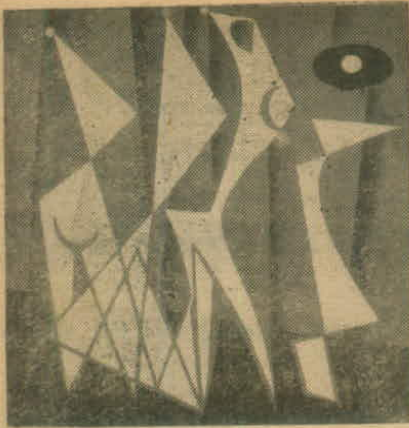
Ngoài công việc vẽ còn viết truyện ngắn và làm thơ.

I) — Hội họa Việt-Nam hiện có nhiều xu hướng từ Ấn-tượng tới Trừu-tượng, nhưng tất cả đang ở giai đoạn tìm tòi và khai thác. Riêng tôi, từ 18 năm nay đã chọn con đường Hội-họa mới. Tôi đã đi qua trường Ấn-tượng, Tân Ấn-tượng, Lập-thể, Siêu-thực và trong 6 năm gần đây tôi vẽ tranh Trừu-tượng.

II) — Vấn đề Dân tộc tính hay Nhân loại tính ở trong địa hạt Hội-họa, theo ý tôi không quan trọng, điều quan trọng: tác-phẩm có đẹp? có nói lên được cái gì ở trong một kích thước hạn định? và có thỏa mãn được sự đòi hỏi của Tiến-bộ hay không?

Ngày nay chúng ta biết Hội-họa qua kĩ thuật Tây-Phương. Chúng ta đã có những ọa-sĩ nhà nghề do Trường Mĩ-thuật đào tạo liên tiếp từ mấy chục năm.

Cũng vì được đào tạo với phương pháp Tây-Phương nên những họa phẩm Việt-Nam đều mang nặng kĩ thuật tạo hình của Tây-Phương, ngay cả ở những họa phẩm vẽ trên lụa hay sơn mài mà có người nhầm tưởng là ở hai loại trên có Dân-tộc tính; chính thực, chúng chỉ được cấu tạo một phần bằng nguyên liệu Việt-Nam còn kĩ thuật diễn tả hoàn toàn theo lẽ lối Tây-Phương. Sự kiện này chẳng làm chúng ta ngạc nhiên, vì kĩ thuật Hội-họa Tây-Phương đã lan tràn trên khắp mặt địa cầu từ nửa thế-kỉ nay. Nước Nhật, một quốc-gia đã có nền Họa cổ điển rất riêng biệt, mà từ lâu các họa-sĩ Nhật hầu hết đều vẽ tranh sơn dầu là loại tranh xuất xứ tại Âu-Châu, hơn nữa, họ cũng vẽ đủ trường phái để theo kịp đà tiến hóa của Nghệ-thuật.



Nhạc Calypso

(Hòa sắc Đỏ, Trắng, Xám, Đen)

Vì lí do trên, chúng ta chỉ biết rằng những tác phẩm Hội-họa do các họa-sĩ Việt-Nam sáng tạo là tinh hoa của dân-tộc Việt - Nam đóng góp vào khu vườn Mĩ-thuật Nhân-loại và người thưởng ngoạn bất cứ ở không gian nào vẫn có thể cảm thấy linh hồn Việt-Nam tự động trong một kích thước nào đó, trong một hòa sắc, hình thể nào đó, đủ cho họa phẩm ấy thuộc loại nào, như vậy, tôi thiết tưởng chúng ta đã có tinh thần Dân tộc trong Hội-họa.

III) — Trong 18 năm say mê theo đuổi con đường Hội-họa mới, tôi đã tìm kiếm và khai thác khả năng của Hội-họa qua các trường phái, kết quả làm tôi sung sướng nhất là nhìn thấy nền Hội-họa mới Việt-Nam đang lớn mạnh trong tay những họa-sĩ trẻ và dân chúng đã bắt đầu tìm hiểu cũng như định cho nó một giá trị, một vị trí.

Hôm nay tôi không còn là kẻ lữ hành ơ-độc.

IV. — Tác phẩm đẹp nhất đối với tôi là tác phẩm sắp thành hình trên mặt vải. Nó « sống » chập chờn trong tiềm thức, trong nỗi băn khoăn, rạo rức, mà chỉ có mình tôi nhìn thấy, cảm thấy nó đang vui đùa trong máu, trong hồn, trong nhịp thở, trong mọi sinh hoạt nhỏ bé của tôi giữa cuộc đời rộng lớn. Nói thế, có lẽ hơi « Trừu-tượng », nhưng là sự thật.

Vì nghi vậy, nên tôi chưa thấy có bức tranh nào đẹp — theo ý tôi để giải thích.

V. — Ngành Hội-họa Việt-Nam hiện ở thời kì khai triển. Những phòng tranh được trình bày liên tiếp tại Sài-Gòn đã chứng minh sức làm việc mãnh liệt của các họa-sĩ Việt-Nam. Mỗi phòng tranh là một tiến bộ. Căn cứ vào đấy, chúng ta có quyền tin tưởng vào tương lai của nền Họa Việt-Nam, miễn là mỗi cá nhân họa-sĩ phải định hướng rõ ràng vị trí và tài năng của mình để có thể biết mình chỉ làm được đến đâu, và nên đi vào cửa nào giữa hàng trăm khuôn cửa mở, để tránh thất bại làm hao mòn trí tiến thủ.

*
*
*

Anh Nguyễn-Ngu-Í,

Rất tiếc không được gặp anh, vì chẳng mấy khi anh tới nhà, nhưng tuy không được tiếp anh mà vẫn cảm thấy luôn luôn có anh khi tôi viết gửi anh để trả lời những điểm anh « yêu cầu thêm » ngoài 5 vấn đề đặt ra trong cuộc phỏng vấn.

1) Trong đoạn ghi tiểu sử, tôi có viết lần Triển lãm thứ 3 của tôi dự định vào năm 1966 tại Sài-Gòn. Sự thật như thế đấy anh ạ.

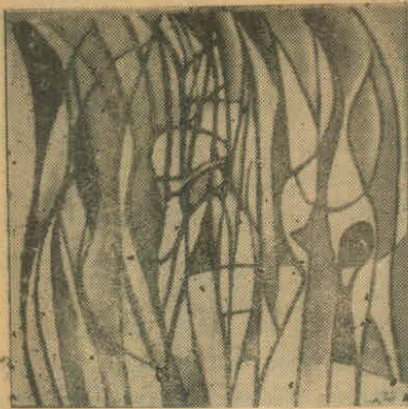
Ở đoạn trên, chắc anh đã nhận thấy cứ 5 năm tôi trình bày một lần : 1951,

56, 61, sở dĩ tôi phải để một thời gian lâu như thế vì như anh biết những thi giờ tốt đẹp nhất trong một ngày để sáng tác, tôi không được sử dụng, tôi chỉ còn làm việc hầu như quanh năm với ánh đèn, với muỗi; vả lại, tôi muốn mỗi phòng Triển lãm của tôi ít nhất phải ghi lại trong tâm người thưởng ngoạn một chút kỉ niệm về sự cố gắng của cá nhân trong phạm vi Nghệ thuật. Muốn thu được kết quả đó, yếu tố thời gian là yếu tố quyết định.

2) Về điểm « yêu cầu thêm » thứ 2, tôi đâu có dám từ chối, nhưng thực tình tôi chưa vừa ý bức tranh nào thật. Nói thế, có thể một phần không đúng, vì chẳng nhẽ cả mấy chục bức tranh treo la liệt trong phòng tôi mà anh đã nhìn thấy lại không có một bức nào làm tôi vừa lòng hay sao? Đến đây tôi xin giải thích tâm trạng của con người sáng tạo. Sở dĩ tôi dám trả lời anh (người thay mặt cho độc giả Bách Khoa) với sự thẳng thắn ấy chẳng phải những tác phẩm do tôi cấu tạo đã phụ tôi, nhưng chính vì tôi không đủ tài năng để « cai trị » Nghệ thuật. Sự suy tư của tôi nếu có rộng rãi và súc tích trong thời kì thai nghén, nhưng đến lúc nổi suy-tư ấy đi qua 5 đầu ngón tay vụng dại thì sự ước muốn 10 phần chỉ đạt được hai, ba ở giai đoạn cuối. Chính vì sự bất tài đó mà tâm hồn tôi luôn luôn bị dồn ép và căm phẫn đến nỗi nhiều khi tôi giận hờn cả sắc màu quen thuộc. Một tác phẩm khi đã xong nó còn ám ảnh và làm tôi nghĩ ngợi trong nhiều đêm để sửa chữa cho đúng với ý muốn, tới khi nào một họa phẩm khác chợt hiện trong trí não làm mờ hẳn sắc màu, hình thể

của tác phẩm đã thành hình. Công việc cứ tiếp diễn như thế, anh nghĩ xem làm sao mà tôi có thể giải thích với độc giả Bách Khoa về bức tranh đẹp nhất? Hơn nữa, như anh đã rõ, một tác phẩm hội họa phải được cấu tạo bằng 3 nguyên tắc căn bản thuộc về kĩ thuật tạo hình: Bố cục, hình họa và màu sắc. Muốn giải thích một bức tranh cho thật đúng để cho độc giả có thể nhận thức được cái đẹp thì bắt buộc bán nguyệt san Bách Khoa phải in lại tác phẩm đó bằng màu, (điều kiện này chắc Tòa soạn Bách Khoa từ chối, phải không anh?) nếu không in lại được bằng màu mà cố giải thích bằng một cliché đen thì thật tội nghiệp cho người giải thích và cho cả người đọc bài giải thích. Để anh khỏi thắc mắc và cũng để tạ lỗi cùng độc giả Bách Khoa tôi xin nói qua một chút về nghệ thuật thưởng ngoạn tác phẩm hội họa Trừu tượng, tôi tin rằng không đến nỗi vô ích.

— Sự nhầm lẫn và cũng là điều tai hại cho Nghệ thuật Hội họa là mỗi người yêu hội họa kkk đặt chân vào phòng Triển lãm Hội họa Mới, hoặc đứng trước họa phẩm Trừu tượng, đều cố tìm xem họa sĩ vẽ cái gì, «nói» gì ở trong kích thước đó? Sự băn khoăn thắc mắc này nhiều khi gây khó chịu đến độ trầm trọng nếu người thưởng ngoạn không kiên tâm tìm hiểu. Nhưng đứng trước một họa phẩm Trừu tượng dù cho người thưởng ngoạn có kiên tâm, thiện chí đến đâu, nếu không biết qua về kĩ thuật Tạo Hình do kinh nghiệm hoặc sách vở, báo chí chuyên môn về Hội họa, cũng đành lắc đầu chán nản trước bức trường thành cao vút ngăn đôi thông cảm. Sự kiện ấy có, vì chúng ta quen nhìn hội



Rừng Trinh
(Hòa sắc Xanh)

họa với quan niệm thương ngoạn cũ. Hôm nay quan niệm về cái Đẹp đã đổi khác, lẽ dĩ nhiên cái Nhìn cũng phải thay đổi. Hôm nay đứng trước một họa phẩm Trừu tượng, người thương ngoạn không nên và không bao giờ nên tìm hiểu họa sĩ đã vẽ gì trong kích thước đó, mà chỉ nên tìm hiểu mình đã nghĩ gì về tác phẩm trước mắt mình? Cảm giác đầu tiên nào đã đột nhập vào trí não mình để bắt người cho rung động? Những màu sắc và hình thể kia có phải là những dấu hiệu của riêng mình đã in vào tiềm thức? Người họa sĩ không có lí do để hiện diện trong tác phẩm thuộc loại Trừu tượng, trừ cái tên kí ở góc tranh. Cái tên này cũng chỉ được dùng như một cái nhãn hiệu, vì trong lúc sáng tạo, chính họa sĩ cũng chỉ là một kẻ thương ngoạn có « quyền ưu tiên » vì họ có kĩ thuật, thể thôi. Trong Nghệ thuật Hội họa hiện tại, không ai có quyền bắt ai phải lệ thuộc vào ý nghĩ, vào kĩ thuật tạo hình do cá nhân đảm nhiệm. Mỗi người

tự tìm lấy sự say mê của mình trong từng kích thước nhất định.

Rất tiếc không thể nói dài³⁰ và đầy đủ hơn, cũng như tôi biết anh thích bức tranh « Những con mắt » và « Đàn đôi » lắm mà không cách nào tôi có ảnh² bức tranh đó để gửi đến Tòa soạn Bách Khoa. (Nhưng tôi gửi 2 tấm khác : « Rừng Trinh » và « Nhạc CALYPSO » để in làm kỉ niệm mà không giải thích, chắc anh đã biết lí do). Những tác phẩm mới vẽ năm 61 và 62 chưa có bức nào chụp lại.

3) Sau đây, tôi xin có ý kiến về 2 câu hỏi phụ :

a) *Làm thế nào để công chúng thích Hội họa.*

Vấn đề làm thế nào để công chúng thích Hội Họa, từ lâu chúng tôi đã nghĩ đến, vì công chúng có yêu Hội họa thì Hội họa mới phát triển và sống được, nếu không được công chúng yêu thì bất cứ ngành Nghệ thuật nào cũng, chết chẳng riêng gì Hội họa. Theo ý tôi, công việc này có thể thực hiện bằng nhiều cách và cần phải có thời gian. Tôi tạm nêu lên mấy nét chính :

1) Việc giáo dục Mĩ thuật tại các trường Trung học cần phải được xét lại về mặt giáo khoa, vì môn vẽ không phải là môn học chính nên sự giảng dạy và thu nhận không được tích cực. Theo ý tôi, nên dạy nặng về lí thuyết vì mục đích không phải dạy vẽ để học sinh trở thành họa sĩ, mục đích để họ hiểu về Mĩ thuật và yêu Mĩ thuật.

2) Cần phải có một cơ quan ngôn luận chuyên về Hội-họa, hoặc có những

bài viết về Hội họa như của ô. Đoàn-Thêm ở Bách Khoa.

3) Cần có những phòng Triển lãm lưu động.

4) Cần phải phổ biến những sáng tác phẩm Hội họa bằng cách cơ quan phụ trách Văn-hóa mua bản quyền và cho in lại bằng màu để bán cho dân chúng với giá rẻ.

b) Dân chúng bây giờ và dân chúng tiền chiến, lớp nào thích Hội họa hơn?

Tương đối dân chúng bây giờ ham thích Hội họa hơn lớp người tiền chiến nhưng không đồng đều. Sự kiện này rất

thông thường vì luật Tiến hóa luôn luôn thúc đẩy và diu dắt con người mỗi ngày phải tiến để hoàn thành một giai đoạn trong chu kỳ rộng lớn. Kinh nghiệm bản thân cho biết, nếu tôi vẽ tranh Trừu tượng hôm nay lại được thưởng ngoạn với tinh thần năm 1940, thì chắc chắn tôi không còn sống đến giờ này cho anh phỏng vấn. Hơn nữa, sức sống của các họa sĩ có mặt liên tiếp ở những phòng Triển lãm Sài Gòn đã chứng minh tinh thần yêu Mĩ thuật của dân chúng bây giờ.

TA-TY



★ DUY-THANH.

Họ Nguyễn.

Sanh ngày 11-8-1931 tại Thái-Nguyên (Bắc-Việt).

Học vẽ năm 1952 với họa sĩ Nguyễn-Tiến-Chung.

Triển lãm : năm 1954 tại nhà hội Khai trí tiến đức, Hà-Nội ; năm 1956 tại phòng Triển lãm Đô thành và Pháp văn đồng minh hội, năm 1958 và năm 1961, cũng tại Pháp văn đồng minh hội.

Đã dự nhiều cuộc triển lãm chung với các họa sĩ khác ở Thủ đô.



Duy-Thanh
(tự họa)

Xe ngừng, tôi nhìn lên đã thấy anh tựa bao lơng tự lúc nào, nhìn xuống. Tôi cười, xin lỗi tôi trẻ và lên mau thang lầu...

Được biết nửa giờ sau anh lại có hẹn, tôi vội nói ngay :

— Anh cho xin một bức ảnh để giới thiệu trên báo.

Anh lặng lặng lại bàn làm việc, lấy một miếng giấy vẽ, đưa tôi. Tôi tay nhận, mắt nhìn anh, rồi nhìn bức ảnh tự họa, bụng



Thanh nữ

hỏi thăm chẳng biết khi đăng lên báo, có ai nhìn ra đó là họa sĩ Duy-Thanh không ?

Nghĩ mình quá lo xa, và chợt nhớ tới một ý do một anh bạn vừa gọi hôm qua, tôi vào đề :

— Anh thấy giới hội họa cần làm cách nào cho công chúng hiểu và thích tranh hơn không ?

Anh nhìn tôi, đôi mắt hiền lành của anh có chiều ngơ ngác sau đôi gương cận thị.

Tôi lặp lại câu hỏi.

Mắt anh nhấp nháy :

— Công chúng cần đọc sách bàn về mỹ thuật, cần đi xem các cuộc triển lãm, cần sự giáo dục về nghệ thuật, rồi mới có thể thích tranh.

— Đó là phần công chúng. Còn giới các anh chị, tưởng cũng nên làm gì để gần công chúng hơn.

— Chẳng lẽ chúng tôi lại mang tranh mình đem tới từng nhà, giải thích chỗ hay, rồi mời người ta mua à ?

Tôi cười. Nhà họa sĩ đang độ... nửa chừng xuân này, lúc bắt bình cũng không có gì là dữ.

— Công chúng đi tới Hội họa, thì Hội họa cũng tiến lại công chúng. Có kẻ đi qua, người đi lại, mới sớm có sự gặp gỡ, mới dễ có sự cảm thông chứ !

Anh nghĩ ngợi một chút.

— Tôi thấy mỗi anh chị em họa sĩ có làm sao thực hiện được những gì mình ôm ấp, — tôi muốn nói tìm tôi cho đến nơi đến chốn — rồi tổ chức thường xuyên những cuộc triển lãm, đó là một trong những cách để Hội họa với công chúng gần nhau.

Thấy tôi bỗng chăm chú nhìn mấy chục bức tranh treo khít, anh lên tiếng trước :

— Câu hỏi trong thư phỏng vấn : nói về bức tranh nào tôi ưng ý nhất, tôi thấy không thể trả lời anh được.

— Tôi cũng biết nghệ sĩ có bao giờ hài lòng hẳn về một công trình nào của mình,

« *Cái Đẹp ngày nay không đẹp đến ngày mai* »

« Nhưng trong một lúc nào đó, ta cũng vẫn thấy rõ rệt là ta ưng ý bức tranh này hơn những bức tranh khác ; sau đó sự ưa thích của ta có đổi thay cũng là lẽ thường ».

Anh cười tủm tỉm, đứng dậy, lại gần tường chỉ ba bức tranh treo khít nhau :

— Bây giờ, đây là ba bức tranh tôi ưng ý hơn hết.

Đó là ba bức họa không có người.

Một góc phố vắng hoe.

Một cảnh ở cao nguyên thì phải.

Một cảnh ở đồng bằng, chắc thế.

— Ba đám lúa. Lúa vàng, lúa xanh và lúa đỏ ?

Anh nhìn tôi :

— Tùy anh muốn hiểu sao thì hiểu.

— Thế là anh ở trong phái Trừu tượng ?

— Tôi không ở trong phái nào cả. Nhận mình ở trong môn phái nào, là cho mình bằng lòng với lối họa mình đeo đuổi, là đứng ì lại một chỗ, tức là không còn bán khoán, nghi ngờ, học hỏi, tìm tòi nữa. Đó là việc của nhà phê bình, cho mình vào hạng nào đó, hoặc khám phá mình đang đi vào một con đường lạ.

— Anh nói vậy, nhưng hiện nay, anh cũng vẽ theo một xu hướng nào đó chứ !

— Hiện thời, tôi có thể nói là tranh vẽ của tôi mang tánh chất trừu tượng.

— Tôi để ý thấy màu anh chỉ một sắc và anh ít chú trọng đến chi tiết.

Anh gật đầu.

— Như bức tranh ba đám lúa anh nói đây, anh nhìn lại đám đất mà tôi cho màu đỏ, mới nhìn, anh thấy như một màu, nhưng thật ra, có nhiều màu trong đó. Tôi muốn sao màu tranh của tôi nó là một khối, và chi tiết, tôi bớt đi nhiều.



Đất và Trời

Đề tài với tôi ở vào vai phụ, rất phụ. Tôi muốn chơi với chất họa.

— Vậy bức tranh « ba đám lúa với mặt trời » đây, cũng chẳng phải anh vẽ cảnh thật, nhìn theo anh.

Anh lắc đầu.

— Tôi nhận rằng Thiên nhiên giúp người học rất nhiều, nhưng tôi không nô lệ Thiên nhiên. Thiên nhiên chỉ gợi hứng cho tôi.

— Nếu vậy đứng trước một cảnh anh thích, thấy cần ghi lại...

— ... thì tôi vẽ phác, rồi về nhà, màu sắc, hình thể, tôi diễn tả theo cảm quan của tôi. Như tôi ngắm một cảnh trong cơn dông tố, về nhà, tâm trí tôi xúc động vì cảnh Tạo vật nổi cơn thịnh nộ mà tôi « cảm » những đồ vật, người ta, cảnh trí qua tâm hồn tôi dao động vì cơn dông tố nọ.

Tôi nhìn bức tranh ở góc trong : một người đàn ông mà thân mình không rộng bằng bề ngang cái đầu và cái mặt méo mó, màu xanh đậm, màu đỏ tươi, màu đen đem lại cho mặt anh ta một cái gì vừa đáng sợ vừa đáng thương.

CUỘC PHÒNG VẤN VỀ QUAN NIỆM HỘI HỌA

— Cái anh chàng này, anh nhìn theo cảm quan anh lúc đó nên chẳng bình thường như mọi người thường chớ gì?

Anh gật đầu.

— Tôi tự hỏi không biết anh ta đang si mê ai hay đang dự định làm đổ máu ai đây!

Anh cười nhẹ, lại gần tranh.

— Tranh này, tôi vẽ hai lần. Lần đầu, màu khác, lần sau tôi đổi lại màu khác. Cả tranh vẽ phong cảnh cũng vậy. Có khi tôi chỉ đổi có màu trời, rồi phải đổi luôn màu đất, màu cây cho các màu ấy được hòa hợp nhau.

Tôi lùi ra xa, để nhìn. Anh lặng lẽ lại tủ lạnh, mở một chai xá xị, rót ra li, mời.

Tôi vừa nhấp nước giải khát, vừa thong thả hỏi anh :

— Với anh, chắc dân tộc tính không thành vấn đề.

— Đúng thế. Có phải mình dùng bút lông giấy bản là nêu lên những gì riêng biệt của người mình đâu. Dầu mình vẽ theo lối nào đi nữa, tâm hồn dân tộc cũng ẩn hiện không đó thì đây. Một người Mĩ biết thưởng thức tranh chẳng hạn nhìn vào một tấm tranh vẽ cảnh Đền-Thiên hay tháp Eiffel của một họa sĩ Việt

(Trích trong bức thư gửi các Họa sĩ)

Dưới đây là những câu hỏi mà chúng tôi xin nêu ra với mục đích gợi ý cho các Họa sĩ tiện việc trả lời :

— Theo ý Bạn, thì Hội họa ngày nay ở Việt-Nam có những xu hướng nào đáng kể nhất, và riêng Bạn hiện đã ngã về xu hướng nào hay Bạn tự tìm lấy một đường lối riêng biệt?

— Nếu có người cho rằng Hội họa phải có dân tộc tính thì có người lại cho rằng Hội họa cần phải được quốc tế hóa. Theo ý Bạn, hai lập luận trên đây có trái nghịch nhau không và Bạn có nghiêng về lập luận nào không?

— Xin Bạn cho biết những công trình tìm kiếm và những kết quả của Bạn trên địa hạt Hội họa.

— Trong các họa phẩm của Bạn, bức nào Bạn cho là hợp hơn cả với đường lối riêng của Bạn và xin Bạn vui lòng giải thích rõ các đặc tính của tác phẩm đó.

— Xin Bạn cho biết ý kiến về tình trạng hiện tại và triển vọng của ngành Hội họa Việt-Nam.

mình vẫn thấy cái gì Á-Đông trong cách ghi lại những cảnh ấy. Tâm hồn, cá tính người vẽ, khó mà giấu được. Chỉ trừ những người không có cá tính, bắt chước người này, theo người nọ là tranh không nói lên cái gì đặc biệt, trừ ra cái ngẫu ngộ.

Nhìn lại đồng hồ, thấy còn năm phút, tôi vội hỏi:

— Anh thấy hiện giờ hội họa nước mình có xu hướng nào đáng kể?

— Có hai xu hướng. Xu hướng hội họa có hình dung, Pháp gọi là *peinture figurative*, và xu hướng hội họa không có hình dung (*peinture non figurative*).

— Chắc anh Tạ-Tị đại diện cho xu hướng sau này?

— Ở nước ta, chưa có ai đi hẳn con đường này, anh Tạ-Tị mới là một người đang thí nghiệm với vài bạn khác.

— Nhưng theo anh thì xu hướng nào nổi bật nhất?

— Xu hướng Ấn tượng. Và (với một sự cười) những tranh vẽ theo xu hướng này bán khá chạy... cho người ngoại quốc.

— Anh có thấy giữa « phái già » và « phái trẻ » ở nước ta, hiện có sự xung đột không?

— Nói xung đột có lẽ quá đáng. Tôi nghĩ nên nói: quan niệm hai phái có khác nhau, do đó ít gặp gỡ, ít thông cảm.

— Vậy trong giới hội họa, anh chị em có thường gặp nhau để trao đổi ý kiến, kinh nghiệm...?

— Dường như là ít khi.

— Anh có mong gì ở Chánh quyền để ngành Hội họa mau phát triển?

Anh nhìn tôi.

— Anh muốn chúng tôi mong gì giờ?

— Tôi như giúp phương tiện, tạo dịp đi đây đi đó, cấp học bổng đi nước ngoài...

— Thôi, xin anh đừng nói nữa. Đó là những giấc mơ hoa!

— Tôi như thường mở những cuộc Triển lãm.

— À, cái đó chẳng cần mong. Chánh quyền đã thực hiện ba năm nay rồi.

Quá giờ năm phút, tôi đứng dậy:

— Trưa mai, tôi sẽ đưa người nhà báo đến xin anh chụp hai bức tranh. Một là bức mặt trời với ba đám lúa hay đất gì đây, hai là... À, hai cô thanh nữ trong tranh này vẫn một ở ngoài đời chớ? Hai là một trong hai bức tranh tóc xõa bờ vai này. Anh hỏi tôi chọn cô nào à? Cô này có vẻ yên vui, thôi để yên cô ấy, cô này thắc mắc, lo âu rõ ràng, tôi xin chụp vậy.

« À, quên hỏi ý kiến anh về tương lai Hội họa nước nhà ».

— Tôi có hỏi một bạn họa sĩ người Pháp. Anh ấy trả lời: « Cuộc triển lãm mùa Xuân năm nay khá hơn các cuộc triển lãm khác đã qua, nhưng tôi chưa thấy một ai có một cá tính, một chân tài nổi bật ».

Giã từ anh, tôi còn rón hỏi:

— Trong tranh anh, anh thích dùng màu nào nhất?

Anh tươi cười:

— Màu đó không phải màu trắng!

FOREIGN EXCHANGE BANK
THE BANK OF TOKYO LTD

HEAD OFFICE : TOKYO JAPAN

SAIGON OFFICE

No 12 - 22, Dai lo HAM NGHI

Tel : 25.807-25.808 P.O. Box No M. 1

DOMESTIC OFFICES

Head Office - Ginza - Yaesu-dori - Ninyocho - Marunouchi -
Yurakucho - Hibiya - Shimbashi - Asakusa - Uchisaiwaicho -
Yokohama - Shimizu - Nagoya - Akatsuka - Osaka - Senba -
Shinsaibashi - Kobe - Tor Road - Hiroshima - Shimonoseki -
Fukuoka - Nagasaki - Sapporo - Otaru.

OVERSEAS OFFICES

New York - San Francisco - Los Angeles - Seattle - Rio De
Janeiro - Sao Paulo - Buenos Aires - London - Hamburg -
Dusseldorf - Paris - Karachi - Bombay - Calcutta - Vientiane -
Kuala Lumpur - Singapore - Hong Kong.

REPRESENTATIVES OFFICE

Chicago - Houston - Toronto - Mexico City - Lima - Brussels -
Lagos - Johannesburg - Beyrouth - Baghdad - Teheran - New Delhi -
Rangoon - Bangkok - Phnom-Penh - Djakarta - Manila - Sydney.

THE BANK OF TOKYO OF CALIFORNIA

San Francisco - Los Angeles - Gardena

THE BANK OF TOKYO TRUST COMPANY

New York

SINH-HOẠT

QUA CÁC HÀNG SÁCH

VÕ HỒNG đọc

Le Domaine Maudit

của CUNG-GIỮ-NGUYỄN

Le domaine maudit (Đất dữ) là tên quyền tiểu thuyết mới của ông Cung-Giữ-Nguyễn do nhà Arthème Fayard ở Paris xuất bản. Sách dày 348 trang. Đây là câu chuyện một gia đình thượng lưu Việt-Nam bị đổ vỡ vì sự xâu xé giữa những ý thức hệ cũ và mới vào khoảng 30 năm trở lại đây.

Loan thi đỗ Tú tài Toán và dự bị vào Y khoa Đại học thì gặp Trường, sinh viên năm thứ ba trường Luật. Hai người yêu nhau và được cha mẹ hai bên cho cưới nhau. Cái mộng của Loan là được thầy chồng đỡ đần mấy chứng chỉ để mở văn phòng luật sư như cha nàng, trạng sư Quang.

Nhưng Trường bỏ học để hoạt động chính trị, nhằm giải phóng thợ thuyền chống sự áp bức của tư bản. Khi mẹ bắt ra Hà-nội học tiếp, Trường ra Hà-Nội nhưng vẫn hoạt động chính trị để đến một ngày kia mắc bệnh lao mà chết. Loan từ Saigon ra tìm chồng, thất vọng vì không can chồng được. Chồng chết, nàng trở về Nam, mang theo hình ảnh của Khánh, một sinh viên năm thứ năm trường Thuộc mà nàng ngẫu nhiên gặp ở Hà-Nội, say mê nàng nhưng bị nàng cự tuyệt vì muốn giữ đoan chính với chồng.

Trong khi đó, đại gia đình của nàng cũng gặp những sóng gió: Cha nàng, trạng sư Quang, xuất thân nhà

nghèo, nhờ gia đình vợ cho ăn học đỗ đạt. Mẹ nàng lấy cô mình là ân nhân của chồng nên sống buông tuồng không kiêng nể, đàn díu với một mại bản Hoa-kiểu và chết trong một tai nạn ô tô trên đường đi Vũng Tàu. Thiều sự săn sóc của cha mẹ, Minh, em trai nàng chơi bời trụy lạc. 19 tuổi, Minh đã có một đứa con hoang với một cô bạn gái. Loan nhận đứa con hoang ấy làm con của mình, đặt tên là Xuyên. Minh lại đem về một đứa con hoang nữa cho Loan nuôi. Lần nầy là một đứa con trai. Loan đặt tên là Thạch. Sau đó, Minh bỏ nhà đi làm chính-trị luôn.

Trạng sư Quang đem vốn mở đồn-điền trà. Khi cách-mạng bùng nổ, ông bị phu đồn điền nổi dậy giết chết. Cuộc chiến-tranh Việt-Pháp bắt đầu và kéo dài 10 năm. Loan sống trong kham khổ mà nuôi hai cháu. Nàng làm y-tá ở bệnh-viện DaLat. Bất ngờ Khánh — bây giờ đã là bác-sĩ, đã có vợ, — được đổi về làm giám-đốc bệnh-viện. Để tránh về lãnh-đạm của Khánh, lãnh-đạm vì bòn phận chứ không phải vì Khánh thôi yêu nàng, Loan xin thôi việc về coi sóc đồn-điền của cha bị bỏ hoang từ ngày khởi-nghĩa. Một thương-gia độc-thân đã có tuổi, chỗ quen biết cũ với gia-đình nàng, Ông Tùng, ngờ ý muốn lấy nàng, nhưng nàng không ưng thuận. Nàng muốn đem hết tất cả ý-chí của mình gây-dựng lại cơ-nghiệp của cha xưa và để lại cho em, cho cháu. Ngày đình-chiến 1954, Minh ở bưng về. Loan mừng được

sum họp và xếp đặt để giao cơ-nghiệp cho em. Nhưng Minh không chịu được nếp sống «tiểu tư sản» của chị nên một ngày kia bỏ nhà ra đi, đem theo thằng Thạch và hẹn sẽ trở lại đem nốt Xuyên theo. Tội nghiệp cho Loan. Loan không thể rời xa cháu nàng mà đã 12 năm nàng coi như con vậy. Nhưng Xuyên nhớ em, nhớ cha, khóc lóc xin nàng cho nó đi theo cha, theo em. Dĩ-dành, dọa nạt đều vô hiệu. Đứa cháu mà nàng triu-mền hôm nay chồng-cự lại nàng tuyên bố không cần nàng nữa, không nhìn nhận nàng nữa, gọi nàng bằng Bà thay tiếng Má êm đềm. Bao nhiêu tình-yêu, bao nhiêu hy-sinh được trả lại bằng bội bạc, thù hận nên trong một cơn tức giận nàng đổ thuốc độc cho Xuyên. Xuyên chết. Còn lại một mình bơ vơ trên đời, nàng đành chọn một trong hai đường: hoặc là bằng lòng lấy Tùng rồi cùng Tùng sang châu Âu ở, hoặc là vào một tu-viện. Nàng đánh giầy mời Tùng ở Saigon lên và mời Linh-mục Joseph lại. Nếu Tùng đến một mình, nàng sẽ theo Tùng. Nếu linh-mục đến một mình, nàng sẽ vào tu-viện. Nhưng cả hai đều không đến. Tùng vừa bị bắt vì buồn ngoại-tệ. Linh-mục bận đi Saigon thi bằng lái xe. Đời bỏ nàng bơ vơ. Thi vừa úc lấy ở xóm di-cư có một đoàn người lên rước nàng đi chữa giúp một người bệnh nặng. Nàng từ chối. Nhưng cuối cùng nàng thuận đi. Hy-sinh, đó là con đường cứu rỗi của nàng.

Qua quyền truyện ta thấy tác giả đã khách quan mà trình bày vấn đề sự xung đột khốc liệt giữa hai ý-thức-hệ. Ta hãy nghe tiếng nói tha thiết của Loan khi nàng khuyên em :

...« Chúng ta không thể cố gắng sống chung với nhau được sao ? Chúng ta đừng nghĩ gì đến những tư tưởng nó chia rẽ chúng ta mà chỉ nghĩ đến những dây thiêng liêng ràng buộc chúng ta với nhau đến mảnh đất mà chúng ta phải bảo vệ đến những đứa con mà chúng ta cùng phải nuôi dưỡng... (trang 233)

Nhưng Minh cũng như Trường không nghĩ như vậy.

...« Những tội ác cao thượng, những tội ác có lý do chính đáng. Những bàn tay đẫm máu, nhưng không phải là những bàn tay bẩn...» (trang 240)

Quyền truyện mang lại cho người đọc những phút hồi hộp nhất là ở phần thứ tư ; cảnh một đoàn người Thượng chỉ tay về ngôi nhà của Loan ở đỉnh đồi chè mà nói những lời nguyên rủa hăm dọa, cảnh Xuyên chống cự lại Loan, cảnh Loan mê mệt thấy mình ra tòa vì tội giết cháu, cảnh Loan mê mệt thấy linh-mục và Tùng đến theo lời hẹn. Qua truyện « Le domaine maudit » và truyện « Le fils de la Baleine » (Kẻ thừa tự của ông Nam-Hải), ta thấy nhân vật của ông Cung-Giũ-Nguyên, nhất là nhân vật

phụ nữ mang những tình cảm mãnh liệt mà khi hết dồn nén được, để chúng bột phát ra thì tai họa xảy đến rùng rợn khủng khiếp : Loan đầu độc cháu, Liên đốt nhà để giải cứu Mỗ (trong Le fils de la Baleine).

Văn của tác giả viết tự nhiên mà có nhiều thú vị. Đó là những câu gọn ghi những nhận xét sắc. Như khi tả Loan đi giữa thành phố Hà-Nội xa lạ, «nàng chạm phải những khuôn mặt lạ nó chuyển nàng sang những khuôn mặt khác» (Elle se heurta à des visages inconnus qui la renvoyèrent à d'autres visages non moins étrangers). Những triết lý nhân sinh cũng được trình bày dưới hình thức đơn giản nhưng thâm thúy. Như khi nghe cha bị cách mạng giết, Loan không còn cảm thấy cái cảm giác xa xôi và vô hại như khi nàng đọc những trang lịch sử nói đến Cách-mạng, nói đến chém giết, Không. « Hôm nay thì lịch sử đi vào gia đình nàng, vào cuộc đời của chính nàng » (Maintenant, l'Histoire entraine dans la vie de sa famille, dans sa propre vie).

« Le domaine maudit » lấy khung cảnh Việt-Nam nhưng câu chuyện có thể xảy ra ở bất cứ một nước nào có sự tranh chấp giữa các ý thức hệ nghĩa là giữa những quan niệm khác nhau về Hạnh phúc và Tình yêu.

VÕ HỒNG



2 Giải thưởng văn chương ở Formentor

THU-THỦY

Trong tháng 5 vừa qua có hai giải thưởng quốc tế về văn chương quan trọng: giải Formentor và giải Các nhà xuất bản. Cả hai giải đều trị giá 10.000 Mỹ kim.

Nguyên cách đây hai năm, có 6 nhà xuất bản ở sáu quốc gia (Đức, Anh, Tây ban nha, Hoa kỳ, Pháp, Ý) nảy ra sáng kiến đặt giải thưởng ấy, rồi năm sau, tức 1961, có 7 quốc gia khác tham dự (Đan-Mạch, Thụy-Điền, Na-Uy, Phần-Lan, Bồ-đào-Nha, Hòa-Lan, Gia - Nã - Đại). Thành ra giải thưởng năm nay được cả thảy 13 quốc gia góp tặng. Hội đồng giải thưởng họp tại Formentor, ở Baléares.

Giữa hai giải thưởng cấp phát đồng một loạt ấy có sự khác biệt: giải Formentor thì thưởng cho bản thảo chứ không phải cho tác phẩm đã xuất bản. Giải này chủ ý là khám phá những văn tài mới xuất hiện. Và nhà văn trẻ tuổi tài cao nào được cái may mắn trúng giải này thì vào đầu tháng 5 năm sau tất cả 13 nhà xuất bản của 13 quốc gia tặng giải cùng in một lượt tác phẩm được thưởng, cùng nhau tung ra bán một lượt khắp nơi trên hoàn cầu. Đòi với những mầm non văn nghệ mới ra đời, một cơ hội như vậy thực là cổ kim hi hữu.

Năm ngoái, người trúng giải là Juan Garcia Hortelano, văn sĩ Tây-Ban-Nha. Tác phẩm được thưởng, cuốn « Con giông mùa hè » đã được dịch ra 11 thứ tiếng và mới vừa được in ra ở 13 nước. Người trúng giải năm nay là một phụ nữ trẻ ở Ý, 25 tuổi, tên Dacia Maraini với quyển « Thời kỳ bất an » (L'âge du malaise). Người ta bảo rằng Dacia Maraini là một Françoise Sagan của Ý, và dư luận tại Ý không mấy hài lòng về sự chọn lựa tại Formentor. Tuy vậy, Dacia Maraini được Alberto Moravia nhiệt liệt bênh vực.

Và lại bất cứ sự tiên tri nào về một văn tài « chớm nở » cũng nguy hiểm. Nhân tiện cũng nên nhắc qua việc quyển Con giông mùa hè của Hortelano vừa được nhà Gallimard tung ra bản tiếng Pháp đã bị ngay nhà phê bình Matthieu Galey công kích. Theo M. Galey thì đây chẳng qua là một cuốn truyện trinh thám hạng khá vụng thôi. Cốt truyện có gì? « Một buổi chiều hè, trẻ con tìm thấy trên bãi bê xác chết của một cô gái. Cô ta là ai? Tại sao cô ta chết như vậy? Thêm vào một chút tâm lý, người ta có thể kể đồng dài suốt 350 trang sách đen nghịt để soi sáng sự bí mật nhỏ mọn ấy». Tác phẩm có rất nhiều đoạn đối thoại, những

đôi thoại dài dòng mà rớt cuộc... chẳng nói được cái gì cả, lời ấy vẫn thường gặp ở nhiều tiểu thuyết gia ngày nay. Người ta từng quảng cáo *Cơn giông mùa hè* như một tuyệt phẩm về mặt kỹ thuật. Nhưng rõ ra thì « cái điệu xảo kỹ thuật chỉ có che đậy một sự trống rỗng không khiêu ».

Giải *Các nhà xuất bản* không nhằm vào những tài năng mới, mà lại cho những nhà văn đã có tên tuổi, thành tích. Người ta nghĩ đến giải Nobel? Đúng vậy, giữa hai giải thưởng này có điểm giống nhau. Nhưng ban tổ chức giải *Các nhà xuất bản* đã qui định rõ : họ không có ý định làm công việc chuẩn nhận (consécration) một văn tài, việc đó dành cho hội đồng giải Nobel, ở Formentor chỉ làm cái việc xác nhận (confirmation), khiêm tốn hơn.

Tại hội đồng giải thưởng này năm nay đã diễn ra một cuộc tranh cãi sôi nổi giữa các phái đoàn, dưới sự chủ tọa của Alberto Moravia. Phái đoàn Pháp đưa ra các tên Marguerite Duras, Claude Simon, André Pieyre de Mandiargues và Alain Robbe-Grillet. Nhà văn sau cùng này được Michel Butor bênh vực nhiệt thành. Mọi người đồng ý rằng đó là một văn tài đáng mến, đáng phục, nhưng ai nấy đều lầy lăm khó chịu về cái hiện tượng hàng trăm « Robbe Grillet con » xuất hiện khắp nơi, một hiện tượng không đáng khuyến khích chút nào, bởi vì những kẻ a đua đó không

có tài năng gì cả. Phái đoàn Ý đưa ra Pier Paolo Pasolini. Phái đoàn Hoa Kỳ giới thiệu Saul Bellow, Bernard Malamud, Carson Mc Cullers, John Updike, William Styren và Jerome David Salinger. Phái đoàn Anh đặt ra một vấn đề khó khăn là John Cowper Powys. Powys, không ai có thể chối cãi không phải là một trong số những văn hào lỗi lạc nhất hiện đại. Nhưng Powys đã 94 tuổi rồi, mà giải thưởng này thì hướng về tương lai hơn là về dĩ vãng, nó không muốn thưởng một sự nghiệp đã hoàn tất. Henry Miller đánh một cái điện đến hội nghị : «Việc nhận giải đôi với Powys không quan trọng, nhưng việc xác nhận giá trị của nhà văn ấy rất là quan trọng đôi với chúng ta ».

Tuy vậy cuối cùng hội nghị cũng hướng về một tác giả trẻ hơn là Uwe Johnson, đã có hai cuốn tiểu thuyết rất đặc sắc. Sau ba lần bỏ phiếu Uwe Johnson được tuyên bố trúng giải với quyển *Das dritte Buch über Achim* (Carson Mc Cullers đứng hạng nhì, Alain Robbe-Grillet, Günter Grass và Giorgio Bassani vào hạng ba).

Uwe Johnson là một nhà văn 28 tuổi, người Đức, đã rời bỏ Đông Đức ra đi vì ở đây nhà cầm quyền không cho phép xuất bản tác phẩm của ông. Hiện thời Johnson cũng đang sống ở Rome như Dacia.

Vinh quang của văn nghệ, trong một ngày, dồn về một thành phố !

THU-THỦY

(Theo tài liệu của các tạp chí *Le Figaro littéraire*, *l'Express* và *Arts*)

NGUYỄN-NGU-Í thuật

Phật giáo và nền văn hóa Việt-Nam

Không biết vì cuộc diễn thuyết tổ chức vào một ngày thường hay vì một trận mưa làm ướt đẫm thành trước đó không lâu mà giảng đường của trường Đại học Văn khoa chiều ngày thứ năm 31-5-1962 không đầy chật như những lần nói chuyện trước, vốn nhằm vào buổi sáng ngày chủ nhật.

Đại Đức Thích-Mãn-Giác, theo lời giới thiệu của ông Nguyễn-Đặng-Thực, khoa trưởng Đại học Văn khoa và chủ tịch hội Liên lạc và Nghiên cứu Văn hóa Á châu, chẳng những là người thâm nhuần giáo lý nhà Phật mà còn là một nhà văn, một nhà thơ, cho nên Đại Đức là một trong những tu sĩ có đủ thẩm quyền để nói cho ta biết sự công hiến của đạo Phật cho nền văn hóa dân tộc.

* *

Sau những lời khiêm cung thường lệ, diễn giả đưa ra nhận xét thông thường này: một dân tộc mà bị người chinh phục thì văn hóa của kẻ chinh phục dần dần thay thế văn hóa của người mất chủ quyền và nền văn hóa của lớp người bị trị phải chìm vào trong tối. Ngoại lệ tuy có đây (trường hợp các nền văn hóa Trung-Hoa, Hi-Lạp, La-Mã trở ngược lại chinh phục

những dân tộc đã chinh phục họ, vì nền văn hóa của họ vô xan lạn huy hoàng) nhưng mà hiếm có trong lịch sử của nhân loại.

Nước ta ở vào trường hợp thông thường. Tám mươi năm đô hộ của Pháp đã làm chúng ta bại phong về mọi mặt. Gia tài ông cha để lại, hay hay dở, lần bị con cháu coi thường và lớp người này nhận lấy văn minh Âu Tây do Pháp giới thiệu không cần xét suy, không cần chọn lựa.

Đạo Phật cũng chịu số phận chung, đành bị lấp vùi như các di sản tinh thần khác của dân tộc.

Giáo lý lu mờ, chùa chiền hư đổ, tăng sĩ thưa thớt, đạo Phật như lui dần để cho mê tín dị đoan mặc tình xâm chiếm.

Và người ta cho rằng sứ mệnh của Phật giáo đã cáo chung trên đất nước này.

Nhưng sau một thời kì nhắm mắt theo người, Á-Đông bừng tỉnh. Vì có dân tộc nào mà hoàn toàn li khai với quá khứ được. Và Nhật-Bản rồi Trung-Hoa mở đầu cuộc chấn hưng gia tài tinh thần của Đông-Á. Hai trận thế chiến ở tiền bán thế kỉ XX này cho mọi người thấy những cái dở, yếu của Tây-Phương, khiến Á-Châu

không còn tin ở sức mạnh của nền văn minh Âu-Mĩ và quay về tìm lại vốn cũ của mình.

Và cùng với các dân tộc khác ở Á-Đông, dân tộc Việt đào xới gia tài vùi lấp để làm sáng tỏ lại văn học, nghệ thuật, đạo giáo của giòng dòng. Công cuộc này càng hăng hái, càng nao nức khi dân tộc đã giành được Độc lập.

Đạo Phật cũng dần dần quật khởi. Và chẳng khác nào viên ngọc quý vì hoàn cảnh phải bị chôn vùi, nay được lau chùi sạch sẽ, phát ra muôn ngàn ánh sáng chói rạng hơn xưa, đạo Phật được tìm hiểu, được phát huy, được ngưỡng mộ hơn bao giờ hết.

Cho nên trước hiện tượng này, chúng ta có thể nói :

« Bao giờ dân tộc Việt còn là dân tộc Việt, thì đạo Phật vẫn còn sứ mệnh trên đất nước thân yêu này. Từ ngàn xưa, Phật giáo đã đóng góp một phần chẳng nhỏ cho nền văn hóa nước nhà, thì nay Phật giáo vẫn còn đủ sinh lực để tiếp tục sứ mệnh của nó. Lịch sử dân tộc ta đã chứng minh điều đó, trong quá khứ, trong hiện tại, và cả trong tương lai. »

Rồi diễn giả mời thỉnh giả cùng người nhìn về quá khứ.

Đạo Phật với dân tộc ta đã kháng khí với nhau từ hai ngàn năm như bóng với hình, và đã hai ngàn năm, đã vui cái vui của dân tộc, đã buồn cái buồn của dân tộc ; vì thế mà một số đông người đã thất vọng vì

nền văn minh vật chất Mi Âu, đã tỉnh ngộ mà hồi đầu trở lại niềm tin ngưỡng xa xưa.

Nhìn lại kiến trúc, âm nhạc, hội họa, văn chương và tinh cảm của dân tộc, đâu đâu cũng có dấu vết đậm đà của Phật giáo.

Có người cho rằng dân tộc ta không có một nền triết học riêng biệt, điều này không phải là không đúng, vì ta ở khí Trung-Hoa, chịu nhiều ảnh hưởng văn hóa Trung-Hoa và lệ thuộc họ lâu đời, nên ta chưa phát huy được cái gì riêng biệt về ngành này, nhưng đạo Phật cũng đã đem lại một nền triết học cho dân tộc Việt.

Đạo Khổng, quá khắc khổ trong việc xử thế, có phần máy móc, đạo Lão quá phóng túng trong nhân sinh quan, tỏ ra tiêu cực. Đạo Phật thì lại dung hòa được cả hai, có phần tiêu cực mà cũng có phần tích cực. Cho nên ở nước ta, một Nho gia, một Lão gia thường trở thành một Phật tử một cách dễ dàng.

Trong lịch sử, trừ vài trường hợp đặc biệt, nhà Nho mới công kích kịch liệt Phật giáo, còn nói chung đều thâm nhuần tinh thần Phật (một nhà Nho chết, thân nhân rước nhà sư đến làm lễ siêu độ là điều thường thấy).

Vì đó là một nhu cầu trí thức : một Nguyễn-Trãi, một Nguyễn-Gia-Thiếu, một Nguyễn-Du, một Cao-Bá-Quát, một Nguyễn-Khuyên... đều là những bậc thâm nho mà tác phẩm để

lại chứng minh rằng họ đã chịu ảnh hưởng đạo Phật khá nhiều.

Điểm đặc biệt, là triết lý đạo Phật vốn cao siêu, nhưng không chỉ ảnh hưởng đến giới trí thức thôi, mà còn ảnh hưởng đến quần chúng quảng đại nữa. Người dân quê nhắc nhở đến luật nhân quả, đến thuyết luân hồi, tự nhiên đến đôi không ngờ đó là những giáo lý nhà Phật. Như khi khổ cực, vẫn vui vì cho là để trả nợ kiếp trước, tình duyên lỡ dở thì hẹn đến kiếp sau, ăn hiền ở lành để con cháu được phúc, cha mẹ rầy con đừng ăn cơm đồ tháo hầu sau khỏi đội lột gà vịt để ăn cơm thừa cá cặn, bỏ thí không so đo, khách đến nhằm bữa ăn, vui vẻ mời dùng bữa, khách lạ lỡ đường, ân cần mời ngủ qua đêm.

Triết lý đạo Phật khiến người hòa hợp cuộc sống thiên nhiên. Xuân đến, thì vui xuân. Trung thu trăng tỏ thì thưởng Nguyệt. Người dễ lòng lan tràn vào cảnh vật và dễ cảnh vật chen lẫn vào lòng.

Chùa chiền không vươn cao, với cái mái cong cong, màu áo sư vải cùng màu với cây cỏ, núi sông, tiếng chuông ngân dịu dịu đã thấm nhập tự bao đời vào tâm hồn người Việt, một tâm hồn phong phú, trầm tĩnh, lắng sâu vào trong hơn là tỏa rộng ra ngoài.

Và nền mỹ thuật Việt, cũng như những thắng cảnh nước nhà, đều có ánh đạo Vàng rọi đến. Tiếc rằng một số lớn công trình kiến trúc bị

nội chiến và ngoại xâm tiêu hủy. Nhưng chùa Một Cột, động Hương Tích... cũng đủ nói lên sự đóng góp của nhà Phật. Có thể nói rằng một phần gia tài của giống dòng ta được cất giữ ở chùa chiền.

Ảnh hưởng Phật giáo ở ngành Văn học cũng đậm đà.

Văn học triều Tiên-Lê, triều Lý đã do các nhà sư xây nền đắp móng. Một chùa thời ấy là một trường Đại học, nơi đây không phân biệt con nhà vua chúa hay con nhà dân già.

Thi ca của các thiền sư thời bấy giờ thanh khiết như hương cau đêm hạ, và trong vắt như nước mùa thu.

Văn chương chữ Nôm sau này lại được một Ôn-Như-Hầu, một Nguyễn-Du giới thiệu triết lý nhà Phật trong các tác phẩm lừng danh.

Nhưng qua « Cung oán ngâm khúc », người ta chỉ biết được cái phần bề ngoài của đạo Phật, điều ấy chẳng mấy lạ khi ta nhớ rằng chính người khai sinh ngâm khúc trên chưa thâm hiểu phần nội dung của Phật giáo. Phải đợi đến Nguyễn-Du. Nhưng truyện Kiều chỉ mới đưa ra phần triết lý thông thường của giới bình dân. Ta phải đọc lại « Văn tế thập loại chúng sanh » mới thấy phần chính yếu của đạo Từ bi.

Rồi gần ta hơn, Chu-Mạnh-Trinh, Tân-Đà qua các bài « Hương - Sơn phong cảnh », « Cảm thu, Tiễn thu, Thê non nước » đã thành công trong việc đem triết lý đạo Phật vào thơ.

Và mới đây, một nhà thơ xấu số, Hàn-Mặc-Từ đã làm giàu văn chương nước nhà với một số danh từ mượn ở cửa Từ-Bi. Cảnh trúc chùa, cây đa, tiếng mõ, tiếng chuông..., thuyết luân hồi đã là gợi nguồn cảm hứng cho những nhà thơ có tiếng : Nguyễn-Nhượng-Pháp, Nguyễn-Bính, Lan-Sơn, Anh - Thơ, Xuân - Tâm, Vũ-Hoàng-Chương.

Quan sát tuy có vẻ vội vàng thê, nhưng ta đã thấy hiện tại màu sắc thân yêu của đất nước lẫn lộn với màu của giếng nôi : màu vàng, màu của dân tộc, mà cũng là màu của đạo Phật, màu thanh bình, màu lam của núi sông, của cây cỏ và cũng là màu lam của các nho sinh, của các thiện sư. Và cũng màu sắc ấy, hiện lên tinh thần dân tộc : tinh thần độ lượng, tinh thần tự tin.

Bị người Bắc đông hơn, mạnh hơn lần áp, đã không bị đồng hóa, không bị diệt vong, lại còn Nam tiến cho đến mũi Cà-Mau, người Việt ta đã viết những trang sử oai hùng, mà trong đó người tu sĩ cũng góp một phần với người chiến sĩ.

Đạo Phật và vận mệnh đất nước đã gắn liền nhau, cho nên những lúc đất nước lâm than, bị trị thì đạo Phật cũng yếu suy, mà khi đất nước vươn mình, thì đạo Phật cũng quật khởi.

Nhìn quá khứ, xét hiện tại, ta có quyền vững tin đạo Phật sẽ tồn tại với dân tộc, vì :

— xét về địa lí : nước ta nằm cạnh những nước cũng nhận ánh đạo Vàng : Cao-Miên, Ai-Lao, Thái-Lan, Miên-Điện.

— xét về giáo lí : đạo Phật vẫn sát với đời, đi chung với khoa học ; khoa học càng tiên bộ thì đạo càng phát huy.

— về đạo đức : tạo cho dân nước một nếp sống thuần hòa, giản dị.

— về chính trị : chính người sáng lập đã nên nêu gương dân chủ, bình đẳng, do đó, đạo giúp dân tôn trọng nền dân chủ và sự công bằng.

— về xã hội : với thuyết từ bi hi xả, góp sức vào việc đem ánh sáng học hiểu và ấm no cho dân chúng.

— về văn nghệ : tạo cho bản thân người làm văn nghệ và cho bản chất văn nghệ một sắc thái riêng biệt, tươi lành.

* *

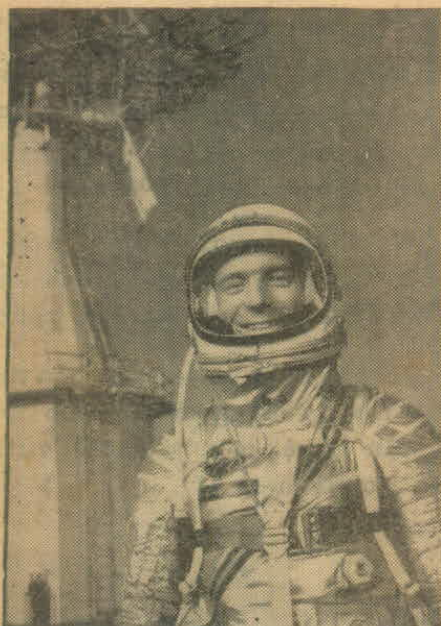
Trên dải đất này, cũng như trên thế giới, sứ mệnh của đạo Phật không thể cáo chung. Bao giờ tàn bạo, ích kỉ, tham lam còn trong lòng người, bao giờ nhân loại còn mơ một cuộc sống thăng bằng, điều hòa và an nhiên, thì đạo Phật vẫn còn sứ mệnh.

NGUYỄN-NGU-Í thuật



Người vũ trụ thứ hai của Mỹ: Scott Carpenter

N. M. H.



Phi hành gia S. Carpenter đứng trước cột Radar không lồ tại Canaveral trước khi lên phi thuyền

Hôm thứ năm 31 tháng 5 vừa rồi từ mũi Canaveral các kỹ thuật gia trong cơ quan N.A.S.A. của Mỹ đã phóng lên không trung một phi thuyền đặt tên là Aurora 7 (Bình minh số 7). Phi thuyền này do phi hành gia Scott Carpenter điều khiển, đã bay ba vòng trên quỹ đạo quanh trái đất trong quãng thời gian 4 giờ 32 phút 39 giây.

Thế là sau chuyến bay của John H. Gleen, với chuyến bay thứ hai này Mỹ lại gỡ thêm được một điểm trong công cuộc chạy đua lên không gian.

Cũng như John H. Gleen, Scott Carpenter là một sĩ quan hải quân. Ông quê ở tiểu bang Colorado. Năm nay ông được 37 tuổi, có vợ, có 4 con, cao khoảng 1 thước 80, nặng 70 kí. Suốt trong trận đại chiến thứ hai ông phục vụ tại một căn cứ huấn luyện của hải quân Mỹ. Khi dứt chiến tranh ông giải ngũ, vào học trường đại học Colorado. Đầu cuối năm 1949 ông không thích đời sống bình thường nữa, xin tái ngũ, vào hải quân trở lại. Năm 1958 cơ quan N.A.S.A. tuyển ông vào nhóm bảy phi hành gia của chương trình Mercury. Họ hỏi ý kiến ông, ông nhận lời ngay vì thấy chương trình đó là cả một mảnh đất dựng võ cho ông thật sự. Bà vợ ông rất tán thành chuyện này. Sau này, lúc chuyến bay của ông chóng thành công, một ký giả đến phỏng vấn bà vợ, có hỏi bà vợ một câu :

— Ngày hôm nay theo ý tôi có lẽ phải là ngày vui thích nhất của đời bà ?



Scott Carpenter
phu nhân

định để bay trong chuyến bay vừa rồi. Người được chỉ định là một phi hành gia khác tên Donald K. Slayton.

Theo những điều dự định thì Carpenter sẽ chỉ có nhiệm vụ đèn một đài kiểm soát đặt ở Úc-châu, và sẽ giữ việc liên lạc với phi thuyền của Slayton suốt trong thời gian phi thuyền bay trên quỹ đạo. Nhưng đến giờ chót Donald K. Slayton không bay được vì hồi tháng ba khi khám lại sức khỏe của Slayton các bác sĩ chuyên về tim cho biết tim của Slayton đập không được điều hòa. Do đó Carpenter được đưa ra thay chân Slayton. Chính Carpenter cũng nói :

— Tôi được bay kỳ này vì thiếu người.

Và mặc dầu ở trong trường hợp đặc biệt như vậy, Carpenter cũng đã hoàn thành nhiệm vụ một cách tốt đẹp, giúp các nhà bác học Mỹ đẩy kỹ thuật thám hiểm không gian của Mỹ tiến thêm được một nấc nữa. Sự

Bà vợ đáp ngay :
— Không đúng hẳn. Cái hôm Scotty được cơ quan N. A.S.A. đề mắt đến hôm đó mới chính là hôm tôi cảm thấy vui thích nhất đời.

Đúng ra thì thoát tiên Scott Carpenter không phải là phi hành gia được chỉ

cố gắng đó của Carpenter rất đáng cho ta chú ý.

Chúng tôi xin thuật lại.

Trong chuyến bay của Carpenter mọi việc cũng khởi đầu và kết thúc giống như trong chuyến bay của Glenn. Cũng trong buổi sáng tinh sương hòa tiên Atlas xịt lửa và phóng vút lên trời, cũng tới một độ cao nhất định phi thuyền tách rời hỏa tiễn để bay theo quỹ đạo, cũng như sau khi làm xong phận sự, phi thuyền quay về mặt đất và nhà phi hành được phi cơ trực thăng vớt lên hàng không mẫu hạm. Đại khái thì như vậy. Nhưng nếu muốn được đúng hơn ta phải thêm rằng trong chuyến bay này Carpenter đã bay nhiều hơn Glenn 400 cây số (kỳ trước Glenn bay 3 vòng trên quỹ đạo tổng cộng được 129.600 cây số kỳ này Carpenter cũng bay 3 vòng nhưng tổng cộng lại được đến 130.000 cây số). Chính trong con số 400 cây số khác nhau này, đã xảy ra cả một sự thử thách gay go khiến bao nhiêu người hồi hộp mà cuối cùng Carpenter đã vượt qua được để trở về quả đất giữa những tiếng hoan hô nồng nhiệt của hàng chục triệu đồng bào.

Lúc chiếc Aurora 7 chở Carpenter bay hai vòng đầu xung quanh quả đất với tốc độ 28.000 cây số một giờ những điều kiện bay không khác những điều kiện trong chuyến của

John Glenn là mây. Nhìn ra khuôn kiền trên hông phi thuyền, Carpenter cũng nhận thấy như Glenn, có những vật lạ, nhỏ vụn vật bay tua tủa phía ngoài. Glenn đã ví những vật ấy đó với một bầy đom đóm. Carpenter thì bảo là : « trông giống như tuyết đang rơi ». Cảnh vật bên ngoài vũ trụ đẹp không thể tả. Carpenter nhìn thấy mặt trời mọc 3 lần và lặn 3 lần, mặt trời chói rực rỡ như một viên kim cương đặt trên tấm thảm đen của khoảng không gian vô tận suốt trong hai vòng đó trong phi thuyền đã xảy ra một vài điều trục trặc nhỏ. Do ảnh hưởng xấu của khí quyển sự liên lạc bằng âm thoại giữa Carpenter và các đài kiểm soát trên mặt đất đặt dài theo quỹ đạo không được khả quan lắm. Máy điều hòa nhiệt độ gắn trên bộ quần áo đặc biệt của Carpenter bị điều chỉnh sai khiến bộ quần áo nóng lên đến 84 độ (16 độ nóng hơn nhiệt độ đã dự trù). Ngay từ vòng đầu bộ phận phân phát nhiên liệu dùng trong tay lái điều khiển phi thuyền lại bắt đầu hoạt động mau quá. Carpenter phải sửa lại, cho phi thuyền Aurora 7 chú ý mũi về phía quả đất. Đài kiểm soát trung ương đặt ở mũi Canaveral vội vã đánh điện chỉ dẫn, giúp Carpenter chữa ngay những điều trục trặc. Viên giám đốc chỉ huy đài kiểm soát Canaveral là ông Christopher Columbus Kraft còn dặn Carpenter :

— Anh ngừng tay ngay, không được dùng đèn bộ phận phân phát dầu tự

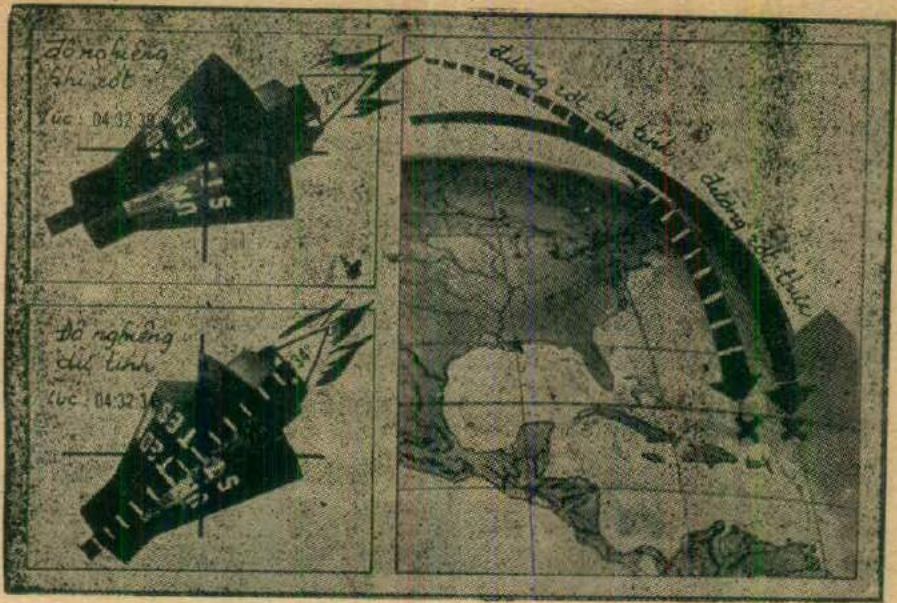
động. Nếu anh cãi tôi, anh sẽ không đủ nhiên liệu để bay vòng thứ ba.

Nói tóm, trong hai vòng bay đầu phi thuyền đã bay suông sẽ đúng theo những điều dự liệu.

Qua đèn vòng thứ ba lúc bay trên không phận quần đảo Hawaii Carpenter bắt đầu gặp khó khăn thật sự. Lúc đó là lúc Carpenter sửa soạn điều khiển cho phi thuyền hạ lần xuống bầu khí quyển và cũng chính là lúc gay go nhất trong bất cứ một chuyến bay nào (theo lời các nhà chuyên môn của chương trình Mercury). Carpenter phải điều khiển thế nào, một : để phi thuyền tách rời quỹ đạo, hướng mũi về mặt đất ; hai : để lúc phi thuyền tiến vào khí quyển lớp giáp kim khí bọc ở đầu phi thuyền hứng chịu tất cả sức nóng do sự cọ sát với không khí gây ra.

Trên phi thuyền có gắn sẵn một giàn hòa tiến hồi tồ. Muốn phi thuyền rời quỹ đạo Carpenter chỉ cần bấm nút cho những hòa tiến này hoạt động. Điều khó duy nhất là phải bấm kịp thời, đúng vào lúc phi thuyền bay đến một điểm nhất định nào đó của quỹ đạo và nghiêng theo một góc độ đã tính trước (trị số của góc độ này theo như đã định trước là 34 độ tính theo đường nằm ngang của chân trời). Nếu bấm đúng lúc, đúng theo độ nghiêng 34 độ, phi thuyền sẽ rơi đại khái đúng vào giữa khu vực có tàu và đội cứu cấp chờ sẵn.

Suốt thời gian bay Carpenter nhìn đồng hồ. The như đã tính sẵn



Độ bay và đường rớt của phi thuyền (hình trích Newsweek)

Carpenter sẽ bấm nút giảm hỏa tiễn hồi tồ đúng vào lúc phi thuyền bay đủ 4 giờ 35 phút 34 giây. Lúc bay trên quần đảo Hawaii, Carpenter cho đài kiểm soát biết là trên phi thuyền còn hơn 35 phần trăm dầu, đủ để điều khiển phi thuyền trở về mặt đất. Nhưng bảy phút trước khi bấm nút các hỏa tiễn hồi tồ, Carpenter đã tiêu thụ hết mất một số dầu khá lớn và nhận thấy phi thuyền không nghiêng đúng theo 34 độ (có đến 11 độ lệch). Đài kiểm soát Arguello trong tiểu bang California do phi hành gia Alan B. Shepard chỉ huy nhận được bản báo cáo này của Carpenter.

Đài Arguello : Sửa soạn cho hỏa tiễn hồi tồ chạy.

Carpenter : Sửa soạn hồi tồ.

Đài Arguello : Roger, hãy kiểm soát lại máy ASCS của anh (bộ phận điều khiển tự động) và xem anh có nghiêng được đúng hướng không.

Carpenter : Cám ơn anh... Nhưng có lẽ tôi phải điều khiển bằng tay.

Cả hai bên cùng đếm : Năm, bốn, ba, hai, một.

Đài Arguello : Băm.

Carpenter : Zero... (im lặng một lúc) Xong rồi. Tôi bấm bằng cả hai tay.

Đài Arguello : Đã nhận. Độ cao của anh hiện giờ thế nào ?

Carpenter : Tạm được... Tôi không biết rõ là hướng chỗ nào, chỉ biết là bộ phận điều khiển tự động đã

lệch mắt rồi... Đèn báo nguy ở giàn hòa tiền bật đỏ...

Theo sự dự đoán của các chuyên viên tại Canaveral thì lúc đó trên phi thuyền có lẽ đã xảy ra những việc như sau. Đèn báo nguy bật đỏ vì phi thuyền không nghiêng đúng theo góc độ ghi trên đồng hồ kiểm soát. Carpenter sốt ruột, không dùng đèn tay lái tự động nữa, đã điều khiển phi thuyền và giàn hòa tiền hồi tò bằng tay. Nguy hơn nữa là trên phi thuyền chỉ còn có 10 phần trăm dầu.

Nhận được bản báo cáo, đài Canaveral biết ngay là Carpenter đang quay về mặt đất với một góc độ nhỏ hơn góc độ đã tính trước. Một mặt các máy tính điện tử lập tức được huy động để định « điểm rơi » của phi thuyền Aurora 7. Một mặt bộ chỉ huy đài đánh điện cho hàng không mẫu hạm Intrepid và đoàn tàu cứu cấp hay tin để kịp thời đổi phó với tình hình. Bộ tư lệnh lực lượng duyên hải Đại-Tây-Dương đóng tại Norjoilk (Virginia) được báo động. Chiến hạm Farragut có trang bị phi đạn vô tuyến điều khiển đang đi công tác cũng được gọi gấp về và xả hết tốc lực để đến khu vực mà Carpenter sẽ rơi xuống.

Trong khi đó thì chiếc Aurora 7 đang hạ lần trên vịnh Mexico và đang ở trên cao độ 150 cây số. Carpenter đang cố sức điều khiển phi thuyền. Đài Canaveral không giàu được nét lo lắng.

Đài Canaveral : Anh cho tôi biết anh còn bao nhiêu dầu.

Carpenter : Trong bộ điều khiển tự động còn được 15 phần trăm. Trong bộ điều khiển bằng tay còn 7 phần trăm. Nhưng không chắc lắm.

Đài Canaveral : Aurora 7...

Carpenter : Tôi đang đáp xuống ..

Đài Canaveral : Đang chờ nghe anh đây.

Máy vô tuyến bỗng tắt suốt trong năm phút. Đài Canaveral đoán có lẽ phi thuyền đang lao mình vào lớp khí quyển. Nhưng năm phút đã trôi qua mà Carpenter vẫn chưa lên tiếng. Chỉ nghe được vài âm thanh ào ào nhỏ nhỏ. Rồi thì hoàn toàn im lặng. Ai nấy đều hồi hộp lo cho Carpenter. Các đài vô tuyến truyền hình và vô tuyến truyền thanh trên khắp nước Mỹ vội vã loan tin. Hàng triệu người Mỹ hồi hộp, ái ngại suốt trong 35 phút. Carpenter đã chết hay còn sống ? Dù buộc trên phi thuyền có mở ra không ? Hay là Aurora 7 đã chìm xuống đáy biển ?

Nhưng rồi cả nước Mỹ thờ phào, sung sướng, một phi cơ trực thăng SC-54 đã tìm thấy Carpenter và chiếc phi thuyền. Hai nhân viên cứu cấp vội nhảy ngay xuống biển. Lúc bước lên hàng không mẫu hạm Intrepid, Carpenter giơ cao hai tay, kêu lên một tiếng lớn báo cho mọi người biết sự thành công của mình trong nhiệm vụ.

Carpenter đã thành công mặc dầu phi thuyền Aurora 7 không đáp xuống mặt đất đúng theo những điều kiện mong muốn. Chính nhờ Carpenter

mà phi thuyền Aurora 7 không chìm mất xuống biển như trong chuyến bay trước đó của Virgil Grissom.

Từ trên hàng không mẫu hạm Intrepid, Carpenter đã dùng điện thoại phúc trình với Tổng thống Kennedy kết quả chuyến bay. Tiểu bang Colorado đang sửa soạn đón tiếp đứa con yêu quý. Tính lại Carpenter đã bay trong vũ trụ suốt năm giờ và đã ở trên mặt biển suốt ba giờ.

Chiếc Aurora 7 không bị hư hại gì hết, được tức tốc chở về Canaveral cho các nhà chuyên môn xem xét.

Tin chắc vào hai sự thành công của Glenn và của Carpenter cơ quan N. A. S. A. đã dự tính đến trung tuần tháng tám tới sẽ phóng một phi thuyền khác bay 3 vòng trên quỹ đạo.

Nhưng nếu khai thác xong những điều thu lượm được do chuyến bay này của Carpenter có lẽ chương trình đó sẽ thay đổi chút ít. Chiếc phi thuyền thứ ba có lẽ sẽ bay sáu vòng và thời gian bay có lẽ đến chín tiếng đồng hồ. Và có lẽ từ nay các phi thuyền sẽ được điều khiển hạ xuống Thái Bình Dương trong hải phận đảo Midway thay vì hạ xuống Đại Tây Dương như trước.

Nếu nhìn toàn thể những công cuộc mà chương trình Mercury đã thực hiện được, ta thấy nội trong vòng năm năm kể từ ngày khởi sự phóng được một vệ tinh nhỏ bé to ký lên quỹ đạo tới nay, nước Mỹ đã làm được một sự nỗ lực khiến toàn dân Mỹ đang bắt đầu tin tưởng.

N. M. H.

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMÈS



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỀ BÀN GIẤY

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone : 20.821 — SAIGON

HỘP THƯ BÁCH - KHOA

Bách-Khoa vừa nhận được :

- **Nóng ma trong sương** (Đỗ Tiến Lộc) **Độc hành ca** (Yên Thu) **Buồn về ốc đảo** (Cô Lữ) **Tình lĩa cầu** (Mặc Mai Nhân) **Nhìn trăng** (Hoài Giang) **Trưa - Chiều** (Ngô Thế Phiệt) **Sợ vợ** (Nguyễn Phước Đáng) **Giữa hai kích thước** (Thơ) (Vũ Trung Tùy Lãng) **Chúng mình yêu nhau** **Xấu hay Tốt** (Phan Trần Nghĩa) **Tháng giêng nồng cay** (Phạm Thế Trúc) **Sao anh chưa về** (Nguyễn Xuân Tử) **Mộng xuân** (Phạm Kim Long) **Thủ sáng tạo** **Trắng máu...** (Ưu Đàm Trần Kim Huế) **Úp mắt** **Ngoài tầm tay...** (Kỳ Lê Văn) **Khúc hát không ngày** (Mặc Ly Châu) **Chiến tranh và nhân đạo** (Huy Nghĩa) **Vào thu** **Lên đường** (Văn Cung - Minh Quốc) **Trận trở - Giéo hạt** (Vàm Giang Tử).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng, trừ trường hợp đặc-biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

SÁCH BẢO MỜI

Bách-Khoa đã nhận được :

- **Tư tưởng Hiện-đại** của Bùi-Giang, do tác giả gửi tặng, trình bày tư tưởng của Gabriel Marcel, Karl Jaspers, Albert Camus Simone Weil, Paul Claudel, Saint Exupéry Jean Paul Sartre, André Malraux - Sách dày 330 trang, in giấy trắng, giá 120 đ.

- **Vạn vật học** lớp đệ-Tứ, của Nguyễn-Cửu-Thiệp, Giáo-sư Trung học Hàm-Nghi, Huế, do tác giả gửi tặng - Sách dày 204 trang, in lần thứ năm, có sửa chữa và thêm bài, giá 35 đ.

- **Tây-Thái-Hậu** của Nguyễn-Hùng Hoa-Lư Thư-xã xuất bản và gửi tặng. Sách dày 578 trang, gồm 3 quyển đóng thành một tập, bìa carton.

- **Intellectuals, Writers and Artists** by Như-Phong do tác giả gửi tặng, tạp chí « The China quarterly » ấn hành.

- **Thôn phận** Tập thơ của Hoài-Khanh, Đình Cường vẽ bìa, do tác giả xuất bản lấy và gửi tặng. Thi phẩm dày 98 trang, gồm 41 bài thơ bản đặc biệt không để giá.

- Tập san **Hội điện học Việt-Nam**, số đặc-biệt: Đềm Điện 62

- **Ngây vui** tập truyện ngắn của Đăng-Trần-Huân do tác giả gửi tặng. Sách dày 164 trang gồm 7 truyện ngắn và 1 đư-ký, giá 32 đ.

- **Kinh Trường A-Hàm**, Thích-Trí-Đức dịch, Phật học-viện Trung-phần xuất bản và Thư viện Phật học viện Nha-Trang gửi tặng. Sách dày 342 trang, giá 60 đ.

- **Mùa phượng vĩ** tập thơ của Lương-Trọng-Minh do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 114 trang, gồm 58 bài thơ, giá 30 đ.

Xin trân trọng cảm ơn các tác giả, nếu xuất bản và ấn cần giới thiệu cùng quý vị độc giả.

SÁCH BÁO MỚI

Cho thuê bản thân.

- **Hiện tình văn nghệ miền Nam** (nhận định) của Thế-Phong
- **Cho thuê bản thân**, (tập thơ của Thế-Phong gồm 28 bài.
- Lạc loài** tập thơ của Thiết-Tổ gồm 13 bài. 3 cuốn sách trên đây

đều do Đại-Nam văn-hiến xuất bản và gửi tặng. Sách in ronéo, không bán, riêng tập thơ « Cho thuê bản thân » giá 50 đ.

- **Tuổi xanh** truyện giải trí của Nguyễn-Tú-An và Hà-Mai-Anh — Giá mỗi cuốn 1 đ.

Đã có bán các hiệu sách

THÂN PHẬN

tập Thơ thứ 2 của HOÀI-KHANH

- Gồm 50 bài thơ trong đó có 24 bài thơ lục bát.
- Bìa và trình bày do họa sĩ Đinh-Cường.
- In thật đẹp trên giấy Vergé bìa giấy Ingres giá 32 đ.
- Các bạn ở xa muốn mua xin liên lạc với tác giả, số 5, Nguyễn-Hữu-Cảnh — SAIGON.

TRUNG HỌC TƯ THỰC

THỦ - KHOA

52-54, Nguyễn-khắc-Nhu, Saigon — Đ. T.: 25.151

(Ngang rạp hát Hưng-Đạo)

Giấy phép số 2324-GD/TT/TRH cấp ngày 30.4.62

NGÀY 4-6-62, KHAI GIẢNG NIÊN KHÓA 62-63

Từ ĐỆ THẤT đến ĐỆ NHỊ A.B.C.

Đủ lớp: SÁNG — CHIỀU — TỐI

NỮ SINH CÓ LỚP RIÊNG

- Danh sách giáo sư phụ trách mỗi lớp đã có niêm yết tại văn phòng.
- Kết quả kỳ thi T.H.Đ.N.C. khóa 26-4-62.

140 học sinh đậu với 10 bình thứ

Danh sách học sinh đậu đã đăng trên các báo Ngôn Luận, Saigon Mai, Tự Do, Báo Mới và niêm yết tại Văn phòng.

VỀ QUYỀN :

« LA MUSIQUE VIÊTNAMIENNE TRADITIONNELLE »

CỦA TRẦN-VĂN-KHÊ

Có những bạn hỏi chúng tôi — từ hai năm trước hoặc gần đây — về luận án trên đây của bạn Trần-Văn-Khê, nay chúng tôi xin trả lời chung :

Quyển sách này, nhà « Presses Universitaires de France » vừa in xong, giá 45 N. F., tính theo giá thị trường hối suất tự do là 900 \$.

Vậy những bạn nào muốn có quyển sách trên (hoặc những hiệu sách nào muốn mua về bán) xin liên lạc thẳng với nhà xuất bản.

Les Presses Universitaires de France
108, Boulevard Saint-Germain — PARIS (5^e)

NÊN HÚT THUỐC LÀ



JOB

吸請 金字烟

Cigarettes

JOB

Sunfines

COFAT

CHOLON

BÁCH-KHOA

Bán nguyệt-san

Biên Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ

160, Phan Đình-Phùng

Đ. T. 25.539 - H. T. 339

SAIGON

-:-

PHIẾU MUA BÁCH-KHOA

DÀI HẠN

Phương danh độc giả.....

Địa chỉ.....

Thời hạn mua (1)..... bắt đầu từ.....

Thẻ thức trả tiền.....

..... ngày..... tháng..... 1962

Ký tên,

Giá báo dài hạn :

Một năm : 180 \$

6 tháng : 90 \$

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, hay bằng chi phiếu hoặc gửi bưu phiếu.

• Mua dài hạn Bách-Khoa

— Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.

— Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó.

— Trả trước 180 \$, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm 60 \$ (20 số thường 200 \$ + 2 số đặc biệt và số Tết 40 \$ = 240 \$)

• Mua dài hạn Bách-Khoa để gửi tặng các bạn quen là một món quà trang nhã trong dịp Tết mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim



LUÂN - ĐÔN TỔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E. C. 2



SAIGON CHI - CỤC

CHI - CỤC CHÍNH : 3, Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhất

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.)



NAM - YANG CHI - CỤC

10, Phlaur Preah Kossamac



CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIỄN-ĐÔNG



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu